

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐỖ VĂN TRUNG

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ
THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐỖ VĂN TRUNG

**XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ
THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC
MÃ SỐ: 931.02.04**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1. TS Đinh Ngọc Quý



Chủ tịch Hội đồng

2. PGS. TS Nguyễn Hữu Lập



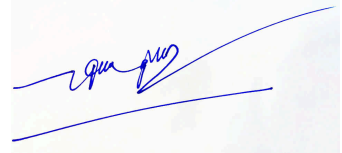
PGS.TS Lý Việt Quang

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Đỗ Văn Trung', is written over a light blue horizontal line. The signature is stylized and cursive.

Đỗ Văn Trung

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	9
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	9
1.2. Khái quát kết quả của các công trình liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.....	32
Chương 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY	36
2.1. Một số vấn đề lý luận về xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay	36
2.2. Một số vấn đề thực tiễn về xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay	42
Chương 3. XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY – THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	89
3.1. Xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay - thành tựu và nguyên nhân.	89
3.2. Xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay - hạn chế và nguyên nhân.	103
3.3. Những vấn đề đặt ra trong xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay	103
Chương 4. DỰ BÁO YẾU TỐ TÁC ĐỘNG, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI THỜI GIAN TỚI	123
4.1. Dự báo yếu tố tác động đến công tác xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội thời gian tới	129
4.2. Phương hướng và giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội thời gian tới	132
KẾT LUẬN.....	166
DANH MỤC CÁC NGHIÊN CỨU ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	169
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	170
PHỤ LỤC.....	185

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
DH, CĐ	Đại học, cao đẳng
DNGV	Đội ngũ giảng viên
ĐNNG	Đội ngũ nhà giáo
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GVT	Giảng viên trẻ
HNQT	Hội nhập quốc tế
NCKH	Nghiên cứu khoa học
QĐND	Quân đội nhân dân
SQQĐ	Sĩ quan quân đội
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Cơ cấu độ tuổi, giới tính của ĐNGV trẻ.....	91
Bảng 3.2. Kết quả hoàn thành nhiệm vụ của ĐNGV trẻ.....	92
Bảng 3.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ của ĐNGV trẻ từ cuộc thi “Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội”.....	98

DANH MỤC MÔ HÌNH

Mô hình 1: Nhóm giải pháp về nhận thức trong xây dựng ĐNGV trẻ	135
Mô hình 2: Nhóm giải pháp về nội dung và biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ	148
Mô hình 3: Nhóm giải pháp về tự đào tạo, thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ	152
Mô hình 4: Nhóm giải pháp về hợp tác trong xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ ...	163
Mô hình 5: Mối quan hệ giữa các giải pháp xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội	164

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Giảng viên trẻ và công tác xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay có vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với công tác giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học trong toàn quân nói chung và các trường sĩ quan quân đội nói riêng. Giảng viên trẻ là đội ngũ kế cận, tuổi đời đang trong giai đoạn sung sức nhất cả về mặt thể lực và trí lực, năng động, sáng tạo, quyết tâm cao để công tác, phục vụ lâu dài. Đây là lực lượng nòng cốt, thế hệ tương lai của sự nghiệp giáo dục và đào tạo của quân đội, các trường sĩ quan quân đội góp phần vào việc truyền thụ kiến thức, bồi đắp đạo đức cách mạng và nhân cách, đào tạo các thế hệ học viên. Công tác xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ nhằm hình thành trên thực tế đội ngũ giảng viên trẻ đảm bảo về số lượng, chất lượng và cơ cấu ở các trường sĩ quan quân đội, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng các trường sĩ quan quân đội thông minh, hiện đại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc Việt Nam, nhà giáo dục vĩ đại, đặt nền móng cho sự ra đời của nền giáo dục cách mạng Việt Nam. Người là tấm gương sáng, mẫu mực về tự học, tự rèn, đấu tranh bền bỉ để hoàn thiện bản thân. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục nói chung và xây dựng ĐNNG nói riêng. Người đã có những quan điểm rất sâu sắc về vị trí, vai trò, sứ mệnh, phẩm chất, năng lực của nhà giáo và các biện pháp xây dựng ĐNNG. Người cho rằng: “Không có thầy giáo thì không có giáo dục... không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế văn hoá” [105; tr.345]. Vì vậy, Người luôn quan tâm chăm lo, xây dựng ĐNNG vừa hồng, vừa chuyên, đáp ứng yêu cầu của nền giáo dục mới. Điều đó, khẳng định giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG.

Thấm nhuần tư tưởng đó, Đảng ta xác định GD&ĐT là quốc sách hàng đầu, trong đó đặc biệt coi trọng vị trí, vai trò của đội ngũ nhà giáo. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, chỉ rõ:

Cùng với đề cao vị trí, vai trò và trách nhiệm xã hội, cần đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng ĐNNG và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt. Sắp xếp, đổi mới căn bản hệ thống các cơ sở đào tạo sư phạm, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách và giải pháp để cải thiện mức sống, nâng cao trình độ và chất lượng ĐNNG và cán bộ quản lý giáo dục [44; tr.138-139].

Thấu triệt lời dạy của Người và quan điểm của Đảng ta, lớp lớp thế hệ các thầy giáo, cô giáo đã không ngừng nỗ lực phấn đấu cho sự nghiệp giáo dục nước nhà.

Những năm qua, công tác xây dựng ĐNNG nói chung, xây dựng ĐNGV nói riêng, trong đó có xây dựng ĐNGV trẻ của ngành giáo dục đã được nhiều kết quả tốt. Qua đó, ngành giáo dục nước nhà đã xây dựng được ĐNGV có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ GD&ĐT; tương đối đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo về số lượng đáp ứng được yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của ngành GD&ĐT. Các nhà trường đã có sự đổi mới theo tinh thần phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo và tích cực của người học; giảng viên đã chủ động trong việc đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác giảng dạy, nghiên cứu và quản lý, góp phần nâng cao chất lượng công tác GD&ĐT nước nhà.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra hiện nay là chất lượng ĐNGV không đồng đều giữa các trường, địa bàn. Ở những nơi khó khăn, vẫn còn thiếu ĐNGV có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm tốt. Có giảng viên chưa thật sự mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới hiệu quả phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và giáo dục sinh viên, chưa biết cách tạo động lực và phát huy tính tích cực, sáng tạo của sinh viên trong

học tập và rèn luyện nhân cách đạo đức. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI của Đảng đã chỉ rõ: ĐNNG và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, vi phạm đạo đức nghề nghiệp; thậm chí đã có những trường hợp vi phạm pháp luật.

Công tác xây dựng ĐNGV trẻ có ý nghĩa rất quan trọng trong phát triển toàn diện công tác GD&ĐT, nâng cao vị thế và uy tín của các trường SQQĐ, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho quân đội. Những năm qua, công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ đã đạt được những kết quả nhất định; số lượng, chất lượng và cơ cấu ĐNGV trẻ có sự cải thiện đáng kể; tuy nhiên, công tác này vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, dẫn đến sự bất cập cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu ĐNGV trẻ.

Hiện nay, công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ chịu sự tác động của nhiều yếu tố và những yêu cầu mới đặt ra như: Hội nhập quốc tế; đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; chuyển đổi số, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; việc sắp xếp, tổ chức biên chế, xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, xây dựng các nhà trường quân đội thông minh; yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới; thực hiện Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong quân đội giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo”; việc đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”... Điều đó, đặt ra những thuận lợi và cả những khó khăn, thách thức cho công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và HNQT”, khẳng định GD&ĐT nước ta đã đạt được

hiệu kết quả quan trọng. Tuy nhiên, việc thể chế hoá một số nội dung của Nghị quyết thành chính sách, pháp luật phục vụ đổi mới GD&ĐT, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học chậm được ban hành;... Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa thực sự gắn với thị trường lao động, chưa đáp ứng yêu cầu nhân lực cho các ngành kinh tế mới, công nghệ cao; trình độ ngoại ngữ, trong đó có tiếng Anh của lao động qua đào tạo còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu HNQT. Tỷ lệ học sau đại học, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ còn thấp. Cơ cấu, số lượng ĐNNG ở nhiều địa phương chưa hợp lý, chất lượng chưa đồng đều. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục còn bất cập...

Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về đổi mới công tác GD&ĐT đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới xác định: “Xây dựng ĐNNG, cán bộ quản lý giáo dục đủ số lượng, đảm bảo về chất lượng, có cơ cấu hợp lý, đạt chuẩn theo quy định, có đủ quân số để thực hiện nhiệm vụ quản lý, giảng dạy” [120; tr.8-9]; phần đầu “Đến hết năm 2030, 95% trở lên nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn theo quy định; 20-30% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế” [123; tr.5].

Điều đó, đòi hỏi cấp ủy, cán bộ chủ trì các cấp, nhất là ở các trường SQQĐ cần nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG, vận dụng có hiệu quả vào xây dựng ĐNGV trẻ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh. Với những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn vấn đề: ***“Xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay”*** làm đề tài Luận án tiến sĩ ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG nhằm vận dụng vào đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích của đề tài, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau đây:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, từ đó xác định những nội dung luận án cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, giải quyết.
- Luận giải các khái niệm có liên quan đến đề tài luận án; phân tích, làm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG; xác định các tiêu chí xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.
- Đánh giá thực trạng công tác xây dựng ĐNGV trẻ, chỉ rõ những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.
- Phân tích dự báo những yếu tố tác động và xác định những vấn đề đặt ra trong xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.
- Xác định phương hướng và đề xuất giải pháp cơ bản xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG và xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*: Tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG, làm cơ sở cho việc nghiên cứu xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay. Đánh giá thực trạng xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ giai đoạn từ năm 2020 đến nay; từ đó xác định các giải pháp xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ từ nay đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

- *Về không gian*: Luận án nghiên cứu hệ thống các quan điểm trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG, khảo sát thực trạng xây dựng

ĐNGV trẻ trên các mặt cơ bản ở các Trường Sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Thông tin (vì đây là các trường sĩ quan có bề dày truyền thống, quy mô đào tạo sĩ quan cấp phân đội rộng nhất, số lượng học viên, giảng viên, giảng trẻ đông nhất và đại diện cho các nhóm ngành đào tạo của các trường SQQĐ là chỉ huy tham mưu binh chủng hợp thành, công tác đảng, công tác chính trị và đại diện sĩ quan khối binh chủng).

- *Về thời gian*: Đánh giá thực trạng xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ giai đoạn từ năm 2020 đến nay, vì đây là giai đoạn quan trọng, có ý nghĩa quyết định việc thực hiện các nội dung, chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Đảng bộ Quân đội nói chung và của các trường SQQĐ nói riêng. Nội dung, giải pháp tiếp tục xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ từ nay đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của đề tài là hệ thống những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác GD&ĐT, xây dựng quân đội, nhà trường quân đội, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu đối với từng nội dung:

- Luận án sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, logic và lịch sử, văn bản học, đọc, hệ thống hóa, khái quát hóa để tổng quan các công trình khoa học nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG.

- Phương pháp quan sát, điều tra xã hội học, thống kê, so sánh; phương pháp toán học,... để tổng hợp ý kiến, xử lý số liệu, xác định căn cứ để nghiên cứu sinh đưa ra những nhận định, phân tích, đánh giá khách quan, khoa học

những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân; đề xuất các giải pháp khoa học, có tính khả thi cao trong xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian tới.

5. Đóng góp mới của luận án

- Nghiên cứu, làm rõ các khái niệm liên quan đến đề tài luận án; phân tích, hệ thống hóa, làm sáng tỏ những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG;

- Đề tài xây dựng các tiêu chí xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.

- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ, chỉ ra những thành tựu, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của thực trạng đó.

- Dự báo những yếu tố tác động, xác định những vấn đề đặt ra trong xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ.

- Đề xuất những nội dung và các nhóm giải pháp khoa học, khả thi nhằm góp phần xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ trong thời gian tới.

- Đề tài cung cấp những luận cứ khoa học cho việc xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ nói riêng, các trường đại học trong cả nước nói chung.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

6.1. Về lý luận

- Đề tài góp phần làm sáng rõ những vấn đề lý luận về xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.

- Góp phần khẳng định vị trí, vai trò, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG đối với xây dựng ĐNNG trong cả nước nói chung và xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ nói riêng trong thời gian tiếp theo.

6.2. Về thực tiễn

- Đề tài có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, giảng dạy và học tập về Hồ Chí Minh.

- Hệ thống các giải pháp mà luận án đưa ra giúp cho cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy các cơ sở giáo dục đại học trong cả nước nói chung và trong toàn quân nói riêng nghiên cứu, vận dụng vào xây dựng ĐNGV trẻ.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần cung cấp, bổ sung những luận cứ khoa học, cơ sở dữ liệu cho các cơ quan tham mưu nghiên cứu khi xây dựng các nghị quyết, đề án, kế hoạch về GDĐT nói chung, về xây dựng ĐNNG nói riêng.

7. Kết cấu của luận án

Luận án được kết cấu gồm: mở đầu, nội dung (4 chương 9 tiết), kết luận, danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về xây dựng đội ngũ giảng viên

Vấn đề xây dựng ĐNGV đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau, tiêu biểu như:

Công trình nghiên cứu của tác giả Lại Văn Chính (2004) về *“Nghiên cứu và dự đoán tiềm năng phát triển của giảng viên dựa trên các đặc tính nghiệp vụ và hồ sơ cá nhân làm cơ sở xây dựng chương trình phát triển đội ngũ giảng viên”* [26]. Trong đó, đã tập trung nghiên cứu, phân tích, luận giải xung quanh những nội dung về tiềm năng của giảng viên, nhất là chú trọng vào những yếu tố về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp sư phạm, NCKH và đưa ra dự đoán tiềm năng phát triển của giảng viên dựa trên các đặc tính nghiệp vụ và hồ sơ cá nhân làm cơ sở xây dựng chương trình, kế hoạch bằng các mục tiêu và giải pháp nhằm phát triển ĐNGV. Đây là công trình được đánh giá cao, có những đóng góp cho sự nghiệp giáo dục nước nhà và các nhà nghiên cứu về quản lý giáo dục kế thừa và tiếp tục phát triển, trong đó có nghiên cứu sinh với đề tài của bản thân.

Tác giả Quan Vân Phi (2010), với công trình về *“Nghiên cứu mô hình quản lý nguồn nhân lực giảng viên đại học”* [116], đã bàn về cơ chế quản lý ĐNGV và nhấn mạnh việc một số trường đại học ở Trung Quốc chỉ tuyển dụng giảng viên vào mà chưa có cơ chế bãi nhiệm, vẫn tồn tại hiện tượng “họ hàng”, tuyển dụng “lấy thân tín làm trọng”; công tác bồi dưỡng giảng viên còn thiếu tính mũi nhọn và tính cấp độ,... Tác giả nhấn mạnh trước đây, dưới thể chế kế hoạch hóa, việc quản lý ĐNGV ở các trường đại học Trung Quốc đều lấy công việc làm trung tâm, xem nhẹ yếu tố con người “nhìn việc mà không nhìn thấy người”, coi nhẹ khả năng con người. Mô hình quản lý này đã không phát huy được tính tích

cực, sáng tạo của giảng viên, vì thế phải đổi mới tư duy từ quan niệm quản lý nhân lực giảng viên “truyền thống” sang quản lý “hiện đại”, trong đó nhiệm vụ đầu tiên để thực hiện tư tưởng “lấy con người làm trung tâm” phải coi giảng viên trong các trường đại học là chủ thể, bởi chính thái độ và sự nhiệt tình của giảng viên có vị trí, vai trò quan trọng, quyết định đến sự phát triển của trường đại học.

Công trình của tác giả Nguyễn Văn Độ (2010), *“Phát triển ĐNGV các trường đại học ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học”* [52]. Tác giả đã đưa ra thực trạng về chất lượng ĐNGV của các trường đại học khu vực đồng bằng sông Cửu Long, bên cạnh những ưu điểm, kết quả, chất lượng ĐNGV; đã chỉ rõ những hạn chế, nguyên nhân về ĐNGV các trường đại học ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Từ đó đề ra các giải pháp để phát triển ĐNGV của các trường đại học khu vực đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển mọi mặt của vùng. Công trình nghiên cứu đã có những nội dung đề nghiên cứu sinh kế thừa chọn lọc cho luận án.

Bộ GD&ĐT (2010), với nghiên cứu: *“Đổi mới giáo dục Việt Nam”* [11] đã nhấn mạnh vai trò lực lượng nòng cốt của ĐNNG đối với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Đề cao vị trí, vai trò của ĐNNG phải được tuyển dụng theo phương thức ưu tiên (tốt nghiệp loại khá, giỏi), sinh viên có phẩm chất tốt và trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, nguyện vọng trở thành nhà giáo. Điều này, đòi hỏi Nhà nước quy định rõ ràng và chính sách bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và chuẩn hóa theo các tiêu chí thống nhất; nhà giáo được cử đi học tập để nâng cao trình độ, năng lực và được tham gia vào bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các hoạt động NCKH; và được hưởng chế độ tiền lương, phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ đặc thù khác theo quy định; “nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được ủy ban nhân dân các cấp tạo điều kiện về chỗ ở, được hưởng chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi theo quy định của Chính phủ,...” [11, tr.260-264].

Vũ Việt (2010) với công trình *“Nghiên cứu kiện toàn, phát triển và nâng cao chất lượng ĐNNG, cán bộ quản lý giáo dục trong các nhà trường quân đội”* [152] đã phân tích những vấn đề lý luận, đánh giá thực trạng; xác định những vấn đề đặt ra cần giải quyết; đề xuất các nhóm giải pháp nhằm phát triển và nâng cao chất lượng ĐNNG, cán bộ quản lý giáo dục trong các nhà trường quân đội. Nhấn mạnh giải pháp có tính hệ thống, đồng bộ từ việc hoàn thiện, bổ sung các văn bản pháp quy; kiện toàn quy mô; thực hiện chuẩn hoá chất lượng ĐNNG, cán bộ quản lý giáo dục quân đội đạt chuẩn về trình độ học vấn, kinh nghiệm thực tiễn, năng lực và nghiệp vụ sư phạm; về chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, chú ý đến kỹ năng NCKH của ĐNNG và cán bộ quản lý giáo dục trong bối cảnh mới.

Tác giả Lương Thanh Hân (2011), với nghiên cứu *“Phát triển bản lĩnh chính trị và tri thức khoa học của GVT khoa học xã hội và nhân văn ở các nhà trường sĩ quan QĐND Việt Nam hiện nay”* [62], đã xây dựng các khái niệm cơ bản như phát triển bản lĩnh chính trị, tri thức khoa học của GVT; khảo sát, đánh giá thực trạng về bản lĩnh chính trị, tri thức khoa học của GVT khoa học xã hội và nhân văn ở các nhà trường QĐND Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm phát triển bản lĩnh chính trị và tri thức khoa học của GVT khoa học xã hội và nhân văn ở các trường SQQĐ hiện nay.

Tác giả M.V.Kibakin (2011), trong *“Nghiên cứu chất lượng cuộc sống của cán bộ giảng dạy của các cơ sở giáo dục quân sự trong quân đội Nga”* [91], đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của những người cán bộ thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong các trường của quân đội Nga. Vì thế chất lượng cuộc sống của họ trong các cơ sở giáo dục quân sự của quân đội Nga phải được đảm bảo, nâng cao, nhằm bổ sung hiệu quả cho những giá trị cơ bản như tinh thần tận tụy, lòng trung thành và nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, hy sinh cho Tổ quốc. Những giá trị ấy chỉ có được khi những cán bộ giảng dạy trong nhà trường quân sự được tôn vinh và đảm bảo chất lượng trong cuộc sống. Trong nghiên cứu, tác giả đã so

sánh chất lượng cuộc sống giữa nhà giáo của các trường dân sự với tính chất đặc thù công việc của đội ngũ cán bộ giảng dạy trong các cơ sở giáo dục của quân đội Nga, nổi lên là không có thời gian, cũng không có nhiều cơ hội để cải thiện thêm cuộc sống. Do đó, các cơ sở giáo dục quân sự phải đảm bảo chất lượng cuộc sống của cán bộ giảng dạy bằng những đặc điểm của các giá trị tham chiếu trong mối quan hệ khác nhau đối với các nhóm xã hội tương đồng và các nhà hoạt động kinh tế xã hội để các cán bộ giảng dạy trong các cơ sở giáo dục quân sự của quân đội Nga yên tâm thực nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu của mình. Đây là những nội dung để nghiên cứu sinh tiếp thu, vận dụng vào trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trong luận án.

Công trình của tác giả Trần Mai Ước (2013), *“NCKH của giảng viên - Yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đại học trong giai đoạn hiện nay”* [154]. Trong đó, tác giả đã nhấn mạnh đến giảng dạy và NCKH là hai nhiệm vụ vừa quan trọng bắt buộc vừa cần thiết của bất kỳ giảng viên đại học nào. Cả hai nhiệm vụ này có quan hệ hữu cơ với nhau, bổ trợ lẫn nhau. Đặc biệt, tác giả đề cao nhiệm vụ NCKH của giảng viên đại học có ảnh hưởng lớn đến chất lượng, uy tín đào tạo của đại học. Qua đó, chỉ ra các lợi ích thiết thực của NCKH đối với giảng viên, điển hình như NCKH giúp giảng viên đào sâu, cập nhật, trau dồi tri thức; phát triển tư duy, năng lực sáng tạo của giảng viên; gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, lý thuyết và thực hành.

Nguyễn Danh Tuấn (2013), *“Giảng viên - “chìa khóa” mở cánh cửa chất lượng đào tạo đại học, cao đẳng”* [134], trong công trình trên, tác giả cho biết hiện nay Việt Nam có nhiều trường đại học, cao đẳng. Đồng nghĩa với việc này là số lượng giảng viên tăng lên tương ứng, tuy nhiên việc tăng chất lượng giảng viên không thể nhanh như thành lập một trường đại học, dẫn đến ngoài các trường đại học lâu đời có uy tín trước đây, còn lại đa số các trường đại học mới thành lập đều thiếu hụt ĐNGV đủ chuẩn về học vị, năng

lực giảng dạy, NCKH. Chính nguyên nhân này khiến cho uy tín, chất lượng đào tạo của một số trường bị suy giảm, ảnh hưởng đến tuyển sinh, chất lượng GD&ĐT của nhà trường. Theo tác giả, ĐNGV chính là “máy cái”, là “chìa khóa” để mở cánh cửa chất lượng đào tạo ĐH, CĐ. Đây là những nội dung đề nghiên cứu sinh tiếp thu và vận dụng vào nghiên cứu của mình.

Tác giả Nguyễn Đức Hiền (2013), *“Phát triển nguồn nhân lực giảng viên của trường Đại học Kinh tế quốc dân hướng tới mục tiêu trở thành đại học nghiên cứu”* [63]. Nghiên cứu đã đề cập đến tiêu chuẩn đặc trưng của một trường đại học nghiên cứu đào tạo sau đại học chiếm tỷ trọng cao; hoạt động NCKH mang lại nguồn thu chủ yếu thông qua liên kết nghiên cứu bên ngoài, ĐNGV có trình độ và tận tâm với giảng dạy và NCKH. Chiếu theo các tiêu chuẩn đặc trưng này thì Đại học Kinh tế quốc dân vẫn chưa đáp ứng cả về chất lượng và số lượng, đặc biệt ĐNGV ở thế hệ trẻ đang có xu hướng học tập nâng cao trình độ trong nước, dẫn đến hạn chế về ngoại ngữ và quan hệ với đối tác nước ngoài như hoạt động hợp tác quốc tế; số giảng viên chủ động tham gia NCKH chưa nhiều, nhất là làm chủ biên các công trình khoa học; thay vào đó là giảng viên lâu năm, có kinh nghiệm trong NCKH, nhất là các đề tài lớn, mới và khó; GVT chỉ là thành viên tham gia.

Trong công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thế Dân (2016), *“Phát triển ĐNGV các trường đại học sư phạm kỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực”*, [41], đã luận giải rõ lý luận, thực tiễn và đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển ĐNGV các trường đại học sư phạm kỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho ĐNGV hướng đến mục tiêu “chuẩn hóa, hiện đại hóa” ĐNGV các trường đại học sư phạm kỹ thuật đáp ứng yêu cầu mới về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của các nhà trường.

Công trình nghiên cứu của tác giả Đặng Sĩ Lộc (2017) về *“Xây dựng ĐNGV trẻ khoa học xã hội nhân văn trong các nhà trường quân đội hiện nay”*, [85]. Trong đó, đã trình bày những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn, yêu cầu; đề xuất biện pháp chủ yếu xây dựng ĐNGV trẻ khoa học xã hội nhân văn trong các nhà trường quân đội hiện nay. Tuy nhiên, tác giả chưa đề cập đến nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG và việc vận dụng vào xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ. Theo đó, cũng chỉ nghiên cứu về việc xây dựng ĐNGV trẻ lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn chứ chưa nghiên cứu tổng thể việc xây dựng ĐNGV trẻ trên các lĩnh vực như khoa học quân sự, văn hóa, ngoại ngữ, chuyên môn kỹ thuật.

Trần Hậu Tân (2017), với công trình: *“Nâng cao năng lực sư phạm của ĐNGV trẻ trong các nhà trường quân đội”* [126] đã quan niệm: “Năng lực sư phạm là một bộ phận cấu thành văn hoá sư phạm, là yếu tố trực tiếp quyết định đến chất lượng, hiệu quả các hoạt động sư phạm của người GVT trong tương lai” [126, tr.14]. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay việc nâng cao năng lực sư phạm cho ĐNGV trẻ còn những tồn tại, bất cập; thực tế cho thấy không ít GVT trong quá trình thực hành nghiệp vụ sư phạm còn e dè, thiếu tự tin; chưa có nhiều trải nghiệm thực tế những vấn đề thực tiễn quân sự; giải quyết các tình huống sư phạm còn chủ quan, máy móc, thiếu linh hoạt. Điều này, đòi hỏi phải xây dựng những giải pháp chủ yếu góp phần nâng cao năng lực sư phạm cho ĐNGV trẻ ở các nhà trường quân đội.

Nghiên cứu của tác giả Bounpone Keophengla (2017), *“Các thành phần cơ bản trong khung năng lực nghề nghiệp của giảng viên sư phạm với yêu cầu đổi mới giáo dục và HNQT của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào”* [5] cho rằng: “Năng lực nghề nghiệp được coi là sự tích hợp giữa ba thành tố kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để hoàn thành được những công việc và nhiệm vụ trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp” [5, tr.39]. Bởi

vậy, phát triển năng lực nghề nghiệp - nhiệm vụ cơ bản để nâng cao chất lượng ĐNNG của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào. Nghiên cứu đã phân tích và đánh giá các thành phần cơ bản trong khung năng lực nghề nghiệp của giảng viên đó là: “Phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn nghề nghiệp sư phạm, năng lực dạy học và giáo dục của nghề nghiệp sư phạm; năng lực phát triển chương trình, tài liệu đào tạo ngành sư phạm, năng lực NCKH, năng lực quan hệ với các cơ sở giáo dục, năng lực phát triển nghề nghiệp và năng lực hỗ trợ, ...” [5, tr.41- 42].

Nguyễn Trần Long (2017) trong bài viết “*Nâng cao chất lượng ĐNGV trong các nhà trường Quân đội hiện nay*” [86] đã khẳng định vai trò của ĐNGV trong quá trình nâng cao hiệu quả GD&ĐT. Tuy nhiên, “một số giảng viên chưa tích cực học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức, nhất là về ngoại ngữ, tin học và khả năng sử dụng thiết bị dạy học hiện đại và giảng dạy và NCKH; trình độ, năng lực chưa theo kịp với sự phát triển của tình hình, nhiệm vụ” [86, tr.17]. Tác giả đã đề xuất các giải pháp để xây dựng ĐNGV có chất lượng ngày càng cao, số lượng và cơ cấu phù hợp, nâng cao chất lượng đánh giá, quy hoạch, luân chuyển và quản lý đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, tăng cường đầu tư cơ sở, vật chất, trang bị phục vụ công tác giảng dạy và NCKH, thường xuyên quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho ĐNGV. Đây là những nội dung mà nghiên cứu sinh tiếp tục kế thừa và phát triển trong nghiên cứu của mình.

Tác giả Kham Phounvong Nouanphet (2017), với nghiên cứu “*Đánh giá giảng viên đại học nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào*” [88] cho rằng, vấn đề đánh giá giảng viên các trường đại học ở Lào hiện nay là yêu cầu khách quan nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục. Việc đánh giá giảng viên phải hướng đến chuẩn đánh giá của các nước trong khu vực và thế giới đồng thời phải phù hợp với thực tiễn quản lý phát triển ĐNGV. Theo đó, tác giả chỉ rõ:

“Đánh giá giảng viên phải góp phần nâng cao chất lượng ĐNGV; định hướng và làm động lực cho ĐNGV tự giác hoàn thiện mình theo chuẩn. Hoạt động của giảng viên trong trường đại học cũng như bất kỳ một công việc chuyên môn nào khác, chịu áp lực của hai loại lợi ích: lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể” [88, tr.117]. Tác giả đã đề xuất một số giải pháp về nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên về đánh giá ĐNGV; chỉ đạo hoàn thiện quy trình, công cụ đánh giá giảng viên; huy động các lực lượng tham gia đánh giá giảng viên; kiểm tra, đánh giá các hoạt động đánh giá giảng viên; đảm bảo các điều kiện về môi trường và chế độ chính sách cho hoạt động đánh giá giảng viên. Đây là những nội dung giúp cho nghiên cứu sinh tiếp thu và vận dụng vào quá trình nghiên cứu luận án.

Nguyễn Hoa Mai (2018), với công trình: *“Quan niệm quốc tế về vị thế nhà giáo và nâng cao vị thế nhà giáo ở Việt Nam”* [93], chỉ ra những dẫn chứng về “chỉ số vị thế giáo viên toàn cầu được tổ chức phi lợi nhuận Varkey Foundation có trụ sở tại Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất thực hiện, đã xem xét phản biện từ 1.000 người ở 21 quốc gia tham gia vào các đánh giá quốc tế” [93, tr.50]. Tác giả nhấn mạnh: “Ở Việt Nam nhà giáo có vị thế đặc biệt quan trọng trong xã hội, vì thế cần nhấn mạnh việc nâng cao hơn nữa vị thế nhà giáo để từ đó ứng xử tốt hơn đối với ĐNNG” [93, tr.51-52], Ngành giáo dục phải chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng ĐNNG; bổ sung và hoàn thiện chính sách sử dụng, đãi ngộ, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất, tinh thần để đội ngũ các thầy cô có động lực phát huy vai trò trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp đổi mới GD&ĐT trong bối cảnh mới.

Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam (2018), trong nghiên cứu: *“Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo trong nhà trường quân đội hiện nay”* [149], cho rằng ĐNNG trong quân đội không chỉ phải hoàn thành chức năng nhiệm vụ của nhà giáo mà còn thực hiện nhiệm vụ của người quân nhân. Với tư cách là lực lượng nòng cốt trong việc đảm bảo chất lượng GD&ĐT, bởi:

“Họ không chỉ là những người truyền thụ kiến thức cho người học mà còn là tấm gương tác động trực tiếp đến hình thành và phát triển phẩm chất, nhân cách người học. Sự mẫu mực về đạo đức nghề nghiệp có tác dụng to lớn trong giáo dục, cảm hóa người học” [149, tr.19-21]. Nghiên cứu đã nhấn mạnh ĐNNG trong các trường quân đội phải xác định đúng đắn về vị trí, vai trò, đạo đức nghề nghiệp; nghiêm túc thực hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Trong công trình của tác giả Nguyễn Quốc Hưng (2018), “*Quản lý đào tạo giảng viên khoa học xã hội và nhân văn theo tiếp cận đảm bảo chất lượng ở các trường đại học trong quân đội*” [79], đã khảo sát thực trạng chất lượng quản lý đào tạo giảng viên khoa học xã hội và nhân văn. Mặc dù công tác đổi mới quản lý đào tạo đã được quan tâm song vẫn còn nhiều thách thức, bất cập chưa được giải quyết, nguyên nhân chủ yếu do thiếu kinh nghiệm, cách thức quản lý vẫn mang tính chất hành chính, hình thức. Từ đó, khẳng định cần:

Chuẩn hóa quy trình đào tạo giảng viên theo tiếp cận đảm bảo chất lượng; xây dựng và áp dụng các chính sách nội bộ để không ngừng cải thiện, phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo giảng viên; tăng cường tổ chức hoạt động bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp nhằm đảm bảo chất lượng ĐNGV [79, tr.55].

Theo đó, chất lượng ĐNGV khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học trong quân đội ngày càng được nâng cao.

Trần Thanh Sơn (2019), với nghiên cứu: “*Mấy vấn đề về công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên ở các học viện, trường sĩ quan quân độ hiện nay*” [124], đã đánh giá:

ĐNGV quân đội luôn vững vàng về bản lĩnh chính trị, trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, gắn bó với nghề, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Số giảng viên đạt chuẩn theo quy định, có học hàm, học vị, được nhận các danh hiệu cao quý ngày càng nhiều [124, tr.97].

Chính vì vậy, để công tác đào tạo, bồi dưỡng ĐNGV ở các học viện, trường SQQĐ ngày càng đi vào chiều sâu, cần phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên; chú trọng gắn đào tạo, bồi dưỡng với chuẩn hóa ĐNGV; tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng; phát huy tính tích cực, chủ động trong tự đào tạo, tự bồi dưỡng của giảng viên để nâng cao phẩm chất, trình độ và năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Công trình *“Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho giảng viên mới trong các nhà trường quân đội”* của tác giả Nguyễn Văn Chính (2019) [39] đã đi sâu tìm hiểu, phân tích những đặc điểm cơ bản của giảng viên mới, nhất là trong thời gian làm trợ giảng chưa tự tin về mặt tâm lý, năng lực chuyên môn và các thao tác sư phạm,... Từ đó, đã xác định mục tiêu, nhu cầu, kế hoạch, nội dung, phương pháp bồi dưỡng GVT, xác định đúng nội dung:

Bồi dưỡng kiến thức cơ bản bám sát chương trình đào tạo, kiến thức về phương pháp giảng dạy đại học. Tiếp tục bồi dưỡng các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng chuyên ngành, kỹ năng xây dựng đề cương chi tiết môn học, thiết kế và thực thi kế hoạch dạy học; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, tác phong sư phạm của người giảng viên, ... [39, tr.33].

Đây là những yếu tố cơ bản để từng bước xây dựng ĐNGV mà chú trọng là bồi dưỡng giảng viên mới, GVT, lực lượng kế cận quan trọng trong phát triển của các nhà trường.

Vũ Xuân Tiến (2019) trong bài viết: *“Phát triển ĐNGV các nhà trường quân đội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”* [147] cho rằng:

ĐNGV là một bộ phận của đội ngũ cán bộ quân đội; lực lượng nòng cốt trực tiếp nghiên cứu, giảng dạy trong các học viện, nhà trường quân đội. Phát triển ĐNGV là vấn đề có ý nghĩa quan trọng góp

phần chuẩn hóa ĐNNG, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, vị thế, uy tín của hệ thống nhà trường và xây dựng quân đội vững mạnh [147, tr.132].

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, đề xuất các nhóm giải pháp cơ bản, trong đó, nhấn mạnh phải xác định rõ hệ thống những phẩm chất, năng lực cơ bản mà giảng viên cần phải đạt:

Xây dựng hoàn thiện mô hình, mục tiêu đào tạo giảng viên quân đội phải công phu, nghiêm túc, trên cơ sở đánh giá đúng chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lực lượng này phải đảm bảo theo chuẩn quốc gia, nhưng vẫn mang tính đặc thù của môi trường sư phạm quân sự [147, tr.134].

Lê Thanh Phong (2019), với công trình: *“Chuẩn hóa ĐNGV ở các học viện, trường SQQĐ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo”* [112] đã tiếp cận dưới góc nhìn “chuẩn hóa”, nhấn mạnh: “chất lượng ĐNGV không đồng đều, năng lực giảng dạy và NCKH ở một số giảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới, ...” [114, tr.86]. Để công tác quản lý chất lượng ĐNGV ở các học viện, trường SQQĐ hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, phải “chuẩn hóa” toàn diện và phù hợp với từng đối tượng. Theo đó, các học viện, trường SQQĐ “phải tích cực, chủ động đưa giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng; chủ động xây dựng kế hoạch đưa giảng viên đi thực tế tại các đơn vị; đẩy mạnh phong trào học tập ngoại ngữ, tin học” [114, tr.87], từ đó khái quát các bài học thành công và chưa thành công nhằm chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, đặc biệt là ĐNGV trẻ trong quân đội hiện nay.

Công trình *“Phát triển nguồn lực giảng viên khoa học xã hội và nhân văn chất lượng cao trong các học viện quân đội hiện nay”* [54] của Phạm Thanh Giang (2019) cho rằng chất lượng ĐNGV là nhân tố quan trọng nâng cao chất lượng GDĐT. “Giảng viên khoa học xã hội và nhân văn chất lượng cao trong các học viện quân đội là người tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; có trình độ học vấn cao, năng lực chuyên môn giỏi; có sức khỏe

tốt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ” [54, tr.19]. Tác giả cũng đã luận giả những khó khăn, bất cập trong công tác xây dựng ĐNGV có trình độ cao đáp ứng yêu cầu mới của đội ngũ trí thức đặt ra.

Tác giả Khonsavan Phimmason (2019), với nghiên cứu: “*Công tác tuyển dụng giảng viên ở các học viện trong QĐND Lào*” [83] đã đánh giá thực trạng công tác tuyển dụng ĐNNG trong các nhà trường QĐND Lào cho rằng, để xây dựng ĐNNG có đủ phẩm chất, năng lực và phương pháp sư phạm, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu GD&ĐT của QĐND Lào trong bối cảnh mới, phải thiết kế quy trình chặt chẽ trong công tác tuyển dụng giảng viên:

Xác định nguồn tuyển dụng giảng viên; xác định nội dung tuyển dụng giảng viên; xác định phương thức tuyển dụng giảng viên và phối kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chức năng trong tuyển dụng giảng viên. Rõ ràng quy trình tuyển dụng phải bảo đảm tính nhất quán về quan điểm, công bằng, bình đẳng, khách quan; trọng dụng nhân tài, xây dựng ĐNGV có phẩm chất, năng lực tốt, vì chất lượng dạy và học của các học viện QĐND Lào [83, tr.88].

Nghiên cứu của Phukhaokham ThiKeo (2021), “*Phát huy nhân tố chủ quan của ĐNGV trong đào tạo sĩ quan ở các học viện QĐND Lào hiện nay*” [118] cho rằng nhân tố chủ quan của ĐNNG là “tất cả những mặt, những yếu tố, thuộc tính về ĐNGV (tri thức, phẩm chất đạo đức, tình cảm, ý chí, năng lực...) được huy động trong quá trình đào tạo sĩ quan của các học viện QĐND Lào” [118, tr.48]. Đòi hỏi phải tiếp tục triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác GD&ĐT; đẩy mạnh hoàn thiện quy hoạch hệ thống các học viện quân đội theo hướng gọn, mạnh, hợp lý, đáp ứng yêu cầu “chuẩn hóa, hiện đại hóa”; thực hiện nghiêm túc quy trình tuyển dụng ĐNNG, nâng cao hiệu quả của việc tự đào tạo để phát huy tốt hơn nữa nhân tố chủ quan của ĐNNG trong đào tạo sĩ quan ở các học viện QĐND Lào.

Nguyễn Ngọc Cường (2022) với nghiên cứu: “*Chất lượng ĐNGV ở các*

học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng, QĐND Việt Nam giai đoạn hiện nay” [30], đã hệ thống hóa cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng chất lượng ĐNGV ở các học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng và xây dựng 6 nhóm giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng ĐNGV như: Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy và các lực lượng tham gia; Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung, tiêu chuẩn giảng viên đáp ứng yêu cầu chuẩn chức danh nghề nghiệp hiện nay; Đổi mới công tác tạo nguồn, tuyển chọn, quy hoạch, quản lý và đánh giá ĐNGV, kết hợp sử dụng ĐNGV với đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ; tập trung đầu tư cơ sở vật chất hiện đại; xây dựng môi trường sư phạm văn minh. Đây là những nội dung mà nghiên cứu sinh sẽ kế thừa và phát triển trong quá trình nghiên cứu đề tài luận án.

Đào Duy Hiệp (2024) với bài viết: *“Nâng cao chất lượng thực hành đạo đức của đội ngũ giảng viên ở các nhà trường quân đội giai đoạn hiện nay”* [64], đã khái quát, hệ thống và đánh giá thực trạng việc thực hành đạo đức của đội ngũ giảng viên ở các nhà trường quân đội giai đoạn hiện nay, chỉ rõ ưu điểm về nhận thức, vận dụng những chuẩn mực đạo đức nhà giáo quân đội của giảng viên ở các nhà trường quân đội, chú trọng nêu gương trong tu dưỡng, thực hành đạo đức nghề nghiệp, gắn với thực hiện các chỉ thị, nghị quyết các cấp. Bài viết cũng chỉ ra, bên cạnh những ưu điểm, thực hành đạo đức của đội ngũ giảng viên ở các nhà trường quân đội giai đoạn hiện nay còn những hạn chế về nhận thức nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức nhà giáo chưa toàn diện, chưa sâu sắc; chuyên môn của một số giảng viên chưa vững chắc nghề nghiệp sư phạm, tình cảm với nghề dạy học chưa sâu đậm; còn bộc lộ hạn chế về phẩm chất và năng lực công tác; có biểu hiện ngại phấn đấu, chưa tích cực, chủ động trong nghiên cứu, giảng dạy; ngại đấu tranh, né tránh khuyết điểm, hoặc “dĩ hòa vi quý” trong thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình. Trên cơ sở đó, tác giả có đề xuất 5 giải pháp nâng cao chất lượng

thực hành đạo đức của đội ngũ giảng viên ở các nhà trường quân đội giai đoạn hiện nay. Đây là những nội dung mà nghiên cứu sinh sẽ tham khảo vào quá trình nghiên cứu đề tài luận án.

Trần Mạnh Quân (2025) với nghiên cứu: *“Nâng cao uy tín nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên trẻ ở các học viện, nhà trường quân đội hiện nay”* [118], đã khái quát, đánh giá thực trạng uy tín nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên trẻ ở các học viện, nhà trường quân đội, chỉ rõ, khái quát ưu điểm, đồng thời chỉ ra, những hạn chế về uy tín nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên trẻ ở các học viện, nhà trường quân đội, như vẫn còn một số giảng viên trẻ động cơ, xu hướng nghề nghiệp không rõ ràng; quá trình thực hiện nhiệm vụ công tác chuyên môn còn tỏ ra lúng túng, ít sáng tạo trong nghiên cứu và giảng dạy; trình độ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đổi mới giáo dục và đào tạo của các học viện, nhà trường và của quân đội; thậm chí, cá biệt có giảng viên trẻ thiếu tu dưỡng, rèn luyện vi phạm về phẩm chất, đạo đức lối sống, ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín nghề nghiệp của bản thân, học viện, trường và toàn quân. Trên cơ sở đó, tác giả có đề xuất 4 giải pháp nâng cao uy tín nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên trẻ ở các học viện, nhà trường quân đội. Đây là những nội dung mà nghiên cứu sinh tham khảo, sẽ kế thừa và vận dụng trong quá trình nghiên cứu đề tài luận án.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo và sự vận dụng trong thực tiễn

Thế kỷ XX đã trải qua nhiều sự kiện lịch sử, cùng với sự đóng góp của nhiều vĩ nhân, trong đó có Bác Hồ kính yêu. Điều làm nên sức mạnh và sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh chính là tính đúng đắn, cách mạng, khoa học trong tư tưởng của Người. Trong hệ thống tư tưởng đó, tư tưởng về giáo dục, đào tạo, về xây dựng ĐNNG là những nội dung quan trọng, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam. Theo đó,

nhiều nhà nghiên cứu, nhà quản lý giáo dục đã nhận thức rõ giá trị, tầm quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về GDĐT, về xây dựng ĐNNG và đi sâu nghiên cứu. Những nghiên cứu tiêu biểu này đã đi sâu khai thác trên nhiều bình diện khác nhau và vận dụng vào cơ sở giáo dục, tiêu biểu như:

Tác giả Nguyễn Lâm (1990), *“Hồ Chí Minh - Nhà giáo dục vĩ đại”* [87], trong công trình nghiên cứu đã làm rõ những công hiến của Người đối với nền giáo dục nước nhà với nhiều nội dung, trong đó có đề cập đến trách nhiệm, yêu cầu, nhiệm vụ của người làm công tác giáo dục, của ĐNNG. Song tác giả cũng chưa đề cập đến quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng các tiêu chuẩn của ĐNNG, cũng như các nội dung liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG.

Viện Khoa học giáo dục Việt Nam (1990) với công trình *“Tìm hiểu tư tưởng giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh”* [151], cho rằng: “Bác Hồ đã chỉ rõ, vấn đề then chốt quyết định chất lượng giáo dục là phải xây dựng được đội ngũ đông đảo những người làm công tác giáo dục... Người luôn đánh giá cao vai trò của đội ngũ các thầy giáo, cô giáo trong xã hội mới, coi họ là lớp người vẻ vang của đất nước, vì nếu không có cô giáo, thầy giáo hết lòng dạy dỗ con em nhân dân lao động ngày hôm nay thì không thể xây dựng được một xã hội tốt đẹp trong tương lai, như mọi người mong muốn” [151, tr.14]. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để nghiên cứu sinh kế thừa và phát triển trong luận án của mình.

Công trình *“Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới”* [74], của các tác giả Nguyễn Huy Hoan, Nguyễn Xuân Thông, Nguyễn Thị Minh Hương, Phạm Thị Lai, Nguyễn Thanh Nga (1995). Tập thể tác giả đã sưu tầm, tuyển chọn đoạn trích trong Hồ Chí Minh toàn tập do Nhà xuất bản Sự thật xuất bản lần thứ nhất từ 1980 đến 1989 và một số tác phẩm lẻ của Người, một số tư liệu do Viện bảo tàng Hồ Chí Minh cung cấp. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về

xây dựng con người mới được sắp xếp theo các vấn đề sau: Vai trò của con người và ý nghĩa việc xây dựng con người mới; đánh giá con người; bồi dưỡng con người về trí tuệ; bồi dưỡng đạo đức; xây dựng mục đích và lối sống; chăm lo lợi ích và đời sống vật chất của con người. Các nội dung trong công trình nghiên cứu giúp cho nghiên cứu sinh kế thừa, tiếp thu và vận dụng vào nghiên cứu luận án của mình.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp (2000), trong cuốn sách “*Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*” [53], Đại tướng đã khẳng định: “Từ lâu, Hồ Chí Minh đã nhận thức được vai trò của giáo dục. Người luôn hết sức chăm lo cho sự nghiệp “trồng người” ngay cả trong kháng chiến và lúc kinh tế còn khó khăn” [53, tr.383]. Đại tướng đã khẳng định rằng để phát triển GD&ĐT, trước hết phải quan tâm và chú trọng đào tạo, bồi dưỡng ĐNNG, đội ngũ cán bộ quản lý hội tụ đầy đủ các phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn nghiệp vụ cao.

Nguyễn Hữu Công (2001) với nghiên cứu “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển con người toàn diện*” [27], đã làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về GD&ĐT, phát triển con người toàn diện. Chỉ ra vai trò của nhân tố kinh tế, chính trị, văn hoá trong quá trình hình thành và phát triển con người toàn diện; về con đường xây dựng con người mới - con người xã hội chủ nghĩa. Từ đó, đưa ra cách thức vận dụng tư tưởng của Người về phát triển con người toàn diện vào sự nghiệp xây dựng con người mới ở nước ta.

Phạm Minh Hạc (2002), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*”[58], nghiên cứu đã bàn đến quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của nhà giáo, một số nội dung về xây dựng ĐNNG gồm phẩm chất và năng lực. Theo đó, tác giả cho rằng Hồ Chí Minh luôn đề cao vị trí, vai trò của đội ngũ các thầy cô giáo trong xã hội, nếu không có thầy giáo, cô giáo thì không có giáo dục, không có thế hệ công dân tốt để xây dựng xã hội tương lai. Xây dựng

ĐNNG phải luôn coi trọng phẩm chất và năng lực, tuy nhiên phẩm chất chính trị, đạo đức phải được đặt lên hàng đầu, đó là lòng yêu nghề, yêu trẻ, hết lòng chăm sóc, giáo dục học sinh, không ngừng tự rèn luyện đạo đức, tự đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao tay nghề. Đội ngũ thầy giáo, cô giáo với đầy đủ phẩm chất và năng lực chính là vấn đề then chốt, quyết định chất lượng GD&ĐT nước nhà. Kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng cho nghiên cứu sinh tiếp thu, vận dụng vào quá trình thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu mà luận án đã xác định.

Nghiên cứu “*Suy nghĩ về chức năng của người thầy theo lời Bác Hồ*”, [28] của tác giả Nguyễn Đình Cống (2002), đã khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của thầy giáo, nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục. Nhưng để thực hiện được vai trò vẻ vang của mình trước hết thầy phải xứng đáng là thầy, người thầy phải được lựa chọn cẩn thận, chu đáo vì không phải ai cũng làm thầy được. Theo tác giả, Hồ Chí Minh yêu cầu người thầy giáo cần có ba phẩm chất chủ yếu: *tâm hồn, kiến thức và phương pháp sư phạm*. Tâm hồn của người thầy được xây dựng trên cơ sở lòng yêu thương vô hạn, lòng quý mến và tôn trọng con người. Chính lòng yêu quý đó là cội nguồn của mọi tình cảm cao đẹp, là khởi thủy của đạo đức. Đối với thầy giáo, lòng yêu thương con người trước hết cần thể hiện ở lòng yêu thương người học và đồng nghiệp, chính nhờ lòng yêu thương ấy mà mỗi lời giảng của thầy là xuất phát từ đáy lòng và vì thế nó mới dễ thấm sâu vào tâm trí người học. Kiến thức người thầy bao gồm nhiều mặt. Trước hết là kiến thức vững vàng, sâu rộng .

Nghiêm Đình Vỹ (2004) với “*Nhận thức và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục trong học tập, nghiên cứu một nhân tố có ý nghĩa quyết định để nâng cao chất lượng giáo dục*” [153], tác giả khẳng định sự quan tâm của Hồ Chí Minh với GD&ĐT và các thầy, cô giáo, học sinh. Theo đó, tác giả

cho rằng hiếm có một nguyên thủ quốc gia nào đặc biệt quan tâm đến giáo dục, chăm lo đến thầy giáo, cô giáo, học sinh các cấp như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nếu làm một bảng thống kê đầy đủ, chúng ta sẽ nhận thấy tỷ lệ các bài nói, bài viết, những đoạn, những câu liên quan đến giáo dục chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong tổng số các ấn phẩm của Hồ Chí Minh đã được thu thập. Nếu tính những lần đến thăm các lớp học chống mù chữ, bổ túc văn hóa, các trường, lớp học từ mẫu giáo, vỡ lòng đến phổ thông, đại học, các cuộc hội nghị về nhà giáo, những buổi họp mặt, gặp gỡ với thầy, cô giáo, những nhà quản lý giáo dục... của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta nhận thấy con số này thật nhiều. Tác giả nhấn mạnh: “Sự quan tâm, chăm lo đến giáo dục của Hồ Chí Minh vừa thể hiện truyền thống “tôn sư trọng đạo” của dân tộc, tình cảm của một học sinh, một thầy giáo vĩ đại - thầy giáo Nguyễn Tất Thành, vừa thể hiện tầm cỡ của một nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước [153, tr.273].

Các tác giả Vũ Văn Gầu và Nguyễn Anh Quốc (2005), với “*Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp phát triển giáo dục*” [142], đã trình bày khá toàn diện các mặt tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, từ nguồn gốc hình thành, vai trò, mục đích, nội dung, phương pháp, đặc điểm của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, đồng thời nêu lên một số nội dung vận dụng tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới và phát triển giáo dục hiện nay. Theo đó, khi bàn về vị trí, vai trò của nhà giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các tác giả cho rằng, Hồ Chí Minh đánh giá cao vị trí, vai trò của nhà giáo đối với sự nghiệp trồng người, quyết định sự phát triển của sự nghiệp giáo dục. Qua đó cho thấy, phải hết sức coi trọng vai trò của người thầy và hình thành nhu cầu học tập, tự học và học tập suốt đời.

Tác giả Hoàng Trang (2005), với “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục - những nội dung cơ bản*” [141], đã tập trung luận giải quan điểm của Hồ Chí Minh về người thầy, các thầy giáo, cô giáo có vai trò nòng cốt trong việc đào tạo thế hệ trẻ, mà trước tiên phải giáo dục, bồi đắp cho thế hệ trẻ niềm tự hào

dân tộc, yêu thương những người ruột thịt, bạn bè và đồng loại, đồng thời giáo dục pháp luật cho người học từ ý thức tôn trọng tập thể, tổ chức, nội quy nhà trường và trật tự xã hội. Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng đến phương pháp dạy học: “học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội”, “phải nâng cao và hướng dẫn” khả năng tự đào tạo cho người học, phải “lấy tự học làm cốt”, “phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng”, đặc biệt chú ý phương pháp truyền thống của dân tộc là phương pháp nêu gương, chỉ ra những ưu điểm ở mỗi con người, khích lệ động viên họ phát huy mặt tốt, hạn chế mặt xấu đi đến thủ tiêu nó làm cho con người ngày càng hoàn thiện. Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến giáo dục, coi đó là nhiệm vụ cơ bản không thể tách rời của cách mạng Việt Nam. Với triết lý “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, ngay từ những ngày đầu cách mạng, Người đã lên án “chính sách ngu dân” và “nền giáo dục nô lệ” của chính quyền thực dân áp dụng ở Việt Nam.

Tác giả Lương Gia Ban (2006), với công trình “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về GD&ĐT*” [3], đã chỉ rõ: Hồ Chí Minh coi văn hóa, giáo dục là một mặt trận và các thầy cô giáo là những chiến sĩ trên mặt trận ấy. Người thầy trong xã hội mới có nhiệm vụ đào tạo những công dân mới, đào tạo cán bộ vừa hồng, vừa chuyên. Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở các nhà giáo và động viên họ trong sự nghiệp “trồng người”, coi đó là “một trách nhiệm nặng nề, nhưng rất vẻ vang”. Nghiên cứu đã khái quát các giải pháp xây dựng ĐNNG theo Hồ Chí Minh như: Toàn xã hội quan tâm, chăm lo đến phát triển sự nghiệp GD&ĐT và đến đội ngũ nhà giáo; các thầy, cô phải tự rèn luyện mình và phấn đấu vươn lên, “phải tiếp tục học thêm để tiến bộ mãi”; chú trọng công tác thi đua trong nhà trường, tạo môi trường giáo dục lành mạnh, xác định đoàn kết là nhân tố “hạt nhân”. Xây dựng khối đoàn kết trong nhà trường thành một khối thống nhất.

Đặng Huỳnh Mai (2006) với “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng ĐNNG Việt Nam thời kỳ CNH, HĐH đất nước*” [92], tác giả đã chỉ rõ công tác xây dựng ĐNNG trong tình hình mới cần phải chú trọng tới các yêu cầu cao về ý thức chính trị và ý thức pháp quyền; đặc biệt chú trọng công tác chính trị tư tưởng; kiên định con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã lựa chọn. Trong đó, tác giả nhấn mạnh: “Mỗi cán bộ giáo dục khi giải quyết một vấn đề về chuyên môn giáo dục phải đặt trong bối cảnh của tất cả các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội ở nơi đơn vị giáo dục gắn bó” [92, tr.81]. Rõ ràng, xây dựng phẩm chất chính trị là yêu cầu đầu tiên của ĐNNG, để xứng đáng là những chiến sĩ văn hóa trên mặt trận giáo dục.

Tác giả Ngô Văn Hà (2009), với “*Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò và nhiệm vụ của người thầy giáo*” [55], Tác giả khẳng định Hồ Chí Minh luôn chú trọng đến vai trò đạo đức của người thầy, song Người coi trọng cả đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Theo Người, mối quan hệ biện chứng giữa đức và tài, giữa hồng và chuyên, giữa phẩm chất và năng lực của người thầy giáo là mối quan hệ tất yếu không thể tách rời. Hồ Chí Minh đã nói: Có tài mà không có đức là hỏng, có đức mà chỉ i tờ thì dạy thế nào, bởi vậy ĐNNG phải hội tụ đầy đủ cả hai mặt tài và đức.

Thái Duy Tuyên (2013), trong nghiên cứu “*Triết học giáo dục Việt Nam*” [139], nhấn mạnh về vai trò quan trọng của người thầy. Trong đó, tác giả đã chỉ rõ, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, người thầy giáo góp phần vào việc quyết định đến chất lượng giáo dục, thậm chí không có thầy giáo thì không có giáo dục. Theo tác giả, có thể nói rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo nói riêng và về giáo dục nói chung xứng đáng được coi là sợi chỉ đỏ cho các thế hệ - những người “trồng người”. Công trình này là cơ sở lý luận quan trọng để nghiên cứu sinh tiếp thu và vận dụng trong quá trình nghiên cứu luận án.

Tác giả Ngô Văn Hà (2013), với “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy*

và việc xây dựng ĐNGV đại học hiện nay” [56] đã luận giải rõ vị trí, vai trò, nhân cách và phương pháp giảng dạy của ĐNNG. Tác giả đã chỉ ra rằng: Người đề cao về vai trò, nhiệm vụ của người thầy giáo trong việc thực hiện mục tiêu và nội dung của GD&ĐT; Người thầy phải đem sự hiểu biết và phương pháp sư phạm của mình truyền đạt cho người học, làm cho họ phát huy được năng lực của bản thân, phát triển các mặt đức dục, trí dục, thể dục, mỹ dục để trở thành người lao động tốt, người công dân tốt. Theo đó, “Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, giữa vai trò và nhiệm vụ của người thầy có mối quan hệ mật thiết, không tách rời nhau. Vai trò quan trọng của người thầy trong xã hội được thể hiện qua nhiệm vụ của họ đảm nhận. Người thầy đảm nhận tốt nhiệm vụ được giao là sự khẳng định vị trí, vai trò của họ trong xã hội” [56, tr.10-11]. Tác giả chỉ rõ: “Thu nhập của cán bộ giảng dạy trẻ còn thấp nên một số cán bộ giảng dạy trẻ không yên tâm công tác vì bị sức ép phải học lên cao, rất tốn kém. Để đảm bảo cuộc sống, nhiều cán bộ giảng dạy phải dành nhiều thời gian vào việc làm thêm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, vừa ảnh hưởng đến tác dụng giáo dục của người thầy” [56, tr.116]. Hồ Chí Minh chỉ rõ vai trò của người thầy không chỉ dừng lại, bó hẹp trong phạm vi trường học mà còn được thể hiện ở ngoài xã hội, “thầy giáo và học trò, tùy hoàn cảnh và khả năng, cần tham gia những công tác xã hội, ích nước, lợi dân”, đó chính là vai trò xã hội của người thầy giáo.

Tác giả Mạch Quang Thắng (2014), với công trình “*Hồ Chí Minh - Con người của sự sống*” [148] đã cho chúng ta thấy được chân dung của một vị Chủ tịch nước vĩ đại với tâm hồn cao quý và những tư tưởng đạo lý cao đẹp về giáo dục. Tác giả cho rằng, muốn nền giáo dục nước nhà phát triển, trước hết phải xây dựng ĐNNG giỏi, vững vàng về chuyên môn và phương pháp sư phạm. Bản thân ĐNNG phải chủ động tự giáo dục, tự rèn luyện, vượt qua mọi

khó khăn gian khổ, tận tâm vì sự nghiệp GD&ĐT. Theo đó “cả xã hội phải quan tâm, chăm lo xây dựng đội ngũ thầy, cô giáo vừa có phẩm chất, vừa có năng lực để đội ngũ này hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang” [148, tr.426].

Trần Thu Hương (2016) với công trình: *“Nâng cao năng lực tư duy lý luận của GVT trong các học viện, trường sư quan QĐND Việt Nam hiện nay”* [69], đã xây dựng các khái niệm cơ bản như: tư duy lý luận, tư duy lý luận của GVT; khảo sát, đánh giá thực trạng tư duy lý luận của GVT ở các nhà trường sư quan QĐND Việt Nam. Đề xuất yêu cầu và các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tư duy lý luận của GVT ở các nhà trường SQQĐ. Tuy nhiên, trong luận án tác giả chưa nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG vào xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay.

Nghiên cứu của tác giả Lý Việt Quang (Chủ biên) (2017), *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay”* [119], gồm 3 chương, đã trình bày những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục như vị trí, vai trò, mục tiêu, nội dung, phương pháp xây dựng đội ngũ giáo viên; vấn đề đổi mới giáo dục và yêu cầu phải vận dụng tư tưởng của Người về giáo dục; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam. Song, nghiên cứu chưa làm rõ việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường ĐH, CĐ.

Đinh Quang Thành (2018) với công trình nghiên cứu: *“Xây dựng đội ngũ giáo viên trong thời kỳ đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* [128], đã khái quát những quan điểm chủ yếu trong tư tưởng của Người về xây dựng ĐNNG, đánh giá tình hình ĐNGV ở nước ta; từ đó đề xuất một số nhóm giải pháp xây dựng đội ngũ giáo viên trong thời kỳ đổi mới theo quan điểm Hồ Chí Minh: về nâng cao nhận thức, về công tác tổ chức xây dựng đội ngũ giáo viên; về tự rèn luyện, bồi dưỡng của đội ngũ giáo viên; về cơ chế, chính sách;

về hợp tác quốc tế và đưa ra những kiến nghị nhằm xây dựng đội ngũ giáo viên trong bối cảnh mới theo quan điểm của Hồ Chí Minh. Kết quả cơ bản của công trình là cơ sở quan trọng để nghiên cứu sinh kế thừa, vận dụng và phát triển trong luận án.

Nguyễn Minh Hải (2019), với nghiên cứu: *“Xây dựng ĐNGV các trường đại học ở Tây Nguyên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* [59], tập trung phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng ĐNGV các trường đại học ở Tây Nguyên, từ đó chỉ ra các nguyên nhân khách quan, chủ quan và các vấn đề đặt ra cần giải quyết làm cơ sở đề xuất các giải pháp. Với 3 nhóm giải pháp cơ bản đã đề xuất: về chủ trương, chính sách chung của Đảng và Nhà nước cho giáo dục đại học, xây dựng ĐNGV ở Tây Nguyên; chủ thể là các trường đại học ở Tây Nguyên; tự tu dưỡng mà chủ thể là giảng viên các trường đại học ở Tây Nguyên. Hướng nghiên cứu này là cơ sở quan trọng để nghiên cứu sinh kế thừa có chọn lọc trong xây dựng các nhóm giải pháp chủ yếu hướng tới nghiên cứu xây dựng và phát triển ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay.

Nguyễn Quang Trung (2024) với bài viết: *“Xây dựng đội ngũ giảng viên Trường Sĩ quan Lục quân 1 theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* [40], đã khái quát, hệ thống về chức năng, nhiệm vụ và đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên Trường Sĩ quan Lục quân 1; chỉ ra yêu cầu, nhiệm vụ của quân đội và nhà trường trong thời gian tới; nhất là yêu cầu đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng sự nghiệp xây dựng, hiện đại hóa quân đội đòi hỏi phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng đội ngũ giảng viên Trường Sĩ quan Lục quân 1; coi đó là vấn đề mang tính nền tảng, cấp thiết. Trên cơ sở đó, tác giả có đề xuất 5 giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên Trường Sĩ quan Lục quân 1 theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là những nội dung mà nghiên cứu sinh sẽ tham khảo, kế thừa và vận dụng vào quá trình nghiên cứu đề tài luận án.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Những kết quả nghiên cứu đã đạt được

Qua nghiên cứu, đánh giá các công trình liên quan đến đề tài luận án, có thể khái quát những kết quả đã đạt được như sau:

Thứ nhất, Tổng quan đã luận giải các nội dung cơ bản về nhà giáo, xây dựng đội ngũ nhà giáo, ĐNGV và khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo và xây dựng ĐNNG đã đặt nền móng cho nền giáo dục cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu đều chưa bàn sâu đến khái niệm “Giảng viên trẻ” và chưa xác định rõ GVT về tuổi đời hay trẻ về thâm niên giảng dạy.

Thứ hai, các công trình đã phân tích, luận giải và chỉ ra mối quan hệ giữa vấn đề xây dựng ĐNNG với những khía cạnh khác trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục. Song, vẫn chưa khái quát thành hệ thống và chỉ rõ các quan điểm của Người về xây dựng ĐNNG.

Thứ ba, Các tác giả đã chỉ dẫn cụ thể các bước xây dựng ĐNNG theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần phải linh hoạt, phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể của mỗi nhà trường. Tuy nhiên, đến nay chưa có tác giả nào đi sâu nghiên cứu tư tưởng của Người vận dụng trong xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ.

Thứ tư, các nghiên cứu tập trung đánh giá phẩm chất, năng lực, tác phong công tác, phương pháp sư phạm của ĐNNG, song chưa dự báo các yếu tố tác động đến công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ.

Thứ năm, các công trình nghiên cứu đã bước đầu đề cập đến hoạt động sư phạm của ĐNNG trong quân đội và được diễn ra ở môi trường đặc thù - môi trường sư phạm quân sự. Song, chưa có công trình nào khái quát được tình hình các nhà trường và đặc điểm ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay.

Nhìn chung, chưa có công trình nào đi sâu, nghiên cứu và luận giải với tính chất một công trình khoa học độc lập có hệ thống về xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ theo chỉ dẫn của Hồ Chí Minh. Do vậy, nghiên cứu sinh đã tìm ra, xác định những khoảng trống và những vấn đề mới đặt ra để tiếp tục nghiên cứu trong luận án tiến sĩ.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Qua khảo cứu, đánh giá các công trình liên quan đến đề tài luận án, nghiên cứu sinh xác định những nội dung (khoảng trống) cụ thể sau:

Một là, tập trung làm sáng rõ hơn khái niệm: “Giảng viên trẻ”, “ĐNGV trẻ trong các trường SQQĐ”; “xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay”. Trong đó, nghiên cứu sinh xác định rõ “GVT về tuổi đời”.

Thứ hai, khái quát và hệ thống hóa các quan điểm trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG; xác định rõ các tiêu chí xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.

Thứ ba, phân tích, đánh giá thực trạng, chỉ rõ những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, từ đó xác định những vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết trong xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.

Thứ tư, dự báo những yếu tố tác động như: HNQT, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, tinh gọn bộ máy trong hệ thống chính trị hiện nay...; xác định phương hướng xây dựng và phát triển ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian tới.

Thứ năm, đề xuất những giải pháp sát với thực tiễn, tính đặc thù trong quá trình xây dựng và phát triển ĐNGV trẻ theo tư tưởng của Người ở các trường SQQĐ hiện nay.

Việc xác định những khoảng trống để nghiên cứu sinh tiếp tục tập trung nghiên cứu nhằm mục tiêu góp phần xây dựng được ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ đảm bảo về số lượng, chất lượng (phẩm chất, năng lực, sức khỏe...), cơ cấu hợp lý, thực hiện thắng lợi Phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”.

Tiểu kết chương 1

Qua nghiên cứu các công trình liên quan đến đề tài luận án: “*Xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay*”, tác giả đã đánh giá và luận giải các nội dung như:

Thứ nhất, khảo cứu những công trình về xây dựng ĐNGV và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo, nghiên cứu sinh đã khái quát, rút ra các kết quả chung mà các công trình nghiên cứu đã đạt được. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, với nhiều cách tiếp cận khác nhau, các tác giả đã cung cấp những góc nhìn khác nhau về nội dung nghiên cứu.

Thứ hai, qua khảo cứu và đánh giá, nghiên cứu sinh đã xác định được những khoảng trống mà nghiên cứu sinh sẽ đi sâu nghiên cứu và lấp đầy, nhằm mục tiêu kiến tạo ĐNGV trẻ theo tư tưởng của Người ở các trường SQQĐ “vừa hồng”, “vừa chuyên”, đảm bảo về số lượng, chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, góp phần thực hiện thắng lợi Phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”.

Như vậy, đây là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu sinh tiếp thu và phát triển trong luận án của mình nhằm hướng tới hệ thống hóa những vấn đề lý luận, thực tiễn; đánh giá thực trạng và vận dụng vào việc xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay ở các chương tiếp sau.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

2.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

2.1.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài luận án

2.1.1.1. *Khái niệm nhà giáo*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra nhiều khái niệm để chỉ nhà giáo, đó là: “cô giáo”, “thầy giáo”, “cô giáo, thầy giáo trẻ tuổi”, “người thầy”, “giảng viên”, “giáo viên”, “giáo viên trẻ tuổi”, “nghề thầy giáo”, “nhà văn hóa”, “thầy dạy học”, “chiến sĩ ngành giáo dục”, ... trong các tác phẩm, bài nói, bài viết về giáo dục. Người thường định nghĩa nhà giáo thông qua vị trí, vai trò của họ: người làm nghề dạy học; lao động trí óc, trí thức; cán bộ của Đảng và Chính phủ; ... Theo đó, nhà giáo là sự tổng hòa những phẩm chất và năng lực của người dạy học, trí thức, cán bộ và người chiến sĩ; người có sứ mạng giúp người học khơi dậy những gì có sẵn có, góp phần vào sự phát triển của đất nước.

Theo quan niệm thông thường các cụm từ thường hay sử dụng như: “nhà giáo”, “thầy giáo”, “thầy”... đều hướng tới và chỉ rõ những người truyền đạt kiến thức cho mọi người. Câu “nhất tự vi sư, bán tự vi sư” có từ xa xưa, đây là cách nói thể hiện sự tôn trọng những người truyền lại kiến thức, kỹ năng mới cho người khác. Nhà tri thức, tham gia giảng dạy nhiều hay ít đều được gọi là thầy. Báo cáo viên chuyên đề theo một chuyên môn nhất định cho học viên vẫn được tôn là người thầy.

Theo *Từ điển tiếng Việt*, nhà giáo là người làm nghề dạy học. Trong từ “Nhà giáo” thì từ “giáo” có nghĩa là dạy, chỉ bảo, còn từ “nhà” được hiểu là

người chuyên làm một nghề, một lĩnh vực hoạt động nào đó đạt được trình độ nhất định. Như vậy, dạy học mà không chuyên, không thành nghề thì không phải là nhà giáo.

Tại Điều 3, Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/6/2025: (1) Nhà giáo là lực lượng nòng cốt của ngành Giáo dục, có vị thế quan trọng trong xã hội, được tôn trọng, bảo vệ, tôn vinh; (2) Nhà giáo có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục; có vai trò quan trọng trong việc xây dựng nguồn nhân lực, xây dựng xã hội học tập và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tại Điều 4, Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/6/2025: (1) *Giáo viên* là nhà giáo dạy học, giáo dục chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên, chương trình dự bị đại học, chương trình giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật, giáo dục chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (2) *Giảng viên* là nhà giáo giảng dạy chương trình đào tạo từ trình độ cao đẳng trở lên; chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị; đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng và chương trình bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà nước về nhiệm vụ, kiến thức quốc phòng, an ninh trong các trường của lực lượng vũ trang nhân dân.

Khái niệm nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục gồm hai yếu tố cơ bản là: công việc và địa chỉ làm việc. Người dạy ít, dạy nhiều đều được gọi là nhà giáo nếu người đó làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở giáo dục. Người có kiến thức, chuyên đi dạy nhưng không gắn với cơ sở giáo dục thì về

pháp lý không phải là nhà giáo. Như vậy, Nhà giáo là nghề cao quý có vị trí quan trọng trong xã hội; mỗi đối tượng lại có những yêu cầu khác nhau. Song, Nhà giáo tham gia dạy học ở các cấp học, các trình độ đào tạo... đều có các đặc điểm chung, với đặc trưng đó là:

Về địa vị của nhà giáo, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: Nghề giáo là một nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý. Nghề giáo là một nghề cao quý nhưng cũng là một nghề khó. Khó ở chỗ nhà giáo phải chịu sức ép của truyền thống coi trọng giáo dục, coi trọng người thầy của dân tộc, khó ở chỗ nhà giáo phải là người mô phạm, chuẩn mực, phải giữ gìn đạo đức, phải làm gương cho học trò.

Đối tượng lao động của nhà giáo là cá nhân vừa là thực thể tự nhiên vừa là thực thể xã hội, rất phong phú và đa dạng... Người học chịu ảnh hưởng từ nhà giáo, nhưng người học cũng tác động trở lại đối với nhà giáo.

Về nội dung, phương thức dạy học rất đa dạng phong phú, điều này xuất phát từ yêu cầu khách quan của xã hội. Xu hướng của giáo dục là: dạy cái mà xã hội và người học cần chứ không dạy những gì mà nhà trường và thầy cô có sẵn. Với nhiều hình thức dạy khác nhau: có thể là trò ngồi đất thầy ngồi chông tre (như ngày xưa), có thể ở hội trường hàng trăm người học, hoặc một thầy một trò, và trong bối cảnh mới sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0 thì thầy và trò vẫn thực hiện hoạt động dạy học cách nhau hàng nghìn dặm qua mạng internet (Zoom, teams, google meet...).

Tính chất hoạt động dạy học vừa mang tính xã hội vừa mang dấu ấn cá nhân của thầy giáo. Bản chất của hoạt động dạy học là tác động toàn diện của nhận thức, tình cảm và tâm hồn... giúp người học phát triển thành Người công dân tốt, Người lao động tốt.

Không giống như các hoạt động của các lĩnh vực khác, kết quả của quá trình dạy học thường đến chậm, khó đánh giá, khó đo lường ngay. Bởi mục đích của giáo dục là hướng tới hình thành, phát triển về kiến thức, kỹ năng

cho người học và thái độ của họ trước yêu cầu cuộc sống. Tất cả được hình thành và phát triển cùng với quá trình giáo dục và đào tạo.

Từ những đặc trưng cơ bản của nghề dạy học càng đòi hỏi các nhà giáo phải rèn luyện và tự rèn luyện đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. UNESCO khuyến nghị về vị thế của nhà giáo: Dạy học phải được tôn trọng như là một nghề nghiệp - một lĩnh vực dịch vụ công, yêu cầu nhà giáo phải chuyên sâu về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và không ngừng tích lũy kinh nghiệm truyền lại cho người học và truyền lửa cho các thế hệ nhà giáo.

2.1.1.2. Khái niệm giảng viên, đội ngũ giảng viên

Khái niệm giảng viên: Theo *Từ điển tiếng Việt*: Giảng viên: (1) Tên gọi chung người làm công tác giảng dạy ở các trường chuyên nghiệp, các lớp đào tạo, huấn luyện, các trường trên bậc phổ thông; (2) Học hàm của người làm công tác giảng dạy ở trường đại học. Hoạt động của giảng viên là lao động sư phạm ở lĩnh vực đặc thù, đào tạo con người với các giá trị xã hội đích thực theo ngành, chuyên môn đào tạo. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, giảng viên còn có nhiệm vụ NCKH để xây dựng những tri thức mới hoặc ứng dụng những tri thức mới vào các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Theo *Luật Giáo dục năm 2005* (sửa đổi, bổ sung 2009): Nhà giáo giảng dạy ở cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng nghề gọi là giảng viên. Theo đó, khi nói đến nhà giáo thì đã bao hàm cả giảng viên. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018, điều 54, qui định rõ về giảng viên: giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học là người có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; có trình độ đáp ứng quy định của Luật này, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

Chức danh giảng viên bao gồm trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Trên cơ sở quy định của pháp luật,

quy chế tổ chức và hoạt động, quy định về vị trí việc làm và nhu cầu sử dụng của cơ sở giáo dục đại học mà các cơ sở giáo dục đại học chủ động bổ nhiệm chức danh giảng viên. Trình độ tối thiểu của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ, trừ chức danh trợ giảng; trình độ của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ, tiến sĩ phải là tiến sĩ.

Thông tư số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV qui định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập gồm 03 hạng: giảng viên cao cấp (hạng I), giảng viên chính (hạng II), giảng viên (hạng III); đồng thời qui định chi tiết tiêu chuẩn chức danh của từng hạng giảng viên bao gồm nhiệm vụ; tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ... tất cả tạo tiền đề quan trọng nhằm chuẩn hóa ĐNGV.

Như vậy, giảng viên là người giảng dạy chương trình đào tạo từ trình độ cao đẳng trở lên, là người có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; có trình độ đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giảng viên thực hiện ba chức năng chính: nhà giáo, nhà khoa học và nhà cung ứng dịch vụ, phục vụ cộng đồng. Khái niệm nhà giáo bao hàm khái niệm giảng viên. Giảng viên cũng là nhà giáo, cùng có điểm chung là cùng làm nghề dạy học, tuy nhiên giảng viên khác nhà giáo khác ở chỗ họ vừa là nhà giáo, vừa là nhà khoa học và nhà cung ứng dịch vụ xã hội.

Giảng viên ở các nhà trường quân đội là những người được đào tạo cơ bản, chuyên sâu về sư phạm theo các chuyên ngành, đảm nhiệm giảng dạy và NCKH trong các học viện, trường sĩ quan, đại học, cao đẳng, có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh giảng viên theo quy định của nhà nước, cơ sở giảng dạy, nghiên cứu về ban hành tiêu chuẩn và quy chế công nhận chức danh ngành chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ.

Khái niệm đội ngũ giảng viên: Khái niệm đội ngũ được luận bàn trên nhiều góc độ khác nhau, nhưng theo nghĩa chung nhất “đội ngũ” được sử

dụng trong tổ chức của các lĩnh vực hoạt động khác như: đội ngũ trí thức, đội ngũ công nhân viên chức; đội ngũ y, bác sĩ; đội ngũ nhân viên... Trong lĩnh vực GD&ĐT, “đội ngũ” được dùng phổ biến như: đội ngũ giáo viên; đội ngũ giảng viên; đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục; đội ngũ học sinh giỏi; đội ngũ cán bộ lớp... Khái niệm “đội ngũ” được sử dụng với nhiều mục đích: đội ngũ của một tổ chức cũng chính là nguồn nhân lực của nó, đồng thời các đặc trưng về phát triển đội ngũ gắn liền các đặc trưng phát triển tổ chức và của công tác cán bộ. Như vậy, *đội ngũ là tập hợp gồm một số đông người cùng chức năng, nhiệm vụ hoặc nghề nghiệp, hợp thành lực lượng hoạt động trong một hệ thống nhất định.*

Từ cách luận giải trên, theo nghiên cứu sinh: *ĐNGV là tập hợp những người làm nghề dạy học, được tổ chức thành một lực lượng cùng chung một nhiệm vụ là thực hiện các mục tiêu giáo dục đã đề ra cho tập thể đó, tổ chức đó. Họ làm việc có kế hoạch và gắn bó với nhau thông qua lợi ích về vật chất và tinh thần trong khuôn khổ qui định của pháp luật, thể chế xã hội. Theo nghĩa hẹp, ĐNGV là những thầy giáo, cô giáo, những người làm nhiệm vụ giảng dạy và quản lý giáo dục trong các trường đại học, học viện, cao đẳng.*

2.1.1.3. Khái niệm đội ngũ giảng viên trẻ

Quan niệm về giảng viên trẻ: là lực lượng có vai trò quan trọng, góp phần quyết định chất lượng GD&ĐT của mỗi nhà trường, có nhiệm vụ chính trị là giảng dạy, NCKH theo từng chuyên ngành, nhóm ngành đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng, trang bị kiến thức cho sinh viên; đồng thời, giáo dục, rèn luyện, hình thành và phát triển phẩm chất, nhân cách của họ. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng trường, khoa mà số lượng GVT có thể khác nhau, song đây là lực lượng lao động quan trọng, chịu trách nhiệm trang bị kiến thức, giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, phương pháp tác phong công tác, truyền thụ kinh nghiệm... cho sinh viên. GVT được cấp có thẩm quyền công nhận và bổ nhiệm theo quy chế công tác cán bộ, có chức năng là đào tạo, giáo dục nhằm hình thành, phát triển trình độ, năng lực,

phẩm chất cần thiết cho sinh viên theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo và tham gia các hoạt động khác theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

Như vậy, GVT là lực lượng được đào tạo cơ bản, có trình độ nhận thức cao; nhạy bén trong lĩnh hội và tiếp thu cái mới, năng động, sáng tạo trong công tác, có khả năng tốt trong ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH. Nhìn từ góc độ là những sĩ quan quân đội, GVT là những người đang trong quá trình phấn đấu để khẳng định vị thế, uy tín, trình độ và năng lực sư phạm của mình. Theo đó, ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ thường có quân hàm từ trung úy đến trung tá, tuổi quân tương ứng từ 5 đến 15 năm. GVT ở các trường SQQĐ là những giảng viên có độ tuổi từ 40 trở xuống (Theo Thông tư số 166/2023/TT-BQP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Ban hành Quy chế về Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong QĐND Việt Nam), đảm nhiệm công tác giảng dạy và NCKH đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo chức danh giảng viên do Nhà nước, các cơ sở đào tạo quy định, thuộc đội ngũ trí thức trẻ của đất nước.

Như vậy, theo nghiên cứu sinh: *ĐNGV trẻ trong quân đội là những cán bộ của Đảng, quân đội, đảm nhiệm công tác giảng dạy chương trình đào tạo từ trình độ cao đẳng trở lên và NCKH ở các học viện, trường sĩ quan, đại học, cao đẳng đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo chức danh giảng viên do Bộ Quốc phòng, Bộ GD&ĐT quy định. Họ có độ tuổi từ 40 trở xuống và là bộ phận quan trọng trong đội ngũ trí thức trẻ của quân đội và đất nước.*

2.1.1.4. Khái niệm xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG là hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về vị trí, vai trò, mục tiêu, nội dung và giải pháp nhằm hình thành trong thực tế một ĐNNG đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp GDĐT của nước Việt Nam

Dân chủ Cộng hòa. Trong quan niệm này, ĐNGV là một bộ phận của đội ngũ nhà giáo. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG bao hàm xây dựng ĐNGV. Vì vậy, xây dựng ĐNGV theo tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng hệ thống quan điểm của Người về xây dựng ĐNNG để đề ra các chủ trương, biện pháp, kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, đồng thời tổ chức thực hiện các chủ trương, biện pháp, kế hoạch đó nhằm hình thành trong thực tế một ĐNGV đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu đáp ứng yêu cầu phát triển của cơ sở giáo dục đại học.

Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010 của Chính phủ đã xác định: Xây dựng ĐNNG đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và chuẩn về chất lượng đáp ứng yêu cầu vừa tăng về qui mô vừa nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Đây là một quan niệm về xây dựng ĐNGV giai đoạn hiện nay. Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn 2045 của Chính phủ, xác định: Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp.

Từ các luận bàn trên có thể thấy, xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay phải dựa trên cơ sở những quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG; những nguyên tắc công tác cán bộ của Đảng; mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ, điều kiện và khả năng của các trường SQQĐ cả trước mắt cũng như lâu dài.

Do đó, theo nghiên cứu sinh: *Xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay là hoạt động sử dụng tổng thể các chủ trương, nội dung, biện pháp theo một quy trình thống nhất từ nhận thức, quy hoạch, tạo nguồn, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng và thực hiện các chế độ chính sách phù hợp nhằm hình thành trên thực tế ĐNGV trẻ có phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực, thể chất có số lượng và cơ cấu hợp lý với sự tham gia của tất cả các tổ chức, lực lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của các trường SQQĐ trong tình hình mới.*

Quan niệm trên đã chỉ rõ:

Một là, mục đích của việc xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay là nhằm xây dựng trên thực tế ĐNGV trẻ có số lượng phù hợp ở các bộ môn, khoa nói riêng và trong các trường SQQĐ nói chung, có chất lượng cao và cơ cấu hợp lý đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các nhà trường cả trước mắt cũng như lâu dài.

Hai là, chủ thể xây dựng ĐNGV trẻ và chủ thể vận dụng ở các trường SQQĐ hiện nay là hệ thống tổ chức đảng, chỉ huy các cấp và tự bản thân mỗi GVT trong các trường SQQĐ. Từ Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường đến các khoa, bộ môn, cơ quan chức năng, các đơn vị quản lý học viên và trực tiếp ĐNGV trẻ. Trong đó, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp là chủ thể trực tiếp lãnh đạo việc tiến hành và chịu trách nhiệm cao nhất về chất lượng xây dựng ĐNGV trẻ. Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường SQQĐ lãnh đạo trực tiếp thống nhất công tác xây dựng và quản lý ĐNGV trẻ theo nguyên tắc lãnh đạo của Đảng. Cấp ủy, tổ chức Đảng các khoa, bộ môn là nơi trực tiếp quản lý, bồi dưỡng, phân công công tác, kiểm tra mọi hoạt động của GVT.

Ba là, nội dung xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay bao gồm tổng thể cả về số lượng, cơ cấu và chất lượng: (1) Về số lượng ĐNGV trẻ phải đảm bảo đủ theo yêu cầu biên chế ở mỗi bộ môn, khoa cũng như trong các trường SQQĐ đáp ứng mọi nhiệm vụ. Trong đó, phải có nguồn kế cận và dự trữ hợp lý để sẵn sàng bổ sung, thay thế khi cần thiết. (2) Về cơ cấu ĐNGV trẻ phải xây dựng hợp lý về các góc độ như cấp bậc quân hàm, tuổi quân, tuổi đời, giữa các chuyên ngành, trình độ học vấn... đảm bảo sự chuyển tiếp vững chắc giữa các thế hệ ở các khoa, bộ môn và giữa các khoa, bộ môn với nhau, khắc phục sự mất cân đối giữa các thế hệ giảng viên. (3) Về chất lượng GVT khi xây dựng phải tập trung vào đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cho mỗi GVT và cả đội ngũ hội tụ đủ phẩm chất và năng lực theo tiêu chuẩn chức danh giảng viên các cấp quy định, có khả năng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong mọi tình huống.

Bốn là, hình thức, biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay là: Thông qua đào tạo theo kế hoạch, bồi dưỡng theo phân cấp và thông qua tự rèn luyện, đào tạo của mỗi GVT. Công việc này phải được tiến hành một cách đồng bộ, thống nhất ở tất cả các khâu, các bước từ nhận thức, quy hoạch, tạo nguồn, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, bố trí sử dụng và thực hiện các chế độ chính sách phù hợp. Ở mỗi khâu, mỗi bước đó cần phải có những hoạt động cụ thể, thiết thực mang lại hiệu quả cao. Chú trọng việc phối hợp tốt giữa công tác tư tưởng với công tác tổ chức, cán bộ và công tác chính sách trong tất cả các hình thức, biện pháp, các khâu, các bước xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ.

2.1.2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo

2.1.2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò, sứ mệnh của nhà giáo và tầm quan trọng của việc xây dựng đội ngũ nhà giáo

Một là, nhà giáo có vị trí, vai trò quan trọng trong hiện thực mục tiêu và nội dung của quá trình giáo dục, đóng góp quan trọng trên nhiều phương diện. Theo Người, nhà giáo có vị trí, vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của xã hội: “Không có thầy giáo thì không có giáo dục... không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế văn hoá” [105; tr.345]. Theo Hồ Chí Minh, nhà giáo là người đem kiến thức, năng lực, kinh nghiệm và phẩm chất cá nhân truyền đạt cho người học, nhằm phát huy “năng lực vốn có”, thúc đẩy các trụ cột đức - trí - thể - mỹ để trở thành người có nhân cách tốt.

Nói tới phẩm chất chính trị của người cán bộ quân sự, Người luôn quan tâm và coi vấn đề xây dựng bản lĩnh chính trị, bản chất giai cấp là vấn đề mấu chốt nhất của người cán bộ quân sự. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Phải học tập chính trị: Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại. Quân đội ta là QĐND. Nhân dân có Đảng lãnh đạo, Đảng có chính cương, chính sách. Đã là QĐND thì phải học chính sách của Đảng” [102, tr. 217], Người còn chỉ ra: “Riêng về các chú, chính trị biểu hiện ra trong lúc đánh giặc” [102, tr. 218].

Trong hệ thống giáo dục, nhà giáo là yếu tố cơ bản nhất quyết định đến quá trình vận hành của nền giáo dục. Hệ thống giáo dục hoạt động như thế nào? Hiệu quả ra sao?... tất cả phụ thuộc vào ĐNNG. Người đánh giá rất cao vị trí và vai trò của người thầy trong công cuộc xây dựng đất nước: không chỉ bó hẹp trong phạm vi trường học mà còn được thể hiện ở ngoài xã hội, thầy giáo và học trò, tùy hoàn cảnh và khả năng, cần tham gia những công tác xã hội, ích nước, lợi dân.

Nhà giáo trực tiếp tham gia vào sự nghiệp giải phóng con người, xây dựng nền văn hóa mới, phục vụ công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Hồ Chí Minh viết:

Anh chị em chịu cực khổ khó nhọc, hy sinh phấn đấu, để mở mang tri thức phổ thông cho đồng bào, để xây đắp nền văn hóa sơ bộ cho dân tộc một phần tương lai của dân tộc nước nhà nằm trong sự cố gắng của anh chị em. Đồng bào ta ai cũng biết đọc, biết viết. Cái vinh dự đó thì tượng đồng, bia đá đều không sánh nổi. Nhà giáo được coi là khâu then chốt trong quy trình đào tạo cán bộ nhằm hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, xây dựng văn hóa, cung cấp đủ cán bộ cho nông nghiệp, công nghiệp, cho các ngành kinh tế và văn hóa [105, tr.291].

Nhà giáo có nhiệm vụ “đào tạo những công dân tốt, những cán bộ tốt sau này, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho miền Bắc vững mạnh thành hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà” [107, tr.271].

Theo Hồ Chí Minh, nhiệm vụ, chức trách của người thầy gắn liền với nhiệm vụ chính trị, đường lối phát triển GD&ĐT đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng. Vị thế của nhà giáo của chế độ mới khác với vị thế của nhà giáo dưới chế độ thực dân phong kiến. Ngày nay, người thầy không chỉ biết gõ đầu trẻ, miễn là có bài cho học trò học và có lương bỏ vào túi. Ngày nay, thầy giáo gắn trách nhiệm và đào tạo cán bộ ra phục vụ nhân dân. Bởi

vậy, sứ mệnh của họ là vun trồng, dạy dỗ con em nhân dân để họ trở thành người sống có ý nghĩa. ĐNNG đã góp phần quyết định trong việc đào tạo ra đội ngũ trí thức trẻ, kỹ sư, bác sĩ, cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế và lực lượng lao động chân chính trong các lĩnh vực khác nhau.

Theo Hồ Chí Minh, nhà giáo trực tiếp trang bị những tri thức về mọi mặt: chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, khoa học kỹ thuật... cho người học, giúp họ rút ngắn thời gian nhận thức, nắm bắt những tri thức của nhân loại, vận dụng, phát triển trong cuộc sống. Người chỉ rõ: “Cần có thầy thuốc để săn sóc sức khỏe cho nhân dân; cần có thầy giáo để dạy văn hoá và đào tạo cán bộ; cần có kỹ sư để xây dựng kinh tế, v.v..” [105, tr. 376]. Theo Người, công tác huấn luyện cán bộ quân sự cần hội tụ: tinh thần phục vụ Nhân dân, coi nhân dân là người mẹ của Quân đội, dù ở cương vị nào, cũng phải cố gắng để xứng đáng là người đầy tớ trung thành và tận tụy của Nhân dân. Bởi lẽ, theo Người “Quân đội ta là QĐND, do dân đẻ ra, vì dân mà chiến đấu, yêu nước, yêu dân, cho nên hy sinh kham khổ.” [101, tr. 264].

Vị trí, vai trò của nhà giáo còn thể hiện là cầu nối tri thức trên nhiều lĩnh vực với mỗi con người và toàn xã hội, soi đường cho từng cá nhân và cả “quốc dân”, “đồng bào” trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng CNXH. Hồ Chí Minh xác định có nhà giáo mới có hoạt động giáo dục và nhà giáo tên tuổi ít khi được đăng trên báo, không thấy trong bia đá, không trao nhận huân chương, song họ đều là những anh hùng vô danh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, nhà giáo có trách nhiệm nặng nề nhưng rất vẻ vang, yếu tố quyết định quá trình giáo dục và chất lượng nền giáo dục của đất nước. Trong lá thư của Người gửi Hội nghị Giáo dục toàn quốc tháng 3/1955, Người viết: “Trách nhiệm nặng nề và vẻ vang của người thầy là chăm lo cho con em của nhân dân thành người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt,

người cán bộ tốt của nước nhà” [104, tr.448]. Người luôn đánh giá cao vai trò của ĐNNG đối với sự phát triển của xã hội. Muốn có CNXH thì phải có tri thức. Muốn có tri thức thì phải có giáo dục. Hồ Chí Minh luôn coi trọng sự nghiệp giáo dục và đào tạo, dành sự quan tâm đặc biệt đến đội ngũ nhà giáo. Luận điểm: “Không có thầy giáo thì không có giáo dục”, đó là sự thể hiện vai trò tất yếu của người thầy trong sự nghiệp GD&ĐT.

Nhìn lại lịch sử giáo dục của nước nhà, có thể thấy, nhà giáo là nhân tố quyết định sự vận hành của hệ thống. Ngày 12/6/1956, trong khuôn khổ lớp đào tạo hướng dẫn viên các trại hè cấp I, Người nêu rõ: nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục, không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế văn hoá. Hệ thống giáo dục có hiện đại đến mấy, cũng không thể hoạt động được nếu không có những nhà giáo. Trong điều kiện cơ sở vật chất còn thiếu thốn, hoạt động giáo dục vẫn có thể tiến hành nếu có người thầy. Có thầy rồi thì các hoạt động khác của quá trình giáo dục như xác định mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, xây dựng trường, lớp..., mới có thể diễn ra và hoạt động suôn sẻ.

Theo Người, diễn biến của quá trình giáo dục nhanh hay chậm, hiệu quả hay không trước hết phụ thuộc vào vị trí, vai trò của ĐNNG. Nhà giáo thông qua phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học và các công cụ hỗ trợ nhằm truyền tải nội dung giáo dục tới người học theo mục tiêu xác định. Bởi vậy, thiếu vắng vai trò của người thầy thì mục đích của giáo dục không thể trở thành hiện thực. Theo Hồ Chí Minh, muốn đổi mới giáo dục trước hết phải xuất phát từ việc đổi mới tư duy, xây dựng tác phong của ĐNNG. Người chỉ rõ: “Cần đào tạo cán bộ cho mọi ngành hoạt động, cho nên cần có thầy giáo” [102, tr.272]. Vì lẽ đó, các lĩnh vực khác muốn có nguồn nhân lực để vận hành thì trước hết cần có sự vận hành của hệ thống giáo dục. Đối với cán bộ quân đội, Người dạy: “Mình đánh giặc là vì dân. Nhưng mình không phải là “cứu tinh” của dân, mà mình có trách nhiệm phụng sự nhân dân. Tất cả quân

nhân phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu. Phải làm thế nào để khi mình chưa đến, thì dân trông mong, khi mình đến thì dân giúp đỡ, khi mình đi nơi khác thì dân luyến tiếc” [102, tr. 76]. Đội ngũ cán bộ quân sự phải giữ gìn truyền thống “*trung với Đảng, hiếu với dân*”; “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng” [109, tr. 435].

Vai trò quyết định trực tiếp tới chất lượng GD&ĐT không ai khác ngoài đội ngũ những người thầy. Bởi sản phẩm của giáo dục là con người. Người chỉ rõ tác động của nhà giáo tới người học: Nếu thầy giáo, cô giáo bàng quang thì lại đúc ra một số công dân không tốt, cán bộ không tốt. Trẻ em như cái gương trong sáng, thầy tốt thì ảnh hưởng tốt, thầy xấu thì ảnh hưởng xấu. Học trò tốt hay xấu là do thầy giáo, cô giáo tốt hay xấu. Sản phẩm giáo dục mà người thầy tạo ra những công dân hội tụ đủ phẩm chất và năng lực được xã hội đánh giá và kiểm nghiệm. Đối với quân đội, Hồ Chí Minh khẳng định: “Cán bộ và chiến sĩ thương yêu nhau như ruột thịt, chia ngọt sẻ bùi. Quân và dân như cá với nước, đoàn kết một lòng, học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Quân đội ta có tinh thần yêu nước chân chính, lại có tinh thần quốc tế vô sản cao cả, luôn luôn đoàn kết với nhân dân và quân đội các nước chủ nghĩa xã hội anh em, với nhân dân các nước đang đấu tranh giải phóng dân tộc và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới” [109, tr. 435].

Hồ Chí Minh cho rằng, nhiệm vụ của cô giáo, thầy giáo là rất quan trọng và rất vẻ vang. Việc đào tạo những lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng “vừa hồng”, “vừa chuyên” là sự nghiệp của Đảng và là trách nhiệm của toàn xã hội, trong đó nhà giáo giữ vai trò chủ yếu, nòng cốt. Người khẳng định: Các thầy giáo có nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang là đào tạo đội ngũ trí thức cho đất nước. Vì vậy, giáo dục cần nhằm vào mục đích là phụng sự nhân dân.

Để hoàn thành vai trò của mình, trách nhiệm nặng nề và vẻ vang của người thầy là: chăm lo dạy dỗ con em của nhân dân thành người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt, người cán bộ tốt của nước nhà. Nhà giáo là người dìu dắt người học chiếm lĩnh tri thức, phát huy được năng lực cá nhân như lời dạy của Người: “Cần đào tạo cán bộ cho mọi ngành hoạt động, cho nên cần có thầy giáo” [102, tr.72]. Từ thực tế cuộc sống, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Các cô, các chú đều biết, giáo viên ngày nay không phải là “gỗ đầu trẻ kiếm cơm”, mà là người trực tiếp hướng dẫn những cán bộ tiến bộ cho đất nước. Nhiệm vụ ấy rất là vẻ vang; “cần có thầy giáo để dạy văn hoá và đào tạo cán bộ” [105, tr.376]. Quan điểm của Người về vị trí quan trọng và vẻ vang của nhà giáo là nhất quán. Các nhà giáo chăm lo dạy dỗ con em của nhân dân thành người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt, người cán bộ tốt của nước nhà, đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng CNXH và chủ nghĩa cộng sản, đào tạo các thế hệ tiếp nối dựng xây sự nghiệp cách mạng của Đảng ta.

Ba là, nhà giáo là chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hóa giáo dục. Theo Người, nhà giáo là chiến sĩ trên mặt trận văn hóa giáo dục: nhà giáo phải có nhiệm vụ đào tạo cán bộ cho nước nhà, truyền bá lý tưởng, đạo đức chân chính, tinh hoa văn hóa của dân tộc và nhân loại. Bồi dưỡng những phẩm chất cao quý và năng lực sáng tạo phù hợp với sự tiến bộ của xã hội và nhân loại. Nhà giáo có sứ mệnh đào tạo lớp người có đức, có tài, kế tục sự nghiệp cách mạng. Người từng căn dặn: Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người. Bởi vậy, đội ngũ người thầy phải đào tạo ra những công dân tốt, cán bộ tốt cho dân tộc. Nhân dân, Đảng, Chính phủ giao các nhiệm vụ đào tạo thế hệ tương lai cho các cô, các chú. Đó là một trách nhiệm nặng nề, nhưng rất vẻ vang; bây giờ thầy giáo có trách nhiệm với nhân dân, đào tạo cán bộ ra phục vụ nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, nhà giáo tốt là những anh hùng vô danh. Phát biểu tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (10/1964), Người nhấn mạnh:

Người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất. Dù là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh. Người khẳng định: Nếu không có thầy giáo dạy dỗ cho con em nhân dân, thì làm sao mà xây dựng CNXH được? Vì vậy nghề thầy giáo rất là quan trọng, rất là vẻ vang; ai có ý kiến không đúng về nghề thầy giáo, thì phải sửa chữa [109, tr.402 - 403].

Khi nói nhà giáo là anh hùng vô danh, tức là khẳng định công lao to lớn và đức hy sinh thầm lặng, đồng thời nói lên đặc điểm của hoạt động sư phạm - hoạt động vẻ vang và cao quý.

Theo Hồ Chí Minh, đóng góp của nhà giáo không phải để đáp “tượng đồng, bia đá” mà đó là trách nhiệm, lương tâm nghề nghiệp, niềm vinh dự, tự hào. Đó là lĩnh vực hoạt động thầm lặng nhưng rất vẻ vang, người thầy giáo tốt là người “vẻ vang nhất”. Đây là một sự đánh giá hàm chứa trong đó những giá trị về nhà giáo và nghề dạy học.

Bốn là, xây dựng ĐNNG có tầm quan trọng trong thực hiện mục tiêu “độc lập dân tộc gắn liền với CNXH”. Theo Hồ Chí Minh, xây dựng ĐNNG là một nội dung then chốt, quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng nền giáo dục mới. Khẳng định bản chất tốt đẹp của chế độ ta, Người chỉ rõ sự cần thiết của việc xây dựng nền giáo dục mới phục vụ sự nghiệp cách mạng; biện pháp chủ yếu để kiến tạo nền giáo dục mới là: “Chúng ta phải đào tạo cán bộ mới và giúp đỡ cán bộ cũ theo tôn chỉ kháng chiến và kiến quốc” [100, tr.575]. Quá trình kiến tạo nền giáo dục mới phải gắn liền với yêu cầu xây dựng ĐNNG để vận hành hệ thống giáo dục nước nhà. Hơn nữa, Người cũng chỉ rõ trong việc kiến thiết đất nước trên nhiều lĩnh vực “ta thiếu rất nhiều cán bộ như kỹ sư, chuyên gia, thợ lành nghề, thầy dạy học, v.v..” [105, tr.273].

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng ĐNNG đáp ứng đòi hỏi từ thực tiễn đất nước. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Đảng và Chính

phủ chủ trương cải tổ, chúng ta dựng xây nền giáo dục theo tinh thần dân tộc, khoa học, đại chúng. Trong kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954), các trường học cùng với nhân dân cả nước bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược, trong đó ĐNNG đã tích cực, chủ động khắc phục mọi khó khăn, trực tiếp phục vụ kháng chiến và đào tạo cán bộ phục vụ sự nghiệp đấu tranh và kiến quốc. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, mỗi nhà giáo luôn gắn bó với thực tiễn cuộc sống, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cách mạng, từng bước đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh cho rằng, sự nghiệp giáo dục muốn phát triển tốt cần phải xây dựng được ĐNNG đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và cơ cấu. Phải tranh thủ được sự giúp đỡ nhiều mặt của nhân dân. Người nói: đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân. Qua thực tiễn đấu tranh cách mạng, Người đã rút ra bài học có giá trị cho cả hôm nay và mai sau, đó là bất kể việc gì cũng phải đi sát với quần chúng, bàn bạc với quần chúng, tin yêu quần chúng. Thấm nhuần lời dạy của Người, ngành giáo dục nói chung, ĐNNG nói riêng luôn thực hiện tốt phương châm dựa vào nhân dân.

Theo Người, xây dựng ĐNNG là một trong những bước đi đầu tiên của sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam. Người nói: Con người là vốn quý nhất, là lực lượng to lớn nhất, con người đóng vai trò kép: là mục tiêu, động lực để xây dựng CNXH, Người chỉ rõ: “Muốn xây dựng CNXH, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa” [108, tr.66]. Muốn có con người xã hội chủ nghĩa thì trước hết phải xây dựng cho được ĐNNG - những người làm nhiệm vụ GD&ĐT, có trách nhiệm “trồng người”. Thực tế cho thấy, quá trình xây dựng có thể trở thành con người xã hội chủ nghĩa thật đầy đủ, hoàn chỉnh không phải ngay một lúc, mà trước hết cần có những người tiên tiến, có những nét tiêu biểu để làm gương và lôi cuốn những người khác và toàn xã hội xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Theo đó, ĐNNG chính là những người tiên tiến cần được xây dựng ngay từ những bước đầu.

2.1.2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng đội ngũ nhà giáo

Xây dựng số lượng đội ngũ nhà giáo

Hồ Chí Minh cho rằng, muốn đưa nền giáo dục phát triển, thực hiện dạy tốt thì trước hết phải xây dựng ĐNNG đảm bảo đầy đủ về số lượng. Người đã chỉ rõ: “lớp huấn luyện mọc lên như nấm, cơ quan lãnh đạo có cảm giác là số giảng viên cung không kịp với cầu” [98, tr.485]. Hoạt động dạy học của ĐNNG là hoạt động lao động đặc thù. Để có được các tiết dạy học thực sự chất lượng thì người thầy giáo phải chuẩn bị chu đáo, kỹ càng giáo án, bài giảng và tập trung nghiên cứu. Người yêu cầu ĐNNG: “Bài dạy phải chuẩn bị cho tốt và cần chọn lọc những bài thích hợp” [109, 745]. Do đó, nếu không đủ số lượng nhà giáo thì mỗi người thầy phải đảm nhiệm khối lượng giảng dạy, tiết giảng nhiều và các đầu lớp mà mình phụ trách đông, dẫn đến không có đủ thời gian nghiên cứu, từ đó mà ảnh hưởng đến chuyên môn, thiếu thời gian, chuẩn bị bài giảng không chu đáo, chất lượng giảng dạy sẽ bị giảm sút. Người chỉ rõ: “Vì mở nhiều lớp nên thiếu người giảng. Thiếu người giảng thì học viên đâm chán nản” [101, tr.362]. Người chỉ rõ mặt trái của việc thiếu hụt ĐNNG: “rút cuộc chỉ tốn gạo mà học thì học táp nhoang” [101, tr.363].

Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn, công tác xây dựng ĐNNG phải đầy đủ về số lượng, bởi vì số lượng ĐNNG thiếu, không đáp ứng được nhu cầu học tập sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Người chỉ ra: “người đến giảng khi nào cũng hấp tấp, lướt qua lớp này một chút, lớp khác một chút như chuồn chuồn đập nước, dạy không được chu đáo. Thiếu người giảng thì thường khi lại phải “bị lỗi”, người “bị lỗi” năng lực kém, nói sai, có hại cho học sinh, nghĩa là có hại cho Đoàn thể” [101, tr.363]. Trong bài *Chúng tôi vững tin vào thắng lợi cuối cùng của mình*, Người đã nhận diện rõ những tồn tại, hạn chế của việc thiếu ĐNNG trong quá trình tổ chức các lớp học lý luận chính trị để giáo dục cho

đảng viên những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: “Do thiếu kinh nghiệm và rất thiếu giảng viên có chất lượng nên ban đầu kết quả không được hài lòng lắm.” [100, tr.184]. Rõ ràng, chất lượng đào tạo chỉ có thể nâng cao khi xây dựng được ĐNNG đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng.

Vì vậy, Hồ Chí Minh rất chú trọng công tác dựng xây ĐNNG đủ về số lượng, đây là khâu then chốt trong việc phát triển nền giáo dục nước nhà. Tại Hội nghị sư phạm tháng 7-1956, Hồ Chí Minh nói: “Nước nhà ta đang khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa thì cần cán bộ rất nhiều, nhưng cán bộ ta còn thiếu. Vậy ta phải đào tạo cán bộ, cán bộ phải có văn hóa làm gốc. Muốn có văn hóa... *phải học*. Muốn học *phải... có thầy*” [105, tr.388]. Theo đó, “Nhân dân lao động tham gia học tập ngày càng nhiều. Số trường phổ thông và số học sinh tăng gấp bội. Việc đào tạo cán bộ chuyên môn được chấn chỉnh và mở rộng dần dần” [103, tr.351]. Theo Hồ Chí Minh, việc đầu tiên cần tuyển chọn ĐNNG, vì không phải bất kỳ ai cũng có thể trở thành thầy giáo, cô giáo. Tiếp đó, “Cơ quan lãnh đạo chỉ cần chọn một số người có thể làm giảng viên, đưa giáo trình cho họ nghiên cứu, khi họ đã nghiên cứu thông suốt, nắm được các vấn đề rồi thì cán bộ địa phương đón họ về tổ chức các lớp” [98, tr.485].

Dưới sự chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã đặc biệt quan tâm và chỉ đạo công tác xây dựng ĐNNG có số lượng phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, đã sử dụng tổng thể những biện pháp như: Trọng trí thức, trọng nhân tài, chọn sinh viên tốt nghiệp loại giỏi các trường đại học bồi dưỡng thêm nghiệp vụ sư phạm để làm cán bộ giảng dạy; đưa cán bộ giảng dạy đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, ưu tiên đầu tư phát triển các trường ĐH, CĐ sư phạm để đào tạo ĐNNG, v.v...

Xây dựng chất lượng đội ngũ nhà giáo

Xây dựng ĐNNG về chất lượng được thể hiện ở hệ thống các yếu tố, trong đó chủ yếu nhất về phẩm chất chính trị; đạo đức cách mạng; về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp sư phạm.

Thứ nhất, xây dựng về phẩm chất chính trị

Một là, nhà giáo tin tưởng và tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, dân tộc. Nghĩa là, nhà giáo phải có lập trường chính trị vững vàng, triệt để tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Người khẳng định: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế” [100, tr.273] và “Chính trị là linh hồn, chuyên môn là cái xác. Có chuyên môn mà không có chính trị thì chỉ còn cái xác không hồn. Phải có chính trị trước rồi có chuyên môn” [107, tr.269]. Nhà giáo phải đem hết tâm huyết phụng sự nước nhà, vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, dân tộc, đào tạo những cán bộ, công dân mẫu mực, xây dựng chế độ xã hội mới - xã hội chủ nghĩa. Người yêu cầu ĐNNG phải luôn luôn nâng cao tinh thần yêu Tổ quốc, yêu CNXH, tăng cường tình cảm cách mạng đối với công nông, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, triệt để tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Bác đã “gửi lời khen ngợi các cô giáo, thầy giáo trẻ tuổi đã không ngại khó khăn gian khổ xung phong lên miền núi giúp đồng bào các dân tộc nâng cao trình độ văn hóa” [110, 746]. Do vậy, nhà giáo trong xã hội chủ nghĩa phải có đạo đức cách mạng: chuẩn mực trung với nước, hiếu với dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; thương yêu con người và có tinh thần quốc tế trong sáng.

Hai là, nhà giáo thực sự giác ngộ cách mạng, yêu nước gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội. ĐNNG là thành tố chủ yếu của đội ngũ trí thức, là “kiến trúc sư trí tuệ”, có nhiệm vụ là đào tạo ra các thế hệ kế tiếp cho đất nước, là động lực của sự phát triển. Theo đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “CNXH chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người” [106, tr.10]. Trên phương diện lãnh đạo, quản lý, “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém” trong đó người thầy chính là những người nuôi dưỡng, bồi đắp cho “cái

gốc cán bộ” được đâm chồi, nảy lộc. Nhà giáo có lập trường chính trị vững vàng mới có thể đào tạo ra được những con người cách mạng, vì có chuyên môn mà không có chính trị giỏi thì dù học giỏi mấy dạy trẻ con cũng hỏng. Nhà giáo phải không ngừng nâng cao giác ngộ chính trị, yêu CNXH. Người chỉ rõ: “Trước hết phải dạy trẻ yêu Tổ quốc, yêu lao động, yêu đồng bào và yêu CNXH” [107, tr.269], tuyệt đối trung thành với sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng nhận bất cứ nhiệm vụ gì mà Đảng và nhân dân giao phó.

Nhà giáo phải tự cải tạo nhận thức và tư duy của mình; phải biết làm sạch mình, “tẩy rửa khuyết điểm”, “rèn giũa cho sạch những vết xấu xa trong đầu óc”. Có những thầy, cô luôn tự tin là giỏi, biết tất cả, cái gì cũng biết; chỉ coi nghề mình là cao quý, là thanh cao, còn tất cả các nghề khác là thấp kém. Từ đó mà sinh ra tự kiêu, tự mãn, óc địa vị, không chịu học hỏi ai, xa rời, coi thường nhân dân, coi khinh lao động chân tay. Người huấn luyện nào tự cho là mình đã biết đủ cả rồi, thì người đó dốt nhất.

Ba là, nhà giáo luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Sự nghiệp GD&ĐT luôn đặt ra cho mỗi nhà giáo, phải không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, trau dồi đạo đức cách mạng; tác phong chính quy mẫu mực của người thầy giáo; xây dựng động cơ đúng, trách nhiệm cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Người chỉ rõ: ĐNNG “cần phải trau dồi đạo đức cách mạng, khiêm tốn, giản dị, gần gũi quần chúng và gương mẫu về mọi mặt” [107, tr.273]. Bởi vậy, mỗi giảng viên phải nêu cao tinh thần tự học tập, nghiên cứu để mở rộng hiểu biết của mình về cả kiến thức chuyên ngành, liên ngành, khoa học xã hội cũng như văn học, lịch sử, văn hoá..., đặc biệt là những tri thức mới về khoa học sư phạm hiện đại, vận dụng thành thạo các phương pháp giảng dạy tích cực (phương pháp sư phạm tốt bao giờ cũng có kết quả giảng dạy cao).

Theo Người, ĐNNG phải gạt bỏ tư tưởng sợ hãi, sợ khó nhọc, không coi trọng nghề giáo, không yên tâm công tác, làm thầy giáo không oanh liệt, không

anh hùng; khó nhọc nhưng lại không có tiếng tăm. Kháng chiến giết được nhiều giặc sẽ trở thành chiến sĩ, anh hùng, vào nhà máy có nhiều sáng kiến sản xuất vượt mức cũng trở thành chiến sĩ, anh hùng; Là so bì đãi ngộ: lương thấp, cao, quần áo đẹp, xấu, là uể oải, muốn nghỉ ngơi, hưởng thụ, an nhàn.

Thứ hai, xây dựng về phẩm chất đạo đức

(1) Nhà giáo có lòng yêu nước, yêu Tổ quốc Việt Nam. Phẩm chất đạo đức là yêu cầu hàng đầu đối với nhà giáo. Dạy học sinh trước hết là dạy đạo đức làm người, mà muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức. Người cho rằng: “Nếu chính mình tham ô bảo người ta liêm khiết có được không? Không được. Mình trước hết phải siêng năng, trong sạch thì mới bảo người ta trong sạch, siêng năng được” [104, tr.98]. Như vậy, người thầy phải luôn là tấm gương đạo đức cách mạng, phải có đạo đức mới dạy học sinh được, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy nói cũng không ai nghe, không ai khâm phục.

Người coi phẩm chất đạo đức là nền tảng của nhà giáo - phẩm chất quan trọng nhất của nhà giáo là phục vụ Tổ quốc, nhân dân, phục vụ Tổ quốc gắn liền với phục vụ nhân dân. Người nói chuyện với các nhà giáo lớp nghiên cứu chính trị khóa 1 Trường Đại học nhân dân: “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân - tức là phục tùng chân lý” [105, tr.378].

(2) Nhà giáo thực sự mô phạm về đạo đức. Nhà giáo được xã hội tôn trọng, vinh danh bởi những chuẩn mực về đạo đức, lối sống, là “khuôn vàng, thước ngọc” cho người học noi theo. Người chỉ rõ: “Cô giáo, thầy giáo trong chế độ ta cần phải góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Phải có chí khí cao thượng, phải “tiên ưu hậu lạc” nghĩa là khó khăn thì phải chịu trước thiên hạ, sung sướng thì hưởng sau thiên hạ. Đây là đạo đức cách mạng” [109, tr.403]. Theo Người, “Trẻ em hay bắt chước, cho nên thầy giáo, cán bộ phụ trách, v.v., phải gương mẫu từ lời nói đến việc

làm. Nếu các cô các chú bảo: “Các em phải siêng làm” nhưng các cô các chú lại đi ngủ, hoặc dạy “các em phải thật thà”, nhưng các cô các chú lại nói sai, hay bảo “các em phải giữ vệ sinh chung”, nhưng các cô các chú bản, như thế là không được” [99, tr.33].

Đạo đức, lối sống của nhà giáo và các mối quan hệ trong nhà trường sẽ là môi trường giáo dục mà ở đó tâm hồn, tình cảm, đạo đức của người học được trưởng thành. Người chỉ rõ: “... sự học tập ở trong trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên và tương lai của thanh niên tức là tương lai của nước nhà” [100, tr.120]. Tấm gương của nhà giáo đối với người học là vô cùng quan trọng và có tính hai mặt.

Nhà giáo là tấm gương sáng về mọi mặt: tư tưởng, đạo đức và lề lối làm việc. Hồ Chí Minh căn dặn: “Muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức... Cho nên thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu, nhất là đối với trẻ con” [107, tr.270]. Người luận giải, chính trị là đức, chuyên môn là tài, có tài mà không có đức là hỏng, hay “Chính trị là linh hồn, chuyên môn là cái xác. Có chuyên môn mà không có chính trị thì chỉ còn cái xác không hồn” [107, tr.269].

Ba là, nhà giáo có lương tâm nghề nghiệp trong sáng, yêu nghề, yêu thương học trò. Người chỉ rõ: “Thầy cũng như trò, cán bộ cũng như nhân viên, phải thật thà yêu nghề của mình” [109, tr.402]. Bởi vậy, những người làm thầy “nên yên tâm công tác”, không nên “đứng núi này trông núi nọ, muốn thay đổi công tác, kèn cựa vì địa vị. Nhà giáo cần nhất là phải có cái tâm trong sáng, có tình thương yêu con người, “các cô giáo, thầy giáo trẻ tuổi đã không ngại khó khăn gian khổ xung phong lên miền núi giúp đồng bào các dân tộc nâng cao trình độ văn hóa” [109, tr.746]. Cái tâm trong sáng được thể hiện ở đạo đức và hành vi hết lòng tận tâm dạy bảo người học. Trong quân đội, Người yêu cầu: “Cán bộ phải thương yêu săn sóc đội viên. Cán bộ phải chăm lo đội viên đủ ăn đủ mặc. Cán bộ có coi đội viên như chân như tay, đội viên mới coi cán bộ như đầu như óc” [102, tr.219]

Do đó, “Người làm thầy giáo, thầy thuốc, văn nghệ, văn văn, cũng không thể sung sướng trong lúc cả nước bần cùng” [103, tr.253]. Đây là hành động thiết tha với nghề nghiệp, luôn khám phá và sáng tạo để tìm ra cách dạy hay nhất, tốt nhất, công bằng với người học. Người thầy không bị sa ngã bởi những cám dỗ vật chất tầm thường, kiên quyết chống những cái xấu, cái sai trong xã hội. Người chỉ rõ: Các đồng chí giáo viên đã có nhiều kinh nghiệm hiểu rõ tình hình, biết thấu những ưu điểm và khuyết điểm của học trò, sẵn lòng chịu khó dạy dỗ. Hồ Chí Minh yêu cầu ĐNNG phải thật thà. Sống thật, nói thật, làm thật để cống hiến thật sự, lời nói đi đôi với việc làm, làm việc có ích cho Tổ quốc, nhân dân.

Nhà giáo phải thương yêu, quan tâm người học như ruột thịt, song cách thể hiện phải linh hoạt, phải đảm bảo sự phù hợp với từng lứa tuổi và cấp học. Ở tiểu học, mẫu giáo, nhà giáo phải thương yêu các cháu như con em ruột thịt của mình. Ở cấp đại học và trung học chuyên nghiệp thì tình thương của người thầy đối với học trò được xây dựng trên cơ sở dân chủ, kỷ cương và trách nhiệm. Thực hiện dân chủ nhưng trò phải kính thầy, thầy phải quý trò chứ không phải là cá đối bằng đầu. Đây là mối quan hệ tốt đẹp của thầy và trò trong xã hội dân chủ, có sự kế thừa những giá trị đạo lý tôn sư trọng đạo của dân tộc.

(4) Nhà giáo luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, chia sẻ và cùng nhau hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Trong môi trường sư phạm, Hồ Chí Minh hiểu rất rõ giá trị của sức mạnh đại đoàn kết. Người nhấn mạnh: “Nhiệm vụ của các cô giáo, thầy giáo rất nặng nề nhưng rất vẻ vang. Muốn làm tròn nhiệm vụ đó thì phải luôn luôn gương mẫu về mọi mặt, không ngừng bồi dưỡng đạo đức cách mạng, lập trường chính trị; phải ra sức đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ” [109, tr.747].

Đoàn kết có sức mạnh to lớn, mang lại sự vui vẻ, kích thích sự sáng tạo của ĐNNG. Nếu đoàn kết tốt sẽ tạo ra không gian thi đua lành mạnh, tạo động lực cho từng cá nhân phát huy khả năng và tạo sức mạnh của tập thể đóng góp

cho sự vững mạnh của nền giáo dục. Người coi trọng xây dựng khối đoàn kết trong ĐNNG, bởi Người xác định đây là những chuẩn mực đạo đức cách mạng quan trọng của người thầy.

Giá trị đoàn kết của nhà giáo được thể hiện qua các mối quan hệ xã hội: mối quan hệ giữa đồng nghiệp với đồng nghiệp, giữa thầy và trò, giữa thế hệ trước và thế hệ sau, giữa cán bộ giảng dạy và cán bộ phục vụ, giữa nhà giáo và các cấp chính quyền, nhân dân địa phương. Đồng thời, nó được thể hiện qua việc trao đổi về chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, phối hợp trong quản lý, giáo dục, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Tinh thần đoàn kết của ĐNNG phải dựa trên những mục tiêu chung, vì sự phát triển của nhà trường và sự phát triển GD&ĐT. Người yêu cầu ĐNNG “hãy đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau” [110, tr.481]. Nhà giáo phải tự đánh giá ưu điểm và hạn chế, từ đó tự điều chỉnh trước. Công tác tự phê bình và phê bình phải trung thực, không lợi dụng để công kích, đả phá nhau, phê bình việc chứ không phải phê bình người. Thực hiện nguyên tắc phê bình và tự phê bình phải “khéo” và “tinh tế”, phải có tình đồng đội, thể hiện văn hóa tự phê bình và phê bình trong xây dựng đoàn kết

Thứ ba, xây dựng về phẩm chất chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp sư phạm.

Một là, nhà giáo giỏi về chuyên môn. Nhà giáo là cán bộ chuyên môn, Hồ Chí Minh yêu cầu nhà giáo phải có chuyên môn thành thạo, vững vàng. Dạy chuyên môn gì phải thành thạo, vững vàng về chuyên môn đó. Hơn nữa, dạy và làm, cũng như công tác lãnh đạo phải đúng chuyên môn. Muốn huấn luyện thợ rèn, thợ nguội thì người huấn luyện phải thạo nghề rèn, nghề nguội, lãnh đạo hỏa xa phải biết chuyên môn về hỏa xa.

Theo Người nhà giáo phải có trí tuệ và tài năng. Đề cao vai trò của đạo đức đối với nhà giáo, song không tuyệt đối hóa mặt nào. Giữa đức và tài,

phẩm chất và năng lực của ĐNNG có mối quan hệ biện chứng. Có đức là đề tài năng phát triển đúng hướng và có tài thì đức mới phát huy được tác dụng. Nhà giáo phải chú ý cả hai, “Có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà không có tài thì dạy thế nào? Đức phải có trước tài” [107, tr.269]. Đối với nhà giáo, tài và đức luôn thống nhất với nhau, chuyên hóa cho nhau trong hoạt động sư phạm. Bởi vì, chỉ có những nhà giáo có đạo đức phát triển tốt thì mới có sức thuyết phục cao trong giáo dục người học. Nhà giáo giỏi, có tài năng sư phạm thì mới đào tạo ra được những học trò ngoan, những cán bộ giỏi.

Theo Hồ Chí Minh, tài năng, trí tuệ của nhà giáo trước hết phải được thể hiện ở trình độ chuyên môn. Tại Hội nghị lần thứ nhất về công tác huấn luyện và học tập năm 1950, Người nói: “Muốn huấn luyện thợ rèn, thợ nguội thì người huấn luyện phải thạo nghề rèn, nghề nguội” [101, tr.356]. Ngoài chuyên môn, nhà giáo phải có những kiến thức tổng hợp nhất định, có lý luận thì mới hiểu được mọi việc trong xã hội, trong phong trào để chủ trương cho đúng, làm cho đúng. Thầy cô giáo phải nắm và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước. Theo Người, trước hết cần tích cực học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để có nhận thức, cách xử lý với việc, với người đúng đắn. Đồng thời, phải có hiểu biết về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học quân sự. Người chỉ rõ trong QĐND: “Quân nhân phải biết võ, phải biết văn, võ là như tay phải, văn là như tay trái của quân nhân. Biết võ, biết văn, mới là quân nhân hoàn toàn.” [101, tr. 61]. Người cho rằng, một quân đội văn hay, võ giỏi là quân đội vô địch.

Nhà giáo phải giỏi về chuyên môn và năng lực nghiên cứu. Hồ Chí Minh cho rằng thầy giỏi thì sẽ có phương pháp hay và theo đó, sẽ có trò giỏi, còn thầy đã kém thì khó lấy gì bù đắp nổi. Nhà giáo dạy chuyên môn gì thì phải được đào tạo về chuyên môn đó. Tức là phải đúng chuyên môn. Đào tạo để đi dạy người khác thì phải đào tạo bài bản, đến nơi đến chốn, phải đạt được chuẩn

nghề nghiệp nhất định, tức là “thạo nghề”. Thầy mà không “thạo nghề” thì không những không dạy được ai mà còn làm hại cho xã hội và người học, điều này gây ra hậu quả to lớn, lâu dài cho nền GD&ĐT, kìm hãm sự phát triển xã hội. Theo Hồ Chí Minh, chính trị là đạo đức, chuyên môn là tài năng, đó là hai mặt cùng tồn tại trong mỗi nhà giáo, luôn đi đôi với nhau.

Hai là, nhà giáo có kế hoạch làm việc khoa học, có kế hoạch, biết tổ chức, phương pháp làm việc khoa học thì nhiệm vụ của nhà giáo mới được ghi nhận. Người chỉ rõ: “Các thầy giáo và học sinh phải cố gắng làm cho việc học hành được đều đặn, phát triển” [104, tr.86]. Nhà giáo phải có kế hoạch giảng dạy cụ thể ở từng nội dung, đối tượng sao cho khoa học, cái gì dạy trước, dạy sau, cái gì dạy nhiều, dạy ít. Phải có tính chủ động, cẩn thận trong giảng dạy, nghiên cứu. Phải xây dựng kế hoạch làm việc khoa học, thiết thực, cụ thể, tỷ mỉ và quyết tâm thực hiện tốt những mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Đối với cán bộ quân sự, Người chỉ rõ: “Quân đội không tập luyện, 100 người không chống nổi 1 tên địch, siêng tập thì 1 người có thể chống nổi 100 người địch. Không Tử có nói: Không dạy mà đem đi đánh tức là đem đi chết. Hay dạy chính trị, giáo dục quân sự, 1 người dạy cho 10 người, 10 người dạy cho 100 người, 100 người dạy cho 1.000 người v.v. như thế chắc đánh thắng được” [100, tr. 695].

Nhà giáo phải xây dựng tác phong làm việc sâu sát thực tế, thiết thực, tác phong dân chủ, gần gũi học trò, gần gũi nói với việc làm, giữ lời hứa. Học đi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn. Nhà giáo phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái. Phải xây dựng tác phong điều tra, nghiên cứu trong mọi công tác cũng như trong khi định ra mọi chính sách của Đảng và Nhà nước. Yêu cầu đặt ra là: xây dựng thái độ làm việc đúng đắn, luôn tìm cách cải tiến công việc của mình sao cho tốt hơn, tức là dạy tốt, không phải ngồi chờ cấp trên nghĩ ra. Người thầy phải luôn ghi nhớ: học tập không mỏi,

cải tiến không ngừng, muốn cải tiến kỹ thuật, phải biết kỹ thuật, cải tiến tổ chức lao động, cũng phải biết phương pháp tổ chức và có kinh nghiệm tổ chức. Vì vậy, phải “học, học nữa, học mãi”, như V.I.Lênin đã dạy.

Ba là, nhà giáo có phương pháp giảng dạy khoa học. Theo Người, nhà giáo ngoài kiến thức sâu rộng về chuyên môn cần phải thuần thục về phương pháp giảng dạy, “... trước kia lu bù nhồi sọ, bây giờ phải tìm cách dạy nhanh, nhiều, tốt và rẻ” [107, tr.270], tạo cho người học hiểu sâu và nhớ vấn đề. Chính vì vậy, ĐNNG phải tìm cách dạy. Dạy cái gì, dạy thế nào để học trò hiểu chóng, nhớ lâu, tiến bộ nhanh. Dạy và học cần bám sát nhu cầu của xã hội. Đối với học sinh, các thầy giáo phụ trách toàn diện, nâng cao hiệu quả dạy và học. Người yêu cầu: Bài dạy phải chuẩn bị cho tốt và cần chọn lọc những bài thích hợp với tuổi của học sinh; bài giảng phải chuẩn bị thật kỹ càng, tránh qua loa đại khái và cách dạy, quan niệm dạy phải khác. Dạy sao cho học sinh mau hiểu, mau nhớ, lý luận đi với thực hành.

Người dạy, muốn trở thành người thầy tốt đòi hỏi vận dụng phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng người học. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* viết năm 1947, Người đã chỉ ra một phương pháp dạy học hiện đại, đó là “Lấy tự học làm cốt” [100, tr.312]. Theo Người, lựa chọn các phương pháp dạy học chỉ đạt hiệu quả khi phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng giáo dục. Trong Thư gửi học sinh, cán bộ thanh niên, nhi đồng năm 1955, Người đã nêu rõ nhiệm vụ của mỗi cấp học, bậc học gắn với phương pháp giáo dục phù hợp. Như vậy, Hồ Chí Minh đề cao việc lấy người học làm trung tâm để lựa chọn nội dung, phương pháp cho phù hợp. Điều này, thúc đẩy giáo dục phát triển, thỏa mãn nhu cầu, phát triển năng lực học tập của người học.

Theo Hồ Chí Minh, phương pháp giảng dạy phải quán triệt quan điểm: Cốt thiết thực, chu đáo hơn tham nhiều; nhà giáo phải sâu sát, nắm rõ khả năng nhận thức và hoàn cảnh của người học để tìm ra cách thức giảng dạy

phù hợp. Có đối tượng phải tốn nhiều thời giờ, dạy tỷ mỉ thì mới hiểu vấn đề. Có đối tượng “cách dạy bao quát mà vẫn làm cho người học hiểu thấu được” [101, tr.358]. Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm dạy theo người học, chứ không phải bắt buộc người học phải học theo cách dạy của mình. Dạy học phải phù hợp với đối tượng và khả năng nhận thức của người học. Phương pháp giảng dạy phải sinh động, lý luận phải gắn với thực tiễn để người học dễ hiểu, “mau hiểu, mau nhớ”, “tránh lối dạy nhồi sọ”. Người quan niệm rất sâu sắc, phương pháp giáo dục phải căn cứ vào đối tượng, hoàn cảnh và điều kiện cụ thể. Học cốt là để làm, học mà không làm được thì học mấy cũng vô ích. Việc làm này là phí công, phí của, vô ích.

Bốn là, nhà giáo luôn cố gắng học thêm mãi. Hồ Chí Minh yêu cầu: “Các cô, các chú là những thầy giáo, những cán bộ giáo dục đều phải luôn luôn cố gắng học thêm, học chính trị, học chuyên môn. Nếu không tiến bộ mãi thì sẽ không theo kịp đà tiến chung, sẽ trở thành lạc hậu” [105, tr.274]. Người căn dặn: Các nam nữ giáo viên cũng phải cố gắng học thêm. Khi dạy xong chữ quốc ngữ rồi thì dạy làm tính, dạy lịch sử, địa dư, đạo đức công dân. Như thế thì người dạy và người học đều tiến bộ. Rõ ràng, nhà giáo phải luôn cố gắng học thêm mãi, phải đại diện cho tinh thần và ý chí tự học. Hồ Chí Minh yêu cầu người cán bộ quân sự phải cố gắng học toàn diện trên các mặt: Chính trị, quân sự, hậu cần, khoa học kỹ thuật và thể lực. Theo Người, cán bộ quân sự phải được huấn luyện một cách toàn diện, có khả năng bao quát được mọi hoạt động, phối hợp các thành phần khác để tạo thành guồng máy đồng bộ, thống nhất và hiệu quả. Người chỉ rõ, đối với cán bộ quân sự: “Nếu anh em tư tưởng vững, chính trị vững, kỹ thuật khá, thân thể khỏe mạnh thì nhất định thắng. Trái lại, nếu anh em chính trị khá, nhưng quân sự kém, hoặc chính trị quân sự đều khá nhưng thân thể yếu đuối thì cũng không thắng được” [102, tr. 219].

Người nhắc nhở: Tất cả các giáo viên chớ nên cho học thể này đã là đủ, mà phải tiếp tục học tập thêm để tiến bộ mãi. Hơn ai hết, những cán bộ thực hiện công tác huấn luyện phải thực hiện khẩu hiệu của V.I.Lênin: “Học, học nữa, học mãi”, phải đại diện cho tinh thần, ý chí “Học không biết chán, dạy không biết mỏi”. Người chỉ rõ: “Các cô, các chú phải ngày càng tiến bộ để dạy cho con em ngày càng tiến bộ, nếu không thì sẽ ảnh hưởng không tốt đến con em” [107, tr.266]. Nhà giáo dạy chữ phải đi đôi với dạy người.

Nhà giáo phải học suốt đời, ai tự cho mình là biết đủ rồi, hiểu đủ rồi thì đó là kẻ dốt nhất, theo Người: nhà giáo phải học hỏi nhiều, từ học chữ, chuyên môn, học cách thức, phương pháp dạy, học tất cả kho tàng tri thức của nhân loại. Việc học đối với nhà giáo giống như cơm ăn, nước uống hàng ngày. Còn sống, còn làm việc, còn hoạt động còn phải học. Người thầy phải thường xuyên tích lũy kiến thức, không tự bằng lòng với kiến thức đã có: “Cán bộ và giáo viên cũng phải tiến bộ cho kịp thời đại thì mới làm được nhiệm vụ. Chớ tự túc, tự mãn, cho là giỏi rồi thì dừng lại. Mà dừng lại là lùi bước, là lạc hậu, mình tự đào thải trước. Cho nên phải cố gắng học tập để cải tạo mình, cải tạo tư tưởng của mình, cải tạo con em và giúp vào việc cải tạo xã hội” [107, tr.266].

Hồ Chí Minh yêu cầu, nhà giáo phải học mọi lúc, mọi nơi, không chỉ học ở nhà trường mà phải học trong nhân dân, xã hội và trong công việc. Nhà giáo không chỉ học đạo đức mà còn phải học cả tri thức, học cách nói của dân. Học ở những người chung quanh và học ở chính công việc của mình.

Xây dựng cơ cấu đội ngũ nhà giáo

Bàn về cơ cấu đội ngũ nhà giáo, Người nhấn mạnh đến tính cân đối, hợp lý. Tại Hội nghị cán bộ Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam toàn miền Bắc ngày 22/9/1962, Hồ Chí Minh đã nói đến việc xây dựng cơ cấu cân đối giữa các ngành và từng ngành trong nền kinh tế. Cân đối giữa các ngành công

nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, văn hóa, giáo dục... với nhau và trong mỗi một ngành phải phát triển cân đối. Người yêu cầu, “Về văn hóa, giáo dục cũng vậy, phải có cân đối. Ai cũng muốn mở nhiều trường học, có nhiều văn công... nhưng phải cho phù hợp với sự phát triển của kinh tế” [108, tr.470]; “Mọi ngành và từng ngành một đều phải có sự cân đối. Có cân đối mới phát triển tốt” [108, tr.470]. Theo Người nếu để mất cân đối sẽ dẫn đến lãng phí, ảnh hưởng đến sản xuất.

Theo Người, nhà trường cần có sự cân đối giữa giáo viên và quản lý, phục vụ (những người không trực tiếp giảng dạy). Cân đối giữa số lượng và chất lượng. Không chạy theo số lượng, phải thật sự coi trọng chất lượng, thà ít mà tốt, làm số lượng ít nhưng làm cho hẳn hoi, làm đến nơi đến chốn. Cân đối giữa người dạy và người học. Cần phải chấn chỉnh ngay việc mở nhiều trường, lớp nhưng không đủ người dạy. Đây là vấn nạn mà Người đã chỉ ra từ năm 1950, “Hiện đang có một cái dịch mở trường. Ví dụ: đã có trường Đoàn thể rồi lại có trường Dân vận, rồi trường Nông vận, Phụ vận, Thanh vận, Công vận” [101, tr.362]. Lớp học quá đông thì tỉ lệ người dạy trên người học mất cân đối, mở nhiều trường học thì thiếu người dạy. Điều này ảnh hưởng lớn đến chất lượng dạy và học. Vì bệnh chạy theo thành tích, hữu danh vô thực, mở trường mở lớp tung tung, nhiều trường mở ra, lớp quá đông dẫn đến thiếu người dạy. Thiếu người dạy thì làm bù, làm ẩu, “bị lỗi”, dùng người năng lực kém để dạy, huấn luyện. Việc làm này gây ra tác hại khôn lường cho xã hội, gây tổn kém một trăm thứ.

Sinh thời, trong việc xây dựng đội ngũ nhà giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng tính kế thừa giữa các thế hệ, nhằm phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa thế hệ trước với thế hệ sau, giữa lớp nhà giáo trẻ và lớp nhà giáo già. Theo Người, mỗi thế hệ có những thế mạnh riêng và hạn chế không thể thay thế cho nhau, mà phải bù đắp, hỗ trợ và bổ sung cho nhau. Trong quá trình dựng xây ĐNNG, Người rất quan tâm việc xây dựng, đào tạo ĐNNG kế tiếp những lớp

nhà giáo đã đến tuổi nghỉ chế độ; phải xây dựng ĐNNG có cơ cấu độ tuổi hợp lý, phải đảm tính kế thừa, có sự truyền lửa... để cùng hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy. Rõ ràng, việc xác định đúng cơ cấu độ tuổi của nhà giáo trong các nhà trường cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, tuyển chọn bổ sung ĐNNG phát triển toàn diện.

Theo di huấn của Người, phải xây dựng toàn diện về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu giới tính, cơ cấu dân tộc để đảm bảo sự cân đối và hợp lý, cụ thể:

Trước hết, xây dựng cơ cấu ngành nghề; Người khẳng định, muốn có cán bộ cho các ngành kinh tế thì trước hết phải có giáo dục, phải đào tạo người thầy về ngành nghề đó. Đào tạo nhà giáo về ngành nghề gì phải phù hợp với kế hoạch kinh tế. Nhu cầu đất nước, xã hội cần gì thì phải có giáo viên về ngành nghề đó. Phải có giáo viên trước để đào tạo các ngành nghề cho xã hội, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tiếp theo, xây dựng cơ cấu giới tính, Người cho rằng ĐNNG phải đảm bảo sự bình đẳng nam nữ. Ngành giáo dục phải cố gắng để phụ nữ tham gia trong đội ngũ nhiều hơn nữa. Phụ nữ có vai trò rất quan trọng, không chỉ trong lĩnh vực giáo dục mà ở trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Mở đầu Bài nói chuyện tại lớp đào tạo hướng dẫn viên các trại hè cấp I, Hồ Chí Minh phê bình một số ngành, trong đó có ngành giáo dục chưa quan tâm đến phụ nữ. Hồ Chí Minh nhắc nhở các cấp phải quan tâm đào tạo, bồi dưỡng phụ nữ để ngày càng nhiều phụ nữ tham gia vào đội ngũ những người làm công tác giáo dục.

Về xây dựng cơ cấu dân tộc: Người nói nước ta là nước thống nhất gồm nhiều dân tộc, kinh có, thiểu số có, bởi vậy phải có nhiều giáo viên người dân tộc thiểu số để đào tạo được nhiều cán bộ dân tộc thiểu số. Ở những vùng dân tộc thiểu số, giáo viên là người dân tộc am hiểu địa phương hơn, khi đó giáo viên người kinh và giáo viên người dân tộc thiểu số cùng kết hợp với nhau để tổ chức dạy học thì sẽ có kết quả tốt hơn. Trong buổi nói chuyện với cán bộ,

giáo viên trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Người chỉ rõ, cần tăng số lượng học sinh dân tộc thiểu số để tạo nguồn giáo viên, “Có 100 học sinh đồng bào thiểu số, Bác thấy vậy còn ít, cần dần dần có thêm” [109, 403]. Người cũng nhiều lần nhắc đến việc phải đào tạo cán bộ là dân tộc thiểu số, trong đó chú ý đến đội ngũ giáo viên người dân tộc thiểu số để phục vụ đồng bào.

2.1.2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về biện pháp xây dựng đội ngũ nhà giáo

Một là, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhà giáo, đồng thời phát huy tinh thần tự đào tạo, bồi dưỡng

Giải pháp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng ĐNNG, đồng thời phát huy tinh thần tự đào tạo, tự bồi dưỡng ở mỗi người là giải pháp mà Người đã làm một cách kiên trì, bền bỉ trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng. Từ lớp huấn luyện cán bộ cách mạng ở Quảng Châu (Trung Quốc), lớp huấn luyện cán bộ Việt Minh ở Việt Bắc đến các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời và miền Bắc được giải phóng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người đã chỉ rõ, không phải ai cũng làm thầy giáo, cô giáo được. Nghề dạy học đòi hỏi những năng lực và phẩm chất đặc biệt như trung thành, kiên nhẫn, khiêm tốn, yêu nghề, yêu trẻ, khả năng giao tiếp, khả năng ngôn ngữ,... Chính vì vậy, khâu lựa chọn, tuyển dụng nhà giáo là rất quan trọng. Đây là bước đầu tiên trong quá trình xây dựng đội ngũ nhà giáo, nếu làm tốt bước này thì sẽ thuận lợi trong việc thực hiện các khâu tiếp theo.

Theo Người, đào tạo, bồi dưỡng là công việc gốc để xây dựng ĐNNG. Điều này, trước hết thuộc về Nhà nước, các đoàn thể, cơ quan có trách nhiệm. Đồng thời, bản thân người thầy phải luôn nêu cao tinh thần tự đào tạo, tự bồi dưỡng, phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học, phải biết tự động học tập và học tập suốt đời. Người khẳng định muốn xây dựng nền giáo dục mới của nước Việt Nam độc lập, mọi công việc chúng ta đều phải làm từ đầu, trong đó có việc xây dựng ĐNNG. Nhưng không thể ngày một, ngày hai mà có ĐNNG

được. Do đó, việc làm trước tiên của Hồ Chí Minh là trọng dụng trí thức - nhân tài của chế độ cũ, kêu gọi họ đem tài năng, sức lực ra phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Xây dựng hệ thống các trường sư phạm để đào tạo giáo viên. Đây được coi như là chiếc máy cái để đào tạo ra ĐNNG. Người đã ký Sắc lệnh số 194/SL ngày 8/10/1946, thành lập ngành Sư phạm Việt Nam. Người yêu cầu, hệ thống trường sư phạm phải được đầu tư, xây dựng tương xứng với tầm vóc của nó. Đồng thời, ĐNNG các trường sư phạm cũng phải luôn cố gắng, nỗ lực vươn lên để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Thăm trường Đại học Sư phạm Hà Nội ngày 21/10/1964, Người căn dặn: “Tất cả thầy trò, cán bộ, công nhân phải phấn khởi thi đua phát triển ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, làm thế nào để nhà trường này chẳng những là trường sư phạm mà còn là trường mô phạm của cả nước” [109, tr.404].

Cùng với các lớp do cơ quan tổ chức, nhà giáo phải tích cực tự cập nhật, tự bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn. Đây là tiền đề quan trọng giúp ĐNNG dạy tốt, hiểu vấn đề, để nâng cao năng lực tư duy cho người học. Người yêu cầu ngành giáo dục và mỗi nhà trường chủ động thực hiện chương trình bồi dưỡng, tự bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và tu dưỡng phẩm chất đạo đức. Trong đó, Người chỉ rõ: “Nhiệm vụ của các cô giáo, thầy giáo rất nặng nề nhưng rất vẻ vang. Muốn làm tròn nhiệm vụ đó thì phải luôn luôn gương mẫu về mọi mặt, không ngừng bồi dưỡng đạo đức cách mạng, lập trường chính trị; phải ra sức đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ” [109, tr.745].

Hai là, tạo lập môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết trong nhà trường

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết trong nhà trường là giải pháp không thể thiếu trong phát triển ĐNNG. Phải kiến tạo những điều kiện thuận lợi nhất về mọi mặt để ĐNNG trở thành một đội quân có đủ năng lực, tư cách làm tròn sứ mệnh của mình chính là góp phần tạo

ra động lực to lớn để xây dựng ĐNNG. Người nhấn mạnh: Giáo dục là sự nghiệp của quần chúng. Cần phải phát huy đầy đủ dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đoàn kết thật chặt chẽ, đoàn kết thật sự và đoàn kết rộng rãi.

Người khẳng định, dân chủ là chiếc chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi vấn đề. Môi trường dân chủ là điều kiện tốt nhất để mọi người phát huy hết khả năng cho công việc, luôn gắn bó, tâm huyết với công việc, từ đó tạo nên năng suất cao trong công việc. Dân chủ là điều kiện cơ bản để lành mạnh, bảo đảm cho mỗi người, từ nhà giáo đến người học đều góp công, góp sức vào xây dựng và phát triển nhà trường. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong trường, cần có dân chủ” [104, tr.266], trước hết là dân chủ đối với ĐNNG - những người đóng vai trò quan trọng hàng đầu đối với sự nghiệp giáo dục. Dân chủ trong nhà trường là thành tố quan trọng của dân chủ trong xã hội để khơi dậy khả năng sáng tạo của ĐNNG và khơi dậy sức mạnh tổng hợp trong công tác xây dựng, phát triển ĐNNG. Dân chủ trước hết cần được thể hiện trong công tác quản lý, trong mối quan hệ giữa lãnh đạo và nhân viên, giữa người quản lý và giáo viên. Người cũng chỉ rõ: nhà quản lý cần biết phát huy dân chủ để khai thác sức mạnh, trí tuệ của tập thể, tạo điều kiện để mỗi nhà giáo đều được bàn bạc, thấu hiểu những công việc chung và cùng nhau gánh vác. Người nhắc nhở: Phải bàn bạc dân chủ. Có công việc gì, ban phụ trách trường bàn bạc với anh em, làm cho tư tưởng mọi người thông suốt, động viên mọi người cùng làm.

Theo Người, môi trường dân chủ tạo nên động lực làm việc cho mọi người. Người phân tích mối quan hệ giữa ba yếu tố dân chủ, sáng kiến và hăng hái. Mọi việc đều cần có dân chủ, nhưng môi trường giáo dục là môi trường cần sự sáng tạo thì lại càng cần có dân chủ hơn. Dân chủ là mọi người được tham gia vào các khâu của giáo dục, của nhà trường, được tự do bày tỏ ý kiến. Từ tự do ngôn luận mà có sáng kiến và sáng kiến đó được áp dụng vào thực tế mang lại hiệu quả công việc. Do đó, công việc có hiệu quả thì mọi

người càng thêm hăng hái đề ra sáng kiến mới, đồng thời thi đua với nhau để tăng hiệu quả công việc. Khi mọi người có nhiều sáng kiến, hăng hái làm việc thì khuyết điểm cũng dần bớt đi. Qua đó môi trường làm việc ngày càng tốt hơn, mọi người càng gắn bó với nhà trường, với công việc hơn.

Người yêu cầu, phải thực hành dân chủ, phải xây dựng cho được khối đoàn kết thực sự trong nhà trường, trong đó, nhà giáo phải trở thành hạt nhân đoàn kết, thực hiện cộng đồng trách nhiệm giữa các nhà giáo, giữa nhà giáo với người học. Môi trường dân chủ là điều kiện cơ bản để xây dựng những mối quan hệ lành mạnh trong nhà trường, là cách thức tạo nên hợp lực trong ĐNNG. Sức mạnh của sự đoàn kết càng rộng rãi, vững chắc thì càng có điều kiện phát huy dân chủ, góp phần xây dựng ĐNNG vững mạnh về mọi mặt. Người đã khái quát khi đến thăm trường Đại học Sư phạm Hà Nội ngày 21/10/1964: “Trước hết là phải đoàn kết. Đoàn kết thật sự, giữa thầy và thầy, giữa thầy và trò, giữa trò và trò, giữa cán bộ và công nhân. Toàn thể nhà trường phải đoàn kết thành một khối, đoàn kết phải thật sự trăm phần trăm chứ không phải chỉ là đoàn kết miệng” [109, tr.402]. Ngày 16/10/1968, Người gửi bức thư cuối cùng đến ngành giáo dục, đã nhắc lại: Cần phải phát huy đầy đủ dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đoàn kết thật chặt chẽ giữa thầy với thầy, thầy với trò, giữa học trò với nhau, giữa cán bộ các cấp, giữa nhà trường và xã hội.

Ba là, đẩy mạnh phong trào thi đua trong nhà trường, nêu gương người tốt, việc tốt, nhân rộng điển hình tiên tiến

Ngày 11/6/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi Thi đua ái quốc nhằm kêu gọi toàn dân tích cực thi đua diệt “giặc đói”, “giặc dốt”, diệt giặc ngoại xâm,... Người chỉ rõ mục đích, lực lượng, cách làm thi đua và trách nhiệm của mỗi người dân: Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Những người thi đua là những người yêu nước nhất và ĐNNG

không thể đứng ngoài cuộc. Bởi vậy, ở trường cũng phải có cuộc thi đua yêu nước. Giáo viên thì thi đua tìm cách dạy cho dễ hiểu, cho chóng tiến bộ. Học sinh thì thi đua học cho chóng, cho nhiều, cho tốt. Người yêu cầu: Các nhà giáo dục thi đua nhau tìm cách dạy dỗ cho mau, cho tốt, cho thiết thực với công việc của đất nước, để đào tạo ra nhiều cán bộ có tài, có đức cho nhà nước. Theo Người, tất cả mọi ngành muốn tiến lên CNXH, muốn cho dân giàu nước mạnh thì phải thi đua. Trong công tác, học tập, nhà giáo cố gắng thi đua, trao đổi kinh nghiệm để cùng nhau tiến bộ không ngừng, thầy giáo, cô giáo và học sinh ở các trường đều cố gắng thi đua và đều thu được ít hoặc nhiều kết quả.

Theo Hồ Chí Minh “Chiến sĩ thi đua là những người mới, những người luôn luôn cố gắng thực hành cần, kiệm liêm chính, là người tiêu biểu của nhân dân, con hiếu của Tổ quốc” [102, tr.409], Hồ Chí Minh chỉ rõ ngành GD&ĐT đã phát động và đẩy mạnh phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu, xây dựng nhiều tấm gương điển hình tiên tiến trong ngành giáo dục. Người mong các cô giáo, thầy giáo thi đua dạy thật tốt, các cháu học sinh thi đua học thật tốt, làm gương mẫu tốt.

Người khẳng định, thi đua “Dạy tốt, học tốt” cũng là yêu nước, là đòn bẩy cho sự phát triển của nền giáo dục nước nhà. Người chỉ rõ: Các chú, các cô phải thi đua trao đổi kinh nghiệm. Bác nói thế là hết. Văn hay không cần nói dài. Phong trào thi đua cần tổ chức chặt chẽ, liên tục, thể hiện tính định hướng và có mục đích nhất định. Bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả và động viên sự tham gia tích cực của các nhà giáo. Người yêu cầu trong quân đội: “Các cháu phải ra sức thi đua: Luyện tập thân thể cho mạnh mẽ. Nghiên cứu kỹ thuật cho thông thạo. Trau dồi tinh thần cho vững chắc. Hun đúc đạo đức của người quân nhân cách mạng cho vững vàng” [101, tr. 243]. Theo Hồ Chí Minh, công tác thi đua, nêu gương phải được tiến hành thường xuyên, để cổ vũ động viên khích lệ tinh thần học tập của cán bộ, chiến sĩ.

Hồ Chí Minh quán triệt khi bàn về phương pháp nêu gương: nói đi đôi với làm, “sư hình” nghĩa là đạo đức thơm tho của người thầy. Cổ nhân hay dùng hai chữ ấy để khuyến khích các nhà giáo. Ngày nay, tuyệt đại đa số nhà giáo đều cố gắng trau dồi các chuẩn mực đạo đức cách mạng, gương mẫu cho học trò và xứng đáng với hai chữ “sư hình”, “Nhưng vẫn còn một số (tuy là rất ít) thầy giáo kém đạo đức cách mạng, làm những việc vu vơ. “Con sâu làm rầu nồi canh”, hành động của họ vừa ảnh hưởng không tốt đến vinh dự cao quý của giáo viên khác, vừa ảnh hưởng xấu đến các em học trò. Người chỉ rõ: nêu gương ở đây không phải chỉ qua lời nói mà còn phải bằng hành động cụ thể. Theo Người, giáo dục bằng lý thuyết là cần thiết nhưng phải thông qua những tấm gương thực tế. Chính tấm gương của ĐNNG có tác động trực quan mạnh mẽ nhất đến người học. Người khẳng định: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” [96, tr.284].

Người luôn sát sao với phong trào thi đua: nơi nào làm chưa tốt, nhà giáo nào chưa gương mẫu, Người ân cần nhắc nhở để chấn chỉnh. Tháng 7-1963, biết một số thầy giáo ở Trường cấp II xã Đại Thanh, Trường cấp I xã Liên Châu (Hà Đông) còn thiếu gương mẫu trong giảng dạy và sinh hoạt ở địa phương, Người viết bài có nhan đề “Sư hình” (Tiếng thơm của người thầy giáo) đăng trên Báo Nhân dân số 3390, ngày 9/7/1963. Trong bài báo này, Người phê bình một số việc làm chưa gương mẫu, kém đạo đức của một số nhà giáo hai trường nói trên. Người viết: Có nhiều người đã nói một cách mỉa mai “sư hình” hay là sinh hư!. Người còn chỉ rõ: “Do thiếu kinh nghiệm và rất thiếu giáo viên có chất lượng nên ban đầu kết quả không được hài lòng lắm” [103, tr.184].

Theo Người, công tác nhân rộng điển hình tiên tiến nhằm lan tỏa những sáng kiến hay, những kinh nghiệm quý cho mọi người học tập, noi theo. Đồng

thời chú trọng công tác tổng kết là điều quan trọng nhất đối với công việc, trách nhiệm của người lãnh đạo, quản lý. Người yêu cầu, trước hết người đi giáo dục phải là một tấm gương mẫu mực về trí tuệ, đạo đức, lối sống để người học noi theo. Đồng thời, cần “Lấy gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ đảng viên mà giáo dục lẫn nhau, đó chính là một cách tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin thuyết phục nhất [107, tr.554].

Bốn là, luôn quan tâm, chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần của nhà giáo

Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc về nhà giáo, về tâm tư, nguyện vọng của ĐNNG. Trong lúc đất nước còn khó khăn, điều kiện vật chất còn thiếu thốn, Người luôn biết thăm hỏi, động viên tinh thần rất kịp thời đối với ĐNNG. Người luôn nhắc đến sứ mạng vẻ vang của nhà giáo, nhắc đến những khó khăn, thiếu thốn mà họ phải trải qua, nhắc đến những thành tích mà họ đạt được, coi họ như những người anh hùng.

Theo Hồ Chí Minh, coi trọng tầm quan trọng của ĐNNG phải đi liền với việc nêu cao trách nhiệm của toàn xã hội đối với ĐNNG. Người cho rằng, hiểu nhà giáo, phải quý trọng nhà giáo, yêu mến phải đi đôi với giúp đỡ nhà giáo về mọi mặt. Trách nhiệm trực tiếp trước hết thuộc về các ngành, các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương và toàn xã hội. Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Cần phải ưu đãi các giáo viên và khen thưởng những lớp tổ chức tốt” [100, tr.311].

ĐNNG là những người lao động trí óc, họ rất nhạy cảm với cuộc sống, với thời cuộc, mặt khác, trong cuộc sống vật chất đời thường thì họ cũng giống như những người lao động khác, cũng cần phải được đáp ứng những yêu cầu cơ bản về ăn, ở, mặc, đi lại. Chính vì vậy, cần tạo ra hệ thống động lực vật chất và tinh thần để thúc đẩy quá trình xây dựng ĐNNG. Hồ Chí Minh yêu cầu: Khi nào nền tài chính dồi dào, Chính phủ phải nghĩ ngay đến giáo viên là những người từ tầng dưới đến tầng trên,

lãnh trách nhiệm đào tạo nhân tài cho Tổ quốc. Nghĩ ngay đến nhà giáo tức là quan tâm, đầu tư trước hết đến đội ngũ những người làm công tác dạy học bằng những cơ chế, chính sách thực tiễn chứ không phải chỉ bằng lời nói, sự tôn vinh, mà thông qua chế độ lương bổng, đãi ngộ xứng đáng. Điều này đã được thể hiện trong chủ trương, đường lối của Đảng coi giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu.

Theo Hồ Chí Minh, nếu chỉ động viên, khích lệ tinh thần không thôi thì chưa đủ. Nhà giáo muốn thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, trước hết phải sống. Người nói “có thực mới vực được đạo”, phải làm cho dân “có ăn”, “có mặc”, “có chỗ ở” rồi mới đến “học hành”. Đó là một chân lý rất giản dị mà vô cùng thực tế. Người căn dặn: Các cô, các chú, các cháu phải cùng nhau tổ chức và quản lý đời sống vật chất và tinh thần ở các trường học ngày một tốt hơn, tăng cường bảo đảm sức khỏe và an toàn.

Hồ Chí Minh quan tâm đến chính sách đối với cán bộ thể hiện trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*. Vì nhà giáo được Người coi là cán bộ của Đảng và Chính phủ, do đó, cũng có thể hiểu đó là những chính sách đối với nhà giáo. Người cho rằng phải giúp đỡ nhà giáo ổn định cuộc sống gia đình, quan tâm đến cuộc sống sinh hoạt đời thường của các nhà giáo. Người căn dặn: Phải cho họ điều kiện sinh sống đầy đủ mà làm việc. Khi họ đau ốm, phải có thuốc thang. Tuỳ theo hoàn cảnh mà giúp họ giải quyết vấn đề gia đình; điều kiện sinh sống đầy đủ là yếu tố căn bản, cốt yếu để ĐNNG yên tâm làm việc, cống hiến cho sự nghiệp giáo dục.

Cả xã hội “phải chăm sóc nhà trường về mọi mặt”, đây được coi là chỉ thị của Hồ Chí Minh trong việc thực hiện chính sách đối với ĐNNG. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ chính sách đối với nhà giáo phải toàn diện, cả vật chất, cả tinh thần, từ chính sách lương, phụ cấp, bảo hiểm, nhà ở,... đến động viên, khen thưởng kịp thời. Rõ ràng, đây là tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh về giáo dục; về trách nhiệm, vai trò của các thầy, cô giáo rất nặng nề song cũng rất vẻ vang.

2.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ THỰC TIỄN VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

2.2.1. Khái quát các trường sĩ quan quân đội và đặc điểm đội ngũ giảng viên trẻ ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay

2.2.1.1. Khái quát các trường sĩ quan quân đội

Hiện nay, trong quân đội có 11 trường sĩ quan nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, đào tạo sĩ quan cấp phân đội trình độ đại học. Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, các trường SQQĐ đã phát huy truyền thống hơn 80 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của QĐND Việt Nam, đã đào tạo hàng vạn cán bộ sĩ quan phục vụ cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trước yêu cầu nhiệm vụ cách mạng của Đảng, sự nghiệp CNH, HĐH đất nước; sự nghiệp xây dựng QĐND Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, các trường SQQĐ đã quán triệt và thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng các cấp về công tác GD&ĐT. Trong đó, tập trung vào xây dựng ĐNGV nói chung và ĐNGV trẻ nói riêng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, nghiên cứu sinh tập trung khảo sát, nghiên cứu 04 trường trong hệ thống các trường SQQĐ, đó là Trường Sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị và Thông tin. Đây là các nhà trường có bề dày truyền thống trong sự nghiệp GD&ĐT và có ĐNGV, cán bộ quản lý giáo dục hùng hậu cả về số lượng và chất lượng. Cơ cấu, trình độ ĐNGV của các trường SQQĐ được thể hiện qua bảng số liệu (Bảng 3.1.2, Phụ lục 2). Cụ thể:

Trường Sĩ quan Lục quân 1 (Trường Đại học Trần Quốc Tuấn) là trường đào tạo sĩ quan chỉ huy lục quân sơ cấp phía Bắc Việt Nam, nhà

trường đầu tiên trong hệ thống nhà trường quân đội đào tạo sĩ quan lục quân chiến thuật cấp phân đội (trung đội, đại đội, tiểu đoàn) trình độ cử nhân khoa học quân sự (đại học và cao đẳng) các chuyên ngành: bộ binh, bộ binh cơ giới, trinh sát lục quân. Trường được coi như là “anh cả” trong hệ thống các trường quân đội đào tạo cấp phân đội, được Bác Hồ 9 lần về thăm và trao sáu chữ vàng: “Trung với nước, hiếu với dân” sau này trở thành khẩu hiệu của toàn quân. Rất nhiều các thế hệ tướng lĩnh, lãnh đạo xuất sắc của quân đội là học viên, cán bộ nhà trường. Có thể thấy, 100% ĐNGV của nhà trường có trình độ đại học trở lên; trong đó trình độ sau đại học là 594 đồng chí (chiếm 78,44%) gồm: 03 phó giáo sư, 81 tiến sĩ và 513 thạc sĩ. Đây là trường có tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học cao nhất so với 04 trường trong phạm vi nghiên cứu.

Trường Sĩ quan Lục quân 2 (Trường Đại học Nguyễn Huệ) trực thuộc Bộ Quốc phòng là một trung tâm đào tạo sĩ quan chỉ huy lục quân cấp phân đội (trung đội, đại đội, tiểu đoàn) ở khu vực phía Nam Việt Nam. Nhà trường đào tạo các chuyên ngành đại học và cao đẳng quân sự gồm: Binh chủng hợp thành; Trinh sát bộ binh; Trinh sát đặc nhiệm. Về ĐNGV của nhà trường, cụ thể: 100% (868 giảng viên) có trình độ đại học trở lên, trong đó trình độ sau đại học là 652 (chiếm 75,12%) gồm: 5 phó giáo sư, 70 tiến sĩ, 582 thạc sĩ. Đây là trường có tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học cao thứ hai so với 04 trường trong phạm vi nghiên cứu và là trường có ĐNGV đông nhất phù hợp với quy mô đào tạo của nhà trường.

Trường Sĩ quan Chính trị là cơ sở đào tạo đại học, sau đại học, NCKH xã hội và nhân văn quân sự, hợp tác đào tạo quốc tế; cung cấp đội ngũ cán bộ chính trị cấp phân đội, giáo viên khoa học xã hội và nhân văn cho toàn quân. ĐNGV của nhà trường có trình độ học vấn chuyên môn cao, 100% giảng viên có trình độ đại học trở lên, trong đó 70,85% có trình độ sau đại

học gồm: 02 phó giáo sư; 65 tiến sĩ (chiếm 16,33%); 217 thạc sĩ (chiếm 54,52%); và 116 cử nhân đại học (chiếm 29,15%). Trường Sĩ quan Chính trị là trường có tỷ lệ tiến sĩ cao nhất so với 04 trường trong phạm vi nghiên cứu, cụ thể: 16,33% so với 11,19% Trường Sĩ quan Thông tin, 9,88% Trường Sĩ quan Lục quân 1 và 8,06% Trường Sĩ quan Lục quân 2. ĐNGV của Trường Sĩ quan Chính trị có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, huấn luyện và NCKH, nhiều giảng viên đã qua thực tiễn dự nhiệm tại các đơn vị trong toàn quân và hội tụ những phẩm chất tốt đẹp theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trường Sĩ quan Thông tin (Trường Đại học Thông tin liên lạc) trực thuộc Binh chủng Thông tin Liên lạc - là trường đào tạo sĩ quan, trình độ cử nhân quân sự chuyên ngành chỉ huy tham mưu thông tin liên lạc và tác chiến không gian mạng. Nhà trường là cơ sở giáo dục uy tín cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước; trang bị cho học viên tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, sự năng động, sáng tạo, thích ứng tốt với công việc, thăng tiến vững chắc trong nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của nền kinh tế tri thức, tự tin hội nhập với cộng đồng quốc tế. ĐNGV của nhà trường có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ học vấn, chuyên môn cao, được chuẩn hóa và có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu khoa học. Hiện nay, 97,75% ĐNGV của nhà trường có trình độ đại học trở lên, trong đó có 50,95 % có trình độ sau đại học, cụ thể: Tiến sĩ 47 (chiếm 11,19%), Thạc sĩ 167 (chiếm 39,76%). Số liệu này cho thấy, tỷ lệ 50,95 % có trình độ thạc sĩ thấp hơn so với tỷ lệ 04 trường trong phạm vi nghiên cứu. Đây là vấn đề đặt ra đối với Trường Sĩ quan Thông tin trong thời gian tiếp theo. Cần tổ chức tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn và nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên, đặc biệt là ĐNGV trẻ.

Như vậy, việc đánh giá khái quát các trường SQQĐ, nhất là đặc điểm, cơ cấu, số lượng ĐNGV của 04 trường trong phạm vi nghiên cứu nhằm tạo ra phong nền quan trọng cho việc phân tích, luận giải toàn diện thực trạng xây dựng ĐNGV trẻ của các trường SQQĐ thời gian qua.

2.2.1.2. Khái quát đặc điểm đội ngũ giảng viên trẻ ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay

Thứ nhất, ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ được đào tạo cơ bản, năng động, sáng tạo, có tri thức thực tiễn quân sự, am hiểu môi trường quân đội, các trường sĩ quan; lập trường tư tưởng vững vàng, tuân thủ kỷ luật quân đội; tác phong giảng dạy học viên chuẩn mực; nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu và công tác. ĐNGV trẻ được trang bị hệ thống lý luận cơ bản, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của quân đội, kiến thức về khoa học quân sự, chuyên ngành. Đội ngũ này luôn chủ động hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo, thế giới quan khoa học, niềm tin cộng sản, phẩm chất đạo đức cách mạng, có tư duy sáng tạo, kỹ năng, kỹ xảo phát triển bản thân và nghề nghiệp.

ĐNGV trẻ hội tụ phẩm chất và năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn, được cấp có thẩm quyền tuyển chọn, bổ nhiệm chức danh giảng viên. Động cơ và xu hướng nghề nghiệp rõ ràng, có trách nhiệm trong công tác, là lực lượng chuyển tiếp các thế hệ giảng viên.

Qua khảo sát, với câu hỏi: Những phẩm chất cần có của người GVT ở các trường SQQĐ? Những phẩm chất này tác động không nhỏ đến xây dựng ĐNGV trẻ, cụ thể: (Bảng 3.1.1; PL2) có 308/400 ý kiến (chiếm 77%) cho rằng phẩm chất chính trị là phẩm chất cần có đầu tiên, kế tiếp 313/400 ý kiến (chiếm 79%) cho rằng phẩm chất đạo đức của ĐNGV trẻ là phẩm chất cần có và có ảnh hưởng lớn đến công tác xây dựng ĐNGV trẻ hiện nay; 368/400 và

348/400 ý kiến (chiếm 92% và 87%) cho rằng phẩm chất chuyên môn, nghiệp vụ, nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ là phẩm chất không thể thiếu của giảng viên trẻ, có tác động lớn đến xây dựng người GVT ở các trường SQQĐ theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, ĐNGV trẻ đảm nhiệm giảng dạy, nghiên cứu ở nhiều nhóm chuyên ngành khác nhau. ĐNGV trẻ được tuyển dụng từ nhiều nguồn, do yêu cầu tổ chức biên chế của các trường SQQĐ; ĐNGV trẻ phải đảm nhiệm giảng dạy và NCKH ở nhiều chuyên ngành khác nhau. Tuy đã có sự phân ngành, nhưng phần đông đều đảm nhiệm giảng dạy từ hai đến nhiều môn học, thậm chí giảng dạy không đúng chuyên ngành đã được đào tạo. Điều này, đã và đang ảnh hưởng đến chất lượng, tính chuyên sâu của môn học mà giảng viên không đúng chuyên ngành đào tạo.

Thứ ba, ĐNGV trẻ hoạt động trong môi trường có kỷ luật tự giác, nghiêm minh. Môi trường kỷ luật tự giác, nghiêm minh là điều kiện thuận lợi để GVT học tập, rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành; tạo động lực cho họ vươn lên hoàn thiện bản thân, là điều kiện thuận lợi để GVT rèn luyện cả về phẩm chất và năng lực công tác. ĐNGV có khả năng tự học tập, nghiên cứu và phát triển năng lực, có ý thức tự lập, tự chủ, tự khẳng định mình trong công tác, giảng dạy và NCKH. Đặc biệt, họ có ý thức chính trị cao, luôn chủ động học tập và noi theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Thứ tư, một số GVT điều kiện hoàn cảnh gia đình còn nhiều khó khăn đã tác động không nhỏ đến việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Hiện nay, chất lượng ĐNGV trẻ và ý thức, trách nhiệm của các thành viên gia đình GVT là yếu tố chủ quan đặc biệt quan trọng, trực tiếp quyết định chất lượng gia đình sĩ quan trẻ. Phần lớn các thành viên trong gia đình sĩ quan trẻ có phẩm chất, đạo đức tốt, có trình độ, năng lực, có trách nhiệm cao trong xây

dựng gia đình tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng gia đình hạnh phúc, hiện đại. Đặc biệt, phần lớn sĩ quan trẻ có xuất thân từ nông thôn, là con em nông dân, họ đã được thấm thấu và lưu giữ những nếp nghĩ, nếp sống, phong tục tập quán của làng quê trong đó có cả những phong tục, tập quán trong sinh hoạt gia đình, văn hoá gia đình truyền thống. Song, bên cạnh đó chất lượng của một bộ phận GVT còn hạn chế, trách nhiệm các thành viên trong một số gia đình chưa cao.

Tuy được đào tạo cơ bản và hoạt động trong môi trường sư phạm quân đội nhưng phần lớn GVT có vốn sống và kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế, sự hiểu biết về truyền thống và xã hội chưa sâu sắc, lại chưa va chạm xã hội nhiều nên không tránh khỏi những khó khăn khi phải vừa đảm nhiệm chức trách, nhiệm vụ ở đơn vị, vừa phải gánh vác trọng trách công việc gia đình. Mặt khác, điều kiện hoàn cảnh gia đình của một bộ phận GVT còn nhiều khó khăn cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Từ những đặc điểm trên, đòi hỏi cấp uỷ, chỉ huy các cấp phải nghiên cứu, nắm rõ để đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng ĐNGV trẻ về mọi mặt... hướng tới mục tiêu xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.2.2. Tiêu chí xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay

Tiêu chí là thước đo, chuẩn mực để đánh giá một hoạt động hoặc sự vật hiện tượng nào đó; là cơ sở để tìm kiếm nội dung, hình thức, biện pháp nhằm hiện thực hóa mục tiêu đã xác định. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề xuất bộ tiêu chí xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay rất khó khăn, nghiên cứu sinh đã dựa vào các quan điểm trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo và khung lý luận đã trình bày ở trên và những chỉ dẫn của Người về giáo dục, thanh niên, bồi dưỡng thế

hệ cách mạng cho đời sau... để thực hiện. Bước đầu, nghiên cứu sinh xây dựng các tiêu chí xây dựng ĐNGV ở các trường SQQĐ theo tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở để xác định yêu cầu, nội dung, hình thức, biện pháp và đánh giá kết quả đạt được của hoạt động xây dựng ĐNGV trẻ, cụ thể:

Thứ nhất, nhóm tiêu chí về nhận thức, trách nhiệm, năng lực của các chủ thể và lực lượng tham gia vào việc xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ.

Đây là tiêu chí đầu tiên quan trọng, cơ sở, nền tảng, định hướng về nhận thức và hành động của ĐNNG, cán bộ quản lý giáo dục nói chung và xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ nói riêng. Tiêu chí này, bảo đảm cho ĐNGV trẻ luôn giữ vững và phát huy tinh thần trách nhiệm, ra sức phấn đấu, chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thực hiện tiêu chí này, Đảng ủy, Ban Giám đốc các trường SQQĐ yêu cầu cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, khoa, đơn vị phải thấm nhuần chỉ dẫn của Hồ Chí Minh: Nhiệm vụ của giáo dục là rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục và giáo dục là sự nghiệp của Đảng, toàn dân, là quốc sách hàng đầu.

Cả lý luận và thực tiễn đều chỉ rõ đây là tiêu chí cơ bản để đánh giá hiệu quả việc xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi lẽ, kết quả xây dựng được biểu hiện trước hết ở nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì, các khoa, cơ quan chức năng và các tổ chức, lực lượng có liên quan đối với công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ. Do đó, nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, chỉ huy các cấp, các lực lượng tham gia về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm, phẩm chất, năng lực, hướng phát triển của ĐNGV trẻ là một tiêu chí quan trọng. Tiêu chí này đòi hỏi phải xem xét, đánh giá tinh thần, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng tham gia xây dựng ĐNGV trẻ. Trong đó, tập trung đánh giá mức độ quan tâm, tinh thần trách

nhiệm, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, cán bộ chủ trì, việc xác định chủ trương, nội dung, quy trình, biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ. Đặc biệt là tính đúng đắn, kịp thời, phù hợp, có khả thi hay không của các chủ trương, biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ.

Thực hiện tiêu chí này, cần phải đánh giá năng lực tham mưu, đề xuất của các cơ quan chức năng đối với xây dựng ĐNGV trẻ ra sao. Đánh giá việc triển khai tổ chức thực hiện của cán bộ chủ trì các cấp đối với việc xây dựng ĐNGV trẻ như thế nào. Đánh giá nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng tham gia xây dựng ĐNGV trẻ cao hay thấp. Cần phải thông qua quá trình khảo sát thực tế, nghiên cứu nghị quyết, báo cáo tổng kết của cấp ủy, cơ quan chức năng để đánh giá chính xác nhận thức, trách nhiệm, năng lực của chủ thể và các lực lượng tham gia xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, nhóm tiêu chí về nội dung xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ.

Đây là tiêu chí quan trọng nhằm đánh giá kết quả dựng xây ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ. Theo đó, số lượng, chất lượng và cơ cấu ĐNGV trẻ so với mục tiêu, yêu cầu trong từng giai đoạn. Bởi lẽ, toàn bộ hoạt động xây dựng được thể hiện và phản ánh tập trung ở sự chuyển biến, hoàn thiện hay không hoàn thiện về số lượng, cơ cấu, phẩm chất, năng lực giảng dạy, NCKH và công tác của ĐNGV trẻ.

Thước đo trung thực, khách quan đánh giá công tác xây dựng ĐNGV trẻ đó là: Phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo, năng lực giảng dạy, nghiên cứu, công tác của GVT đạt được đến mức độ nào, cao hay thấp, có đáp ứng yêu cầu công tác ở các bộ môn, khoa, trường sĩ quan hay không. Vì vậy, cần phải đánh giá một cách khách quan, toàn diện mức độ chuyển biến, tiến bộ, sự đảm bảo về số lượng, hợp lý về cơ cấu, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực của ĐNGV trẻ. Cần tập trung đánh giá chất lượng ĐNGV trẻ và kết quả xây dựng thông qua việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mỗi người

và cả đội ngũ. Điều đó được phản ánh thông qua các tư liệu, số liệu cụ thể, nhiều kênh thông tin, đánh giá của lãnh đạo, chỉ huy các cấp; cơ quan chức năng, cán bộ, đảng viên; các tổ chức quần chúng, hội đồng quân nhân và tự đánh giá của chính ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ.

Thứ ba, nhóm tiêu chí về biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ.

Trong xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ, đây là nhóm tiêu chí vừa phản ánh trình độ, năng lực của chủ thể, vừa phản ánh tính linh hoạt, sáng tạo của các tổ chức, lực lượng tham gia. Thực tế đã chỉ rõ, kết quả công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ phụ thuộc rất lớn vào việc xác định và thực hiện biện pháp xây dựng của chủ thể và các lực lượng tham gia. Bởi vậy, nếu chủ thể và các lực lượng tham gia lựa chọn biện pháp phù hợp thì kết quả xây dựng ĐNGV trẻ sẽ đạt được mục tiêu đã đề ra. Ngược lại, nếu xác định biện pháp không phù hợp thì sẽ gây ra sự lãng phí, tốn kém, không đạt được yêu cầu, chỉ tiêu đã xác định hệ lụy để lại rất lớn.

Do đó, vấn đề đặt ra là phải chú trọng xem xét, đánh giá tính đúng đắn, sáng tạo, thiết thực, khả thi hay không biện pháp xây dựng ở tất cả các khâu, các bước trong quy trình công tác cán bộ, cũng như các hình thức, phương pháp cụ thể từ quy hoạch, tạo nguồn, tuyển chọn; đào tạo, bồi dưỡng, đến quản lý, đánh giá, sử dụng và thực hiện chính sách đối với ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ. Trong xem xét, đánh giá phải bảo đảm sự toàn diện, khách quan, công tâm, có quan điểm lịch sử, cụ thể, phát triển của các tổ chức, lực lượng, cũng như đặc điểm, nhiệm vụ của các bộ môn, khoa giáo viên.

Thứ tư, nhóm tiêu chí về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ và khả năng đáp ứng yêu cầu của ĐNGV trẻ.

Nhóm tiêu chí mang tính tổng hợp này, phản ánh một cách khách quan,

là thước đo về chất lượng, hiệu quả của công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ. Việc xem xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và khả năng đáp ứng yêu cầu của ĐNGV trẻ được biểu hiện thông qua về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực giảng dạy, NCKH, chấp hành pháp luật nhà nước, kỷ luật quân đội, các quy định của các trường SQQĐ và của địa phương nơi GVT cư trú.

Trong đó, tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy của ĐNGV trẻ là tổng hòa các yếu tố hợp thành có mối quan hệ hữu cơ với nhau bao gồm kiến thức, kỹ năng, phẩm chất nhân cách, phương pháp, tác phong và tư chất của GVT tạo ra khả năng, điều kiện nội tại trong mỗi GVT để hoạt động giảng dạy đạt mục đích và hiệu quả cao. Đánh giá về năng lực giảng dạy của ĐNGV trẻ được biểu hiện thông qua số lượng, chất lượng các chuyên đề bài giảng; việc thực hiện định mức giảng dạy hàng năm; năng lực dạy học, kỹ năng sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học; mức độ tín nhiệm của học viên, đồng nghiệp đối với ĐNGV trẻ được biểu hiện trong các giai đoạn, quy trình của quá trình dạy học, bao gồm các hoạt động: chuẩn bị tổ chức dạy học, tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá người học, với các tiêu chí cụ thể:

Một là, về hoạt động chuẩn bị tổ chức dạy học. Để đảm bảo việc chuẩn bị tổ chức dạy học hiệu quả, chất lượng, ĐNGV trẻ phải đảm bảo các tiêu chí là: (1) Đảm bảo các tiêu chí về chính trị, tư tưởng; đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật; sức khỏe và độ tuổi của GVT từ 40 tuổi trở xuống theo quy định của Bộ Quốc phòng ; (2) Có phương pháp làm việc khoa học, hiểu biết toàn diện về GD&ĐT nói chung và GD&ĐT trong quân đội, các trường sĩ quan nơi GVT công tác nói riêng; (3) Đảm bảo kiến thức về lĩnh vực giảng dạy mà GVT đảm nhiệm như: khoa học quân sự, khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, các chuyên ngành... (nắm chắc, hiểu sâu các học phần, môn học mà GVT tham gia giảng dạy); (4) Có hiểu biết về người học viên - đối tượng

lên lớp (nhu cầu, trình độ, phong cách, khả năng...) và bối cảnh dạy học của GVT; (5) Đảm bảo chất lượng học liệu các học phần, môn học đa dạng, phong phú, cập nhật; phù hợp với trình độ, đặc điểm của người học; gây hứng thú và động lực khám phá tri thức cho người học; cả học liệu bắt buộc và tham khảo để người học dễ dàng tiếp cận và sử dụng; (6) Đảm bảo các yêu cầu về xây dựng và thiết kế hoạt động dạy học; về chuẩn đầu ra của học phần, môn học; mang tính trải nghiệm thực tiễn cho người học; gắn với việc rèn luyện và thúc đẩy kỹ năng mềm; kết hợp và sử dụng hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy.

Hai là, về hoạt động tổ chức dạy học. Để đảm bảo việc tổ chức dạy học hiệu quả, chất lượng, ĐNGV trẻ phải đảm bảo các tiêu chí là: (1) Tổ chức và quản lý lớp học hiệu quả; thực hiện đúng lịch trình giảng dạy; cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chuẩn đầu ra, học liệu, nội dung học tập, tư vấn hỗ trợ học tập, kiểm tra đánh giá; tương tác hiệu quả với người học thông qua việc sử dụng các phương pháp, công cụ, ứng dụng, trang thiết bị... phù hợp; làm chủ được các tình huống dạy học trên lớp; (2) Đảm bảo phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; sử dụng linh hoạt các phương tiện kỹ thuật dạy học; sử dụng phù hợp các ví dụ minh họa; tạo cảm hứng và thúc đẩy động lực học tập; kịp thời tiếp nhận và giải quyết các khúc mắc; (3) Tạo lập môi trường dạy học tích cực; thúc đẩy kỹ năng làm việc nhóm, năng lực tự học; gắn kết nội dung giảng dạy với môi trường hoạt động quân sự của người học sau tốt nghiệp; (4) Áp dụng linh hoạt các tiếp cận và phương thức giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu và năng lực học tập đa dạng; ứng dụng hiệu quả các công cụ, công nghệ trong giảng dạy; quan tâm và phát huy các sở trường, thế mạnh của người học.

Ba là, về hoạt động kiểm tra đánh giá người học. Để đảm bảo việc hoạt động kiểm tra đánh giá người học hiệu quả, chất lượng, ĐNGV trẻ phải đảm bảo các tiêu chí là: (1) Áp dụng đúng các quy tắc và yêu cầu đánh giá người

học theo chuẩn đầu ra của học phần, môn học; phổ biến các yêu cầu kiểm tra đánh giá và hệ thống tính điểm tới người học; đảm bảo nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp với phạm vi nội dung của học phần môn học; (2) Đảm bảo hoạt động kiểm tra đánh giá gắn với phát triển năng lực; thường xuyên thông báo cho người học về sự tiến bộ trong học tập; thúc đẩy tư duy phản biện, kỹ năng nghiên cứu, năng lực sáng tạo thông qua kiểm tra đánh giá; phản hồi và giải thích kịp thời kết quả kiểm tra đánh giá cho người học.

Tiêu chí đánh giá về kết quả NCKH của ĐNGV trẻ cần phải đánh giá khách quan, chính xác năng lực NCKH của ĐNGV trẻ. Điều đó được biểu hiện thông qua việc tham gia nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, khả năng biên soạn sách, giáo trình, tài liệu dạy học, năng lực viết báo khoa học, bài tham luận tham gia hội thảo, hướng dẫn học viên NCKH.

Ngoài ra, cần đánh giá ý thức, trách nhiệm, kết quả tham gia xây dựng các tổ chức, khoa, bộ môn và hoạt động chung của ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ tùy vào mức độ và khả năng tham gia.

Tiểu kết chương 2

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG là một hệ thống các quan điểm về vị trí, vai trò, nội dung và biện pháp xây dựng ĐNNG. Theo mạch nghiên cứu này, nghiên cứu sinh đã luận giải và làm sâu sắc các nội dung cơ bản như:

Thứ nhất, đã luận giải các khái niệm có liên quan đến đề tài luận án, trong đó quan niệm GVT ở các trường SQQĐ là những giảng viên có độ tuổi từ 40 trở xuống (Thông tư số 166/2023/TT-BQP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Ban hành Quy chế về Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong QĐND Việt Nam), đảm nhiệm công tác giảng dạy và NCKH đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo chức danh giảng viên do Nhà nước, các cơ sở đào tạo quy định, thuộc đội ngũ trí thức trẻ của đất nước. Xây dựng khái niệm trung tâm của luận án: Xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay; trên cơ sở đó phân tích, chỉ rõ mục đích, chủ thể, nội dung, hình thức và biện pháp xây dựng.

Thứ hai, luận giải các quan điểm về vị trí, vai trò, sứ mệnh của nhà giáo và tầm quan trọng của việc xây dựng ĐNNG; nội dung và biện pháp xây dựng ĐNNG, làm cơ sở để đánh giá thực trạng công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.

Thứ ba, nghiên cứu sinh đã tập trung trình bày khái quát các trường SQQĐ, trong đó, chú trọng về 4 trường sĩ quan mà luận án khảo sát, điều tra xã hội học và đánh giá thực trạng; đã nghiên cứu và chỉ ra các đặc điểm cơ bản của ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay.

Thứ tư, làm rõ các tiêu chí xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay, làm cơ sở xây dựng các biện pháp cơ bản, có tính khả thi cao.

Như vậy, kết quả nghiên cứu chương 2 là cơ sở lý luận, khung lý thuyết quan trọng để tác giả tập trung phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường SQQĐ thời gian tiếp sau.

Chương 3

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY - THÀNH TỰU VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1.1. Thành tựu

ĐNGV trẻ có vị trí, vai trò quan trọng, góp phần quyết định đến chất lượng công tác GD&ĐT của các trường SQQĐ. Do đó, cấp ủy đảng, hệ thống chỉ huy các cấp ở các trường SQQĐ đã quan tâm xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các nhà trường. Có thể nói, trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2024, việc xây dựng ĐNGV nói chung và xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng ở các trường SQQĐ đã đạt được những kết quả nhất định:

Thứ nhất, về nhận thức, trách nhiệm của các lực lượng về vị trí, vai trò của GVT và công tác xây dựng ĐNGV trẻ

Lãnh đạo, chỉ huy các cấp cơ bản có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của GVT và việc xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các cấp cơ bản đã có nhận thức ngày càng sâu sắc hơn vị trí, vai trò của ĐNGV trẻ. Qua khảo sát ở các khoa, từ lãnh đạo, chỉ huy khoa đến đội ngũ giảng viên, phần lớn đều cho rằng ĐNGV trẻ có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động GD&ĐT, NCKH và là nguồn kế cận ĐNGV, nhà khoa học ở các trường sĩ quan thể hiện qua bảng số liệu (Bảng 3.1.3; Phụ lục 2). Từ bảng số liệu (Bảng 3.1.3; Phụ lục 2) cho thấy, việc trả lời câu hỏi: Sự cần thiết phải xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ, có 240/400 ý kiến (chiếm 60%) cho rằng rất cần thiết, 116/400 ý kiến

(chiếm 29%) cho rằng cần thiết và 40/400 ý kiến (chiếm 10%) cho rằng bình thường và 4/400 ý kiến (chiếm 1%) cho rằng không cần thiết.

Trên cơ sở nhận thức đúng vị trí, vai trò quan trọng của ĐNGV trẻ, cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các cấp đã phát huy tốt trách nhiệm trong công tác xây dựng đội ngũ này. Từ bảng số liệu (Bảng 3.1.4, Phụ lục 2) cho thấy, việc trả lời câu hỏi: Tầm quan trọng của người GVT đối với việc xây dựng các trường SQQĐ, Khoa vững mạnh, có 160/400 ý kiến (chiếm 40%) cho rằng rất quan trọng, 140/400 ý kiến (chiếm 35%) cho rằng quan trọng và 100/400 ý kiến (chiếm 25%) cho rằng bình thường và không quan trọng. Như vậy, việc phân tích, đánh giá đúng thực trạng ĐNGV trẻ để các nhà trường có chủ trương, biện pháp xây dựng trong từng năm, nhiệm kỳ và từng giai đoạn.

Có thể thấy nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, cán bộ chủ trì các cấp ở các trường SQQĐ về công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở cả 04 trường sĩ quan đã có bước chuyển tiến bộ, đem lại động lực mới trong các nhà trường. Ở các trường sĩ quan đã có những chủ trương, biện pháp kiên toàn, phát triển ĐNGV trẻ đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ. Thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố, kiện toàn ĐNGV trẻ. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ này, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ GD&ĐT và NCKH.

Thứ hai, về số lượng, chất lượng và cơ cấu ĐNGV trẻ

Qua kết quả điều tra, khảo sát ở các khoa cho thấy, công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng đạt kết quả tốt hơn cả về số lượng và chất lượng, cụ thể: cơ bản đủ về số lượng theo quy định của Bộ Quốc phòng, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và hoàn thành tốt nhiệm vụ; có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân, lối sống trong sạch, lành mạnh; tự giác, chủ động trong giảng dạy, nghiên cứu góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh.

Bảng 3.1. Cơ cấu độ tuổi, giới tính của ĐNGV trẻ

STT	Tên trường	Độ tuổi				Giới tính		3
		35 - 40	30 - dưới 35	25 - dưới 30	Dưới 25	Nam	Nữ	GVT/ĐNGV
1	TSQLQ1	205	115	62	8	362	28	390/820
2	TSQLQ2	112	119	130	15	361	15	376/868
3	TSQCT	91	40	43	6	161	19	180/398
4	TSQTT	74	26	23	3	119	07	126/414

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo 04 trường tháng 8/2024 (Phụ lục 3,4,5,6)

Từ bảng số liệu 3.1.6. cho thấy, số lượng GVT ở các trường SQQĐ chiếm tỷ lệ khá cao: Trường Sĩ quan Lục quân 1 là 390/820 (chiếm 45,8%), Trường Sĩ quan Lục quân 2 là 376/868 (chiếm 43,3%), Trường Sĩ quan Chính trị là 180/398 (chiếm 45,2%), Trường Sĩ quan Thông tin là 126/414 (chiếm 30,4%). Trong đó Trường Sĩ quan Lục quân 1 chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp đến Trường Sĩ quan Chính trị, Trường Sĩ quan Lục quân 2 và Trường Sĩ quan Thông tin chiếm tỷ lệ thấp nhất (30,4%). Số liệu này cho thấy cơ cấu (tỷ lệ) ĐNGV trẻ chiếm ưu thế và là lực lượng hùng hậu của các trường SQQĐ hiện nay. Điều này, rất thuận lợi cho công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời gian tiếp theo.

Về cơ cấu thành phần dân tộc, có thể thấy, ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ đã có sự đan xen về thành phần trong các dân tộc, tuy nhiên số lượng GVT là dân tộc thiểu số trong các trường chiếm tỷ lệ rất nhỏ, cụ thể: Trường Sĩ quan Lục quân 1 chỉ có 8/390 GVT là người dân tộc thiểu số; Trường Sĩ quan Lục quân 2 có 7/376 GVT là người dân tộc Dao, Mường, Thái, Tày; Trường Sĩ quan Chính trị có 5/180 GVT là người dân tộc Mường, Thái, Tày. Trong đó, Trường Sĩ quan Thông tin không có GVT là người dân tộc thiểu số.

Rõ ràng, đây vừa là điểm mạnh nhưng cũng là điểm chưa hợp lý khi đánh giá về cơ cấu thành phần dân tộc (Phụ lục 3, 4, 5, 6).

Về chức vụ của ĐNGV trẻ, đã có những GVT được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý ở các khoa, bộ môn, cụ thể: Trường Sĩ quan Lục quân 1 có 7/390 GVT giữ chức vụ chủ nhiệm bộ môn và 8/390 GVT giữ chức vụ phó chủ nhiệm bộ môn; Trường Sĩ quan Lục quân 2 chỉ có 1/376 GVT giữ chức vụ phó chủ nhiệm bộ môn và Trường Sĩ quan chính trị có 2/180 GVT giữ chức vụ phó chủ nhiệm khoa, 9/180 GVT giữ chức vụ chủ nhiệm bộ môn và 5/180 GVT giữ chức vụ phó chủ nhiệm bộ môn. Trường Sĩ quan Thông tin chưa có GVT giữ các chức vụ (Phụ lục 3, 4, 5, 6). Qua đây, có thể thấy tỷ lệ GVT ở các trường SQQĐ giữ chức vụ còn rất mỏng, nếu xét về kinh nghiệm thì đây là ưu thế, nhưng nếu xét về cơ cấu thì đây là vấn đề đặt ra cần có sự điều chỉnh cân đối, hài hòa.

Về kết quả hoàn thành nhiệm vụ của ĐNGV trẻ:

Trên cơ sở các tiêu chí xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ và quan điểm Hồ Chí Minh về nội dung, biện pháp xây dựng ĐNNG ở chương 2, nghiên cứu sinh tổng hợp, đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của ĐNGV trẻ của 04 trường SQQĐ như sau:

Bảng 3.2. Kết quả hoàn thành nhiệm vụ của ĐNGV trẻ

STT	Trường, (số lượng GVT)	Năm	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình
1	TSQLQ1 (390 GVT)	2021	52 (13,3%)	328 (84,1%)	12 (3,0%)	0 (0.0%)
		2022	48 (12,3%)	321 (82,3%)	8 (2,0%)	2 (0.5%)
		2023	50 (12,8%)	325 (83,3%)	7 (1,8%)	2 (0.5%)
		2024	33 (8,4%)	339 (86,9%)	17 (4,3%)	1 (0,25%)
2	TSQLQ2 (376 GVT)	2021	21 (5,6%)	355 (94,4%)	0 (%)	0 (%)
		2022	19 (5,0%)	357 (95,0%)	0 (%)	0 (%)
		2023	25 (7,0%)	351 (93,3%)	0 (%)	0 (%)

STT	Trường, (số lượng GVT)	Năm	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình
		2024	30 (8,0%)	346 (92,0%)	0 (%)	0 (%)
3	TSQCT (180 GVT)	2021	22 (12,2%)	145 (80,5%)	4 (2,2%)	0 (%)
		2022	19 (10,5%)	156 (86,6%)	5 (2,7%)	0 (%)
		2023	23 (14,4%)	150 (83,3%)	7 (3,8%)	0 (%)
		2024	24 (13,3%)	156 (86,6%)	0 (0,0%)	0 (%)
4	TSQTT (126 GVT)	2021	20 (16,0%)	102 (80,9%)	4 (3,1%)	0 (%)
		2022	19 (15,0%)	99 (78,6%)	8 (6,4%)	0 (%)
		2023	21 (16,7%)	101 (80,2%)	4 (3,1%)	0 (%)
		2024	24 (19,0%)	95 (75,4%)	7 (5,6%)	0 (%)

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo của 04 trường (tháng 8/2024)

Từ Báo cáo tổng kết của Phòng Đào tạo 4 trường SQQĐ có thể đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của ĐNGV trẻ, thể hiện qua các năm 2021, 2022, 2023, 2024 (bảng số liệu 3.1.7) như sau:

Về hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ, cụ thể:

Trường sĩ quan Lục quân 1, lần lượt qua các năm là 97,4%, 94,6%, 96,1%, 95,3%;

Trường Trường sĩ quan Lục quân 2, lần lượt qua các năm đều là 100%;

Trường sĩ quan Chính trị, lần lượt qua các năm là 97,8%, 97,3%, 96,2%, 100%;

Trường sĩ quan thông tin, lần lượt qua các năm là 96,9%, 93,6%, 86,9%, 94,4%.

Tỷ lệ GVT đánh giá, xếp loại khá, trung bình chiếm tỷ lệ rất nhỏ, riêng Trường Sĩ quan Lục quân 2, lần lượt qua các năm không có giảng viên đạt loại khá và trung bình. Điều này cho thấy, chất lượng ĐNGV trẻ của cả 4 trường đều cơ bản đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các trường sĩ quan quân đội.

Về mức độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao của ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay qua việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của ĐNVG trẻ tại các trường SQQĐ (Bảng số liệu 3.1.8; Phụ lục 2). Trả lời câu hỏi “*Mức độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao của ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay*” có 300/400 ý kiến (chiếm 75%) lần lượt trả lời tốt và khá; có 80/400 ý kiến (chiếm 20%) cho rằng trung bình và 20/400 ý kiến (chiếm 5%) cho rằng mức độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và tầm quan trọng của các phẩm chất ở người GVT tại các trường SQQĐ có ảnh hưởng đến học viên còn yếu. Trong Báo cáo tổng kết năm học của cả 04 trường sĩ quan đều khẳng định ĐNGV trẻ mang trên mình “nhiệm vụ kép” song họ đều đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Về trình độ, năng lực, phương pháp dạy học của ĐNGV trẻ có nhiều tiến bộ. Số GVT có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, ngày càng tăng lên qua các năm:

Trường sĩ quan Lục quân 1: Tiến sĩ 7, Thạc sĩ 210, Cử nhân 173;

Trường sĩ quan Lục quân 2: Tiến sĩ 4, Thạc sĩ 217, Cử nhân 155;

Trường sĩ quan Chính trị: Tiến sĩ 14, Thạc sĩ 81, Cử nhân 85;

Trường sĩ quan Thông tin: Tiến sĩ 13, Thạc sĩ 61, Cử nhân 52.

Về phương pháp sư phạm, qua Báo cáo của các nhà trường đều khẳng định phương pháp sư phạm của ĐNGV trẻ cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, họ tự tin và chủ động trên giảng đường, trao đổi, dự giờ, thao giảng, tập huấn về phương pháp khai thác và xử lý thông tin; hội thảo chuyên đề về các phương pháp dạy học tích cực... qua đó hoàn thiện phương pháp giảng dạy tích cực của mỗi giảng viên... Rõ ràng, đây là thế mạnh của các nhà trường trong quân đội nói chung và các trường SQQĐ nói riêng.

Về cơ cấu ĐNGV trẻ ngày càng hợp lý. ĐNGV trẻ xét về cơ cấu về tuổi đời, giới tính, cấp bậc quân hàm, tuổi quân theo nhóm chuyên ngành có xu

hướng ngày càng trẻ hóa hơn trước. Điều này cho thấy, kiến thức, kinh nghiệm và trình độ sư phạm của ĐNGV trẻ ngày càng được nâng lên (Phụ lục 3, 4, 5, 6), tạo ra thế mạnh cho mỗi nhà trường tạo đột phá về chất lượng GD&ĐT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới.

Đánh giá những điểm mạnh của ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay (Bảng số liệu 3.1.9. Phụ lục 2) cho thấy, 328/400 phiếu (chiếm 82%) GVT được đào tạo cơ bản; 364/400 phiếu trả lời (chiếm 91%) ĐNGV trẻ được lựa chọn từ nhiều nguồn; 340/400 phiếu hỏi (chiếm 85%) ĐNGV trẻ chấp hành nghiêm kỷ luật và 280/400 phiếu hỏi (chiếm 70%) cho rằng đa số GVT hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Thứ ba, về biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tổng hợp Báo cáo của 04 trường SQQĐ từ năm 2020 đến năm 2024, có thể thấy, các trường SQQĐ cơ bản thực hiện đúng các khâu, các bước trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh:

(1). Công tác quy hoạch, tạo nguồn, tuyển chọn ĐNGV trẻ được thực hiện có nền nếp. Các trường SQQĐ đã chỉ đạo việc xây dựng tiêu chuẩn chức danh giảng viên, làm cơ sở để cấp ủy đảng các cấp rà soát, đánh giá, phân loại, phân hướng sử dụng ĐNGV trẻ hợp lý. Xây dựng quy hoạch tổng thể ĐNGV trẻ, xác định rõ chỉ tiêu tạo nguồn, bổ sung, đi học, đi thực tế trong cả nhiệm kỳ và từng năm. Công tác quy hoạch ngày càng chủ động, bảo đảm được số lượng, chất lượng và sự chuyển tiếp liên tục giữa các thế hệ giảng viên. Trên cơ sở quy hoạch, các trường sĩ quan đã từng bước giải quyết vấn đề số lượng, khắc phục dần tình trạng thiếu giảng viên ở một số khoa. Cùng với việc giải quyết về số lượng, các trường sĩ quan quan tâm kiện toàn về cơ cấu, có sự kế thừa và kết hợp vững chắc giữa các độ tuổi, các thế hệ giảng viên. Cơ cấu ĐNGV trẻ ở nhà trường và các khoa ngày càng hợp lý. Công tác tuyển chọn, bổ sung GVT được tiến hành thường xuyên, chặt chẽ, đúng nguyên tắc, quy trình, bảo đảm chất lượng.

Qua bảng số liệu (Bảng 3.1.5; Phụ lục 2) trả lời câu hỏi: Ưu điểm của công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian qua? có 320/400 ý kiến (chiếm 80%) cho rằng nhận thức ngày càng sâu sắc hơn vị trí, vai trò ĐNGV trẻ; 300/400 ý kiến (chiếm 75%) cho rằng phát huy tốt vai trò của các lực lượng; 280/400 ý kiến (chiếm 70%) và 260/400 ý kiến (chiếm 65%) cho rằng thực hiện tốt quy trình xây dựng và có cơ cấu, số lượng, chất lượng; chính sách tốt.

(2). *Công tác đào tạo, bồi dưỡng GVT theo tư tưởng Hồ Chí Minh được các trường sĩ quan chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ.* Các trường sĩ quan đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bồi dưỡng cho ĐNGV trẻ về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, đạo đức, năng lực sư phạm, NCKH. Trong từng khoa, bộ môn tiến hành bồi dưỡng ĐNGV trẻ thông qua bài giảng, giảng mẫu, kiểm tra giảng dạy, tổ chức thi giảng viên dạy giỏi; rút kinh nghiệm về nội dung, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu. Việc tự học tập nâng cao trình độ mọi mặt, năng lực chuyên môn, phẩm chất nghề nghiệp của ĐNGV trẻ có bước chuyển biến tốt. Phần lớn ĐNGV trẻ đã vận dụng phương pháp dạy học tích cực, sử dụng tương đối thành thạo trang thiết bị dạy học hiện đại, sử dụng trình chiếu Power point. Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, coi “dạy” và “học” kết hợp hữu cơ thành một hệ thống, nhấn mạnh tính tích cực, tự giác của người học.

(3). *Công tác quản lý ngày càng chặt chẽ, khoa học, góp phần phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh.* Các trường sĩ quan và các khoa quản lý ĐNGV trẻ theo phân cấp, toàn diện cả về phẩm chất, năng lực, sức khỏe, các mối quan hệ xã hội. Quản lý thông qua việc duy trì, thực hiện các chế độ, quy định, kiểm tra sổ sách, phê duyệt giáo án, qua kiểm điểm, đánh giá, phân loại đảng viên, cán bộ hàng năm. Quản lý các mối quan hệ xã hội được chú trọng, kịp thời ngăn chặn những nhận thức và biểu hiện lệch lạc của ĐNGV trẻ.

(4). *Công tác sử dụng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng hợp lý, thực hiện có hiệu quả công tác chính sách đối với ĐNGV trẻ để họ yên tâm, phấn khởi trong thực hiện nhiệm vụ.* Vấn đề sử dụng GVT được thực hiện theo một quy trình thống nhất, chặt chẽ, theo hướng ngày càng công khai, dân chủ. Việc xem xét đề bạt, điều động, bổ nhiệm GVT được dân chủ, công khai, đúng đắn và phù hợp. Các trường SQQĐ đã thường xuyên quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với ĐNGV trẻ. Được quan tâm về nhà ở, nơi công tác, tạo điều kiện hợp lý hóa gia đình, động viên họ cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời quan tâm, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị, phương tiện ngày càng hiện đại hóa. Giải quyết chính sách nhà ở, việc làm cho vợ, chồng GVT được triển khai tích cực, hợp lý. Mạnh dạn đề bạt, bổ nhiệm những GVT khẳng định được phẩm chất, năng lực, uy tín trong công tác vào các vị trí quản lý. Nhờ đó đã góp phần quan trọng động viên ĐNGV trẻ tích cực phấn đấu vươn lên, yên tâm gắn bó xây dựng nhà trường.

Thứ tư, về kết quả hoàn thành nhiệm vụ và khả năng đáp ứng yêu cầu của ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thời gian qua, cơ bản ĐNGV trẻ của các trường SQQĐ luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm và đáp ứng tốt hơn những đòi hỏi đặt ra. Bên cạnh đó, họ còn hội tụ các phẩm chất của người GVT các trường SQQĐ (Bảng số liệu 3.1.10; Phụ lục 2) cho thấy: về phẩm chất chính trị có 360/400 phiếu (chiếm 90%) cho rằng ĐNGV trẻ có phẩm chất chính trị cao; 380/400 phiếu (chiếm 95%) cho rằng ĐNGV trẻ có phẩm chất đạo đức tốt và 340/400 ý kiến (chiếm 85%) cho rằng ĐNGV trẻ có chuyên môn, nghiệp vụ. Rõ ràng, ĐNGV trẻ là lực lượng hội tụ cơ bản các phẩm chất, chuẩn mực đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bảng 3.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ của ĐNGV trẻ từ cuộc thi “Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội”

Trường	Lần thứ 21 (2020)		Lần thứ 22 (2021)		Lần thứ 23 (2022)		Lần thứ 24 (2023)	
	Số công trình tham dự	Số công trình đạt giải	Số công trình tham dự	Số công trình đạt giải	Số công trình tham dự	Số công trình đạt giải	Số công trình tham dự	Số công trình đạt giải
TSQLQ1	16	9 56,2%	20	12 60%	19	13 68,4%	21	15 71,4%
TSQLQ2	7	3 42,9%	10	6 60%	12	5 41,7%	11	6 54,5%
TSQCT	14	9 64,3%	12	6 50%	7	4 57,1%	22	15 68,2%
TSQTT	1	1 100%	3	2 66,7%	8	8 100%	8	5 62,5%

Nguồn: Báo cáo Tổng kết cuộc thi Tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội qua các năm của Ban Thanh niên Quân đội Tổng cục Chính trị, QĐND Việt Nam (Phụ lục 7)

Về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ: qua Báo cáo tổng kết của 04 trường cho thấy, ĐNGV trẻ cơ bản hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, họ không chỉ hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, mà còn hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ khoa học công nghệ. Hoạt động NCKH của GVT được đánh giá thông qua kết quả bình xét, phân loại đảng viên và cán bộ hàng năm (Phụ lục 2). ĐNGV trẻ tham gia và thực hiện nhiệm vụ NCKH ngày càng tăng về số lượng và đảm bảo về chất lượng, cụ thể: tích cực chủ động tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu, chuyên đề phục vụ hoạt động đào tạo; viết bài hội thảo khoa học, bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành với chất lượng ngày càng khẳng định (Phụ lục 3, 4, 5, 6, 7).

Đồng thời, từ số liệu bảng 3.1.11, Kết quả cuộc thi “Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo” trong quân đội qua các năm 2020, 2021, 2022, 2023, cho thấy thành tích nổi bật của ĐNGV trẻ của 04 trường SQQĐ qua các cuộc thi lần thứ 21, 22, 23, 24 cụ thể:

Trường Sĩ quan Lục quân 1 là đơn vị dẫn đầu về số lượng công trình tham gia và chất lượng công trình đạt giải qua các cuộc thi: [năm 2020 đạt 9/16 (56,2%), năm 2021 đạt 12/20 (60%), năm 2022 đạt 13/19 (68,4%), năm 2023 đạt 15/21 (71,4%)];

Trường Sĩ quan Thông tin, có số lượng công trình ít nhất tham dự cuộc thi; song về chất lượng cho thấy các công trình có tỷ lệ đạt giải cao qua các năm, cụ thể: năm 2020 đạt 1/1(100%), năm 2021 2/3 (66,7%), năm 2022 đạt 8/8 (100%) và năm 2023 5/8 (62.5%);

Trường Sĩ quan Chính trị [năm 2020 đạt 9/14 (64,3%), năm 2021 đạt 6/12 (50%), năm 2023 đạt 4/7 (57,1%), năm 2023 đạt 15/22 (68,2%)];

Trường Sĩ quan Lục quân 2 [năm 2020 đạt 3/7(42,9%), năm 2021 đạt 6/10 (60%), năm 2022 đạt 5/12 (41,7%), năm 2023 đạt 6/11 (54,5%)] có số lượng công trình tham gia nhiều, trong đó Trường Sĩ quan Chính trị có tỷ lệ đạt giải cao hơn so với Trường Sĩ quan Lục quân 2. Nếu so sánh với (Phụ lục 7) các trường, học viện trong toàn quân thì tỷ lệ đạt giải của cả 04 trường còn khiêm tốn (cả 04 trường đều không đạt giải nhất qua các cuộc thi), song điều này rất dễ hiểu bởi đây là các trường đào tạo không chuyên sâu nghiên cứu như các học viện trong toàn quân.

Qua đánh giá kết quả của cuộc thi có thể thấy, quy mô và tính chất của cuộc thi dành cho đối tượng GVT - lực lượng đã hội tụ các tiêu chí, yếu tố cơ bản của nhà giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Cũng qua các cuộc thi này, là môi trường thuận lợi cho việc thể hiện và nhìn nhận về sức sáng tạo và động lực của ĐNGV trẻ. Họ là nguồn lực và động lực - nòng cốt trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ của các trường SQQĐ trong thời gian tiếp theo. Rõ ràng, ĐNGV trẻ thực sự là lực lượng hùng hậu trong giảng dạy, NCKH trực tiếp tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng.

3.1.2. Nguyên nhân của thành tựu

Thứ nhất, Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường SQQĐ, các cơ quan chức năng, cấp ủy, chỉ huy các khoa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xây dựng ĐNGV trẻ. Đảng ủy nhà trường, cấp ủy các khoa đã có những chủ trương, giải pháp đột phá trong xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ trọng tâm. Cấp ủy, cán bộ chủ trì, cơ quan chức năng các cấp luôn coi trọng công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, xác định những chủ trương, biện pháp đúng đắn, phù hợp phát huy được thế mạnh của từng khoa, bộ môn. Các cơ quan chức năng làm tốt việc tham mưu đề xuất, phối hợp chặt chẽ với các khoa trong xây dựng ĐNGV trẻ. Thường xuyên khảo sát, đánh giá chất lượng, xây dựng quy hoạch, hướng sử dụng, đào tạo đội ngũ này một cách cơ bản, cân đối giữa số lượng, chất lượng và cơ cấu, đảm bảo sự chuyển tiếp vững chắc, ổn định và phát triển của các thế hệ giảng viên.

Cấp ủy, cán bộ chủ trì các khoa quản lý chặt chẽ, đánh giá đúng tình hình thực trạng ĐNGV trẻ. Bám sát nhiệm vụ để xây dựng chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, kiện toàn ĐNGV trẻ. Tích cực, chủ động bồi dưỡng, rèn luyện GVT về mọi mặt, nhất là phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực sư phạm, NCKH. Phát huy tốt trách nhiệm trong công tác tổ chức, quản lý các hoạt động sư phạm và NCKH của ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, các lực lượng tham gia nêu cao tinh thần trách nhiệm tạo sức mạnh tổng hợp trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở chủ trương, biện pháp lãnh đạo của Đảng ủy các trường sĩ quan đã huy động được sức mạnh, trí tuệ của các lực lượng tham gia xây dựng ĐNGV trẻ. Phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các tổ chức, lực lượng, thông qua các hoạt động đã góp phần nâng cao chất lượng xây dựng đội ngũ này. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát, vào cuộc đồng bộ của các tổ

chức, lực lượng đã giúp cho ĐNGV trẻ thấy rõ những ưu, khuyết điểm để từng bước hoàn thiện bản thân. Từ đó, tạo thành sức mạnh tổng hợp làm cho công tác xây dựng ĐNGV trẻ ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất và ngày càng đạt kết quả cao hơn.

Thứ ba, công tác bảo đảm về cơ sở vật chất, kỹ thuật ngày càng đáp ứng tốt hơn với yêu cầu nhiệm vụ của các trường sĩ quan trong tình hình mới. Cơ sở vật chất bảo đảm cho huấn luyện, điều kiện làm việc góp phần xây dựng động cơ, thái độ, hành vi đúng đắn, ý thức kỷ luật, đoàn kết của giảng viên trẻ. Xuất phát từ tính chất đặc thù của nhiệm vụ GD&ĐT, NCKH ở các trường sĩ quan trực tiếp đặt ra yêu cầu cao trong việc xây dựng ĐNGV trẻ. Qua khảo sát ở các khoa cho thấy, môi trường sư phạm, điều kiện làm việc ngày càng thuận lợi đối với việc xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay.

Thứ tư, các trường sĩ quan đã và đang tích cực xây dựng, chuẩn hóa ĐNGV trẻ. Các trường SQQĐ đã bám sát bộ tiêu chuẩn đánh giá ĐNGV theo quy định tại Điều 5 Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT và khoản 1 Điều 2 Thông tư 04/2022/TT-BGDĐT làm cơ sở xây dựng các tiêu chí phù hợp để đánh giá và xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với đặc thù từng nhà trường.

Công tác xét công nhận các chức danh giảng viên chặt chẽ, đúng quy chế. Biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ kịp thời công tác GD&ĐT, tổ chức các cuộc Hội thảo khoa học đạt hiệu quả thiết thực. Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị, vật tư, giảng đường, hệ thống mạng Internet, Website, mạng nội bộ của các trường SQQĐ.

Từ cơ sở vật chất, hệ thống giảng đường, trang thiết bị tiếp tục được đầu tư xây dựng hiện đại. Đến công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng GD&ĐT hoạt động đảm bảo độ tin cậy, tính khoa học, có nền nếp, đạt chất lượng tốt.

Thứ năm, ĐNGV trẻ đã có nhiều cố gắng chủ động, tích cực tự học tập, rèn luyện, không ngừng phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt mọi chức trách, nhiệm vụ được giao. Đa số GVT nhận thức rõ vị trí, vai trò, chức trách, nhiệm vụ của mình, tự giác, tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, phẩm chất đạo đức, lối sống, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. ĐNGV trẻ tham gia giảng dạy, NCKH ngày càng nhiều, chất lượng ngày càng cao. Rõ ràng, đây vừa là kết quả, vừa là nguyên nhân cơ bản nhất để đạt được những ưu điểm trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ. ĐNGV trẻ nhận thức rõ ràng những yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ, từ đó tích cực, chủ động, tự giác trong học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, phương pháp, tác phong công tác và giảng dạy.

Tinh thần, trách nhiệm của ĐNGV trẻ: qua Báo cáo tổng kết các năm học của Phòng Đào tạo 04 nhà trường cho thấy tinh thần, trách nhiệm của ĐNGV trẻ ở các khoa ngày càng cao. Họ luôn chủ động, tự giác tích cực bám lớp, dự giờ, giảng thử, giảng tập, nghiên cứu tài liệu và rèn luyện kỹ năng, phương pháp sư phạm để trở thành giảng viên. Đa số đều tích cực, chủ động, ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy và NCKH. Tích cực học hỏi, trao đổi kinh nghiệm với cán bộ khoa, bộ môn và các giảng viên giàu kinh nghiệm. GVT có trình độ ngoại ngữ, tin học, chuyên môn, có khả năng làm chủ công tác giảng dạy, tự đánh giá hoạt động sư phạm của bản thân. Họ luôn năng động, nhạy bén, được đào tạo cơ bản, chuyên sâu có trình độ sau đại học ngày càng tăng, ứng dụng tốt các thành tựu của khoa học, công nghệ trong giảng dạy và NCKH.

Có thể thấy, GVT là những người nhiệt tình trong các hoạt động góp phần xây dựng các tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, xây dựng các bộ môn, khoa vững mạnh toàn diện, xây dựng các trường SQQĐ “Chính quy, tiên tiến, mẫu mực”. Quán triệt, thực hiện, cụ thể hóa nghị quyết, chỉ thị, quy

định, hướng dẫn của cấp trên vào thực tiễn của từng đơn vị nên chất lượng công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ được nâng lên rõ rệt, đảm bảo nguồn kế cận, kế tiếp vững chắc. Đây là những nguyên nhân khách quan và chủ quan cơ bản cần phát hiện để phát huy trong thời gian tiếp sau.

Thứ sáu, HNQT và cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng mở ra nhiều cơ hội cho ĐNGV trẻ. Việc dạy học trực tuyến, cùng với các ứng dụng thực tế ảo (VR) và thực tế ảo tăng cường (AR), cho phép học viên học mọi lúc, mọi nơi, trải nghiệm các bài học trực quan, sinh động mà phương pháp giảng dạy truyền thống khó đạt được. Công nghệ này còn hỗ trợ giảng viên quản lý lớp học, theo dõi và đánh giá tiến độ học tập của học viên một cách chính xác, giúp GVT có thể điều chỉnh phương pháp giảng dạy kịp thời, nâng cao hiệu quả giáo dục và tạo ra môi trường học tập đa dạng, hấp dẫn; hỗ trợ và tạo động lực, khuyến khích học viên chủ động hơn trong học tập và chịu trách nhiệm về quá trình học tập của mình. Đây là một bước chuyển đổi lớn trong cách giảng dạy, thúc đẩy sự thay đổi về cả tư duy và kỹ năng của giảng viên để đáp ứng yêu cầu của thời đại.

Về hội nhập quốc tế, bắt nhịp với xu thế thời đại, các nhà trường đã và đang đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học trong và ngoài quân đội với các tổ chức giáo dục quốc tế... tạo ra cơ hội nhằm đổi mới chương trình đào tạo, mở rộng cơ hội cho ĐNGV trẻ tham gia các khóa học và hội thảo quốc tế, trao đổi giảng viên và học viên. Từ đó, ĐNGV trẻ tích lũy kinh nghiệm và nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH trong bối cảnh số, phong trào “Bình dân học vụ số” của toàn quân.

3.2. XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY – HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

3.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian qua cũng còn có những tồn tại, hạn chế, đó là:

Thứ nhất, nhận thức của một số cấp ủy, cán bộ chủ trì về vị trí, vai trò của GVT và công tác xây dựng ĐNGV trẻ chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc.

Thực tế cho thấy, còn có cấp ủy, cán bộ chủ trì chưa thấy hết vai trò, và sự cần thiết của công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh nên chưa quan tâm nhiều đến công tác quy hoạch, tạo nguồn, bồi dưỡng, rèn luyện, xây dựng đội ngũ này. Có những cán bộ quản lý nhận thức còn giản đơn, chưa chủ động tìm nguồn, bồi dưỡng, dìu dắt ĐNGV trẻ. Thiếu chủ động trong tham mưu đề xuất các biện pháp hiệu quả để giải quyết vấn đề số lượng, chất lượng và cơ cấu ĐNGV trẻ. Có thời điểm, có khoa, bộ môn số lượng GVT còn ít, sự hấp dẫn nguồn kế cận, kế tiếp giữa các thế hệ giảng viên chậm được khắc phục.

Từ bảng số liệu (3.1.12; Phụ lục 2) trả lời câu hỏi: Hạn chế của công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian qua cho thấy, 80/400 ý kiến (chiếm 20%) cho rằng nhận thức, trách nhiệm của một số lực lượng chưa đầy đủ; 280/400 ý kiến (chiếm 70%) cho rằng một số GVT chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; 240/400 ý kiến (chiếm 60%) cho rằng cơ cấu, số lượng, chất lượng ở một số bộ phận chưa hợp lý; 300/400 ý kiến (chiếm 75%) cho rằng cơ chế, chính sách cho GVT còn chưa đầy đủ.

Vai trò, trách nhiệm ở một số cấp ủy, chỉ huy khoa trong xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh có thời điểm chưa được phát huy đầy đủ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng GVT tạo nguồn nhân lực chất lượng cao còn có biểu hiện chạy theo số lượng, chưa chú trọng chất lượng, năng lực thực tế. Có những GVT được đưa đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ nhưng sau khi đào tạo không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ giảng dạy và NCKH đặt ra, làm giảm uy tín của ĐNGV trẻ.

Vẫn còn một số GVT nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ được giao.

Thứ hai, số lượng, chất lượng và cơ cấu ĐNGV trẻ chưa đáp ứng đòi hỏi thực tiễn của các trường SQQĐ.

Thực tế tuyển sinh trong các nhà trường cho thấy, lưu lượng học viên ngày càng tăng cao, một số trường mở thêm mã ngành đào tạo theo yêu cầu xây dựng quân đội hiện đại, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng và sự phát triển của một số vũ khí, trang bị mới được biên chế cho một số quân, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; điều này đã đặt ra đòi hỏi các trường SQQĐ phải tiếp tục tổ chức, sắp xếp để có số lượng GVT đạt chuẩn theo quy định.

Về chất lượng ĐNGV trẻ: chất lượng ĐNGV trẻ hiện nay không đồng đều, còn có đồng chí chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, động cơ, xu hướng phát triển nghề nghiệp sư phạm của một bộ phận GVT còn có biểu hiện thiếu nhiệt huyết; trình độ kiến thức, năng lực chưa thật sự ngang tầm với nhiệm vụ, nhất là khả năng về ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, mô phỏng; năng lực giảng dạy. Một bộ phận GVT chưa tích cực trong chuẩn bị bài giảng, vận dụng kiến thức tổng hợp, thực luyện bài giảng chưa kỹ, phương pháp giảng dạy còn đơn điệu.

Chất lượng ĐNGV trẻ có mặt còn tồn tại, hạn chế: một bộ phận chưa thực sự cố gắng vươn lên ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ mới; còn có những biểu hiện tư tưởng thực dụng, thu vén cá nhân, ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao, vi phạm các quy định để phải xử lý.

Về trình độ, năng lực, phương pháp sư phạm của một số GVT chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, thậm chí có GVT còn vi phạm kỷ luật phải xử lý. Vẫn còn có GVT hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và NCKH ở mức độ thấp; chưa tích cực, chủ động trong học tập, rèn luyện, phấn đấu vươn lên; chưa tự giác trau dồi kiến thức, nâng cao kỹ năng, phương pháp sư phạm; việc vận dụng phương pháp dạy học tích cực chưa nhuần nhuyễn và chưa thường

xuyên, thiếu tính thực tế, mô phạm chưa cao. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của một số GVT còn thấp, có trường hợp phải chuyển làm các công việc chuyên môn khác.

Về tự học tập, bồi dưỡng: một bộ phận GVT chưa thấy hết vai trò của tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện để hoàn thiện phẩm chất, năng lực, còn biểu hiện thỏa mãn dừng lại, chưa kiên trì phấn đấu thường xuyên, liên tục. Việc tự đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện thiếu tính kế hoạch, chưa kiên trì chủ động khắc phục khó khăn tồn tại để hoàn thành kế hoạch đã đặt ra.

Về tham gia NCKH: vẫn còn có GVT chưa chủ động, tích cực tham gia NCKH. Ý thức tự giác, năng lực trong nghiên cứu chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Năng lực nắm bắt, phát hiện vấn đề nảy sinh từ thực tiễn để nghiên cứu còn hạn chế, chưa sáng tạo trong NCKH. Một số đề tài, công trình có GVT tham gia nghiệm thu chất lượng thấp, tính ứng dụng chưa cao. Một bộ phận năng lực NCKH có mặt hạn chế, trong đó phải kể đến kỹ năng công bố quốc tế của GVT còn chưa theo kịp với sự phát triển của giáo dục hiện đại.

Có những GVT thiếu tích cực trong học tập, nghiên cứu, phát hiện và đấu tranh với những quan điểm sai trái trên mặt trận chính trị, tư tưởng. Một bộ phận GVT có hành vi giao tiếp và quan hệ xã hội chưa thật hài hòa.

Về nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học: một số GVT trình độ ngoại ngữ, tin học, ứng dụng công nghệ thông tin và các trang thiết bị dạy học hiện đại vào giảng dạy chưa cao; kinh nghiệm thực tiễn chưa nhiều. Từ bảng số liệu (Bảng 3.1.13; Phụ lục 2) trả lời câu hỏi Những hạn chế của ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay, có 308/400 ý kiến (chiếm 77%) cho rằng ĐNGV trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu; 316/400 ý kiến (chiếm 79%) cho rằng một số GVT chưa thực sự cố gắng; 300/400 ý kiến (chiếm 75%) cho rằng: một số GVT có biểu hiện suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và 240/400 ý kiến (chiếm 60%) khẳng định một số GVT chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Về cơ cấu ĐNGV trẻ: qua số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết các năm học của 04 trường cho thấy, cơ cấu ĐNGV trẻ ở các trường sĩ quan chưa thật phù hợp, trong đó cơ cấu thành phần dân tộc chưa đảm bảo, chưa cân đối (Phụ lục 3, 4, 5, 6). Thực tế cho thấy, có những GVT chưa qua dự nhiệm thực tế tương ứng với yêu cầu của bậc đào tạo và đạt chuẩn về chức danh. Cơ cấu về lứa tuổi ĐNGV trẻ giữa các khoa, bộ môn chưa cân đối (Phụ lục 3,4,5,6)

Kết quả công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh chưa đáp ứng được đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới GD&ĐT. Khảo sát thực tế cho thấy, số lượng GVT chưa cân đối, có nơi, có năm không được bổ sung GVT về công tác.

Về cơ cấu trình độ chuyên môn của ĐNGV trẻ chưa cân đối, chưa hợp lý. Số GVT đạt chuẩn chức danh phó giáo sư, chuyên gia đầu ngành cả 04 trường chưa có. Số GVT có trình độ sau đại học, đặc biệt là trình độ tiến sĩ còn ít (Phụ lục 3, 4, 5, 6). Cụ thể:

Trường sĩ quan Lục quân 1 trình độ Tiến sĩ có 7/390 giảng viên trẻ;

Trường sĩ quan Lục quân 2 trình độ Tiến sĩ có 4/376 giảng viên trẻ;

Trường sĩ quan Chính trị trình độ Tiến sĩ có 14/180 giảng viên trẻ;

Trường sĩ quan Thông tin trình độ Tiến sĩ có 13/126 giảng viên trẻ.

ĐNGV trẻ qua thực tế chưa nhiều như: khoa quân sự, khoa quân, binh chủng, nghệ thuật quân sự, khoa khoa học cơ bản..., đến nay tình hình này vẫn chưa được giải quyết, chưa đáp ứng với sự phát triển của công tác GDDT trong quân đội.

Về năng lực tiếp cận của ĐNGV trẻ chưa theo kịp với sự phát triển mạnh mẽ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cuộc Cách mạng công nghiệp này đang diễn ra mạnh mẽ và đặt ra các yêu cầu cao, song ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ vẫn chưa theo kịp, nhất là trình độ ngoại ngữ và khả năng ứng dụng công nghệ vào trong giảng dạy và NCKH; tính khả thi về

trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin của một bộ phận giảng viên chưa đạt được theo yêu cầu chuẩn năng lực, thậm chí một bộ phận nhỏ giảng viên ngoại ngữ vẫn chưa thật sự đạt chuẩn. Hiện nay, việc làm quen với mô hình giáo dục thông minh như: Sư phạm thông minh (Smart pedagogy); giảng dạy thông minh (Smart teaching); trung tâm học liệu, thư viện thông minh (Smart library); công nghệ thông minh (Smart technology); việc học thông minh (Smart e-learning) và khuôn viên thông minh (Smart campus) ... là một trở ngại lớn và khó khăn đặt ra đối với ĐNGV trẻ. Họ khó khăn trong tổ chức các hoạt động sư phạm và tiếp cận với công nghệ giáo dục tiên tiến, các thiết bị thông minh, khai thác tài nguyên mạng và nền tảng số ứng dụng vào trong các trường SQQĐ.

Thứ ba, biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ có thời điểm chưa phù hợp, hiệu quả chưa cao. Cụ thể:

(1) Công tác quy hoạch, tạo nguồn, tuyển chọn ĐNGV trẻ có lúc, có nơi còn hình thức, chưa phù hợp, đồng bộ, chậm đổi mới. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch tạo nguồn chưa tính toán hết những nhân tố tác động, tính khả thi. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch còn thiếu kiên quyết, biện pháp chưa cụ thể, chưa hình thành các lớp kế cận, kế tiếp, dự bị. Vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì ở các khoa trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch tạo nguồn ĐNGV trẻ chưa được phát huy đầy đủ theo phân cấp. Tuyển chọn để tạo nguồn lâu dài, có nơi còn phụ thuộc vào cấp trên, tính chủ động chưa được phát huy đầy đủ.

(2) Công tác đào tạo, bồi dưỡng ĐNGV trẻ đã có nhiều cố gắng nhưng có thời điểm, có nơi chưa được quan tâm đúng mức. Công tác bồi dưỡng tại chỗ đối với ĐNGV trẻ còn những hạn chế, bất cập. Nội dung bồi dưỡng chưa toàn diện, đồng bộ giữa kiến thức, năng lực, phương pháp sư phạm và đạo đức nghề nghiệp. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng chưa đa dạng, linh hoạt,

chưa đáp ứng sự phát triển của thực tiễn. Tính tích cực, tự giác, tự bồi dưỡng của một số GVT chưa cao.

(3) Công tác quản lý GVT ở một số khoa, bộ môn chưa thật hợp lý, hiệu quả, chưa đồng bộ. Chủ yếu mới chỉ tập trung vào khâu quản lý hồ sơ, tại đơn vị, trong giờ hành chính. Chưa có nhiều biện pháp hiệu quả để phối kết hợp giữa quản lý tại đơn vị với tại khu dân cư, nơi sinh sống. Phối hợp với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong quản lý, rèn luyện ĐNGV trẻ mới chỉ ở thủ tục hành chính, vào thời điểm bình xét, phân loại cán bộ, đảng viên cuối năm. Quản lý sau giờ làm việc ở khoa vẫn là khâu yếu, GVT đi đâu, làm gì, quan hệ xã hội ra sao có lúc, có trường hợp chưa nắm được. Nhận xét, đánh giá GVT có cấp ủy, tổ chức đảng còn chung chung. Bố trí, sử dụng có nơi chưa thật hợp lý, chưa chú ý đến phát huy sở trường, hạn chế sở đoản của từng người. Sau khi bố trí, sử dụng ít chú ý việc điều dặt, giúp đỡ, uốn nắn, nên hiệu quả công tác của ĐNGV trẻ chưa cao.

(4) Chính sách đối với GVT có lúc, có nơi chưa được quan tâm đúng mức. Thực hiện chính sách, quy định về nhà ở, nhà công vụ còn gặp nhiều khó khăn, hỗ trợ cho GVT đi nghiên cứu, đào tạo tại các học viện, nhà trường trong và ngoài quân đội chưa đồng bộ, thống nhất. Chính sách hậu phương gia đình đối với GVT còn nhiều bất cập, chậm được đổi mới nên chưa động viên, khuyến khích kịp thời.

(5) Hệ thống chính sách đối với ĐNGV trẻ còn thiếu đồng bộ. Thực tế cho thấy, một số chế độ chính sách còn thiếu đồng bộ, các quy định của Bộ Quốc phòng về trần quân hàm đối với chức danh nghề nghiệp của giảng viên chính còn chưa hợp lý ở một số trường SQQĐ; đối với quyền lợi khi GVT đạt danh hiệu Nhà giáo giỏi cấp Bộ Quốc phòng mới chỉ dừng lại ở việc khen thưởng, chưa có chính sách thăng quân hàm vượt cấp và chưa hỗ trợ kinh phí cho GVT khi có các bài báo khoa học công bố quốc tế.

Chế độ tiền lương, phụ cấp đối với ĐNGV trẻ còn những bất cập, chưa phù hợp, chưa tương xứng với vị trí, vai trò của GVT, chưa tạo ra động lực để thu hút những giảng viên giỏi, góp phần chuẩn hóa và phát triển ĐNGV trẻ. Bậc lương của GVT còn bất hợp lý khi xét trong tương quan với thang, bậc lương của các chức danh cùng loại trong các đơn vị hành chính sự nghiệp của Nhà nước hoặc mức tiền bồi dưỡng vượt định mức giờ giảng của GVT còn thấp (đặc biệt là đối với GVT khi tham gia diễn tập cấp chiến thuật, chiến dịch rất vất vả, căng thẳng nhưng việc thanh toán tiền bồi dưỡng vượt định mức giờ chuẩn theo quy định còn nhiều khó khăn). Chế độ tiền lương, phụ cấp chưa thực sự là thước đo giá trị sức lao động trong môi trường quân sự nhằm tạo động lực giúp ĐNGV trẻ nâng cao tinh thần trách nhiệm và phát huy sức sáng tạo của bản thân. Trên thực tế, đã có GVT do cơ chế chính sách đãi ngộ chưa phù hợp nên đã xin chuyển sang làm công việc khác để giải quyết vấn đề quân hàm và vị trí việc làm, thậm chí có cả giảng viên chuyển ngành ra ngoài quân đội. Điều này, đã ảnh hưởng không nhỏ đến lòng nhiệt huyết gắn bó với nghề sư phạm của một bộ phận GVT, đặc biệt đã làm giảm tỷ lệ thu hút, giữ gìn đối với những giảng viên giỏi, giảng viên có trình độ tiến sĩ, có thành tích và bề dày thực tiễn kinh nghiệm để nâng cao chất lượng ĐNGV trẻ phát triển vững chắc.

Thứ tư, yêu cầu đẩy nhanh quá trình chuẩn hóa ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ nhưng trong công tác tạo nguồn, tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng GVT còn chưa theo kịp.

Công tác chuẩn hóa ĐNGV trẻ đang tiến hành, song chưa xây dựng chuẩn quy trình cho từng khâu nên trong thực hiện vẫn còn nảy sinh những bất cập, nhất là vấn đề tạo nguồn, tuyển chọn ĐNGV trẻ; vấn đề xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng ĐNGV trẻ ở một số trường SQQĐ chưa dựa trên đánh giá tình hình chất lượng thực tế hoặc thực hiện các biện pháp

linh hoạt nên ở một số nội dung còn nhiều bất cập, nhất là vấn đề nguồn đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu, học tập ở nước ngoài, nguồn bồi dưỡng đạt chuẩn chức danh khoa học, chuyên gia đầu ngành để sử dụng lâu dài vì chưa đáp ứng được chuẩn về năng lực ngoại ngữ.

Một số bất cập đang tồn tại lâu nay là thời gian đào tạo ĐNGV trẻ thường kéo dài, ảnh hưởng rất lớn đến sắp xếp, bố trí, sử dụng ĐNGV trẻ, đề cử giảng viên đi đào tạo thạc sĩ, phần lớn đã ở tuổi trên, dưới 30 tuổi; tiến sĩ trên/dưới 40 tuổi, quỹ thời gian lao động sự phạm và cống hiến không nhiều. Nếu tính thời gian để đào tạo và trở thành giảng viên bắt đầu từ trình độ đại học cấp phân đội đến cấp chiến thuật, chiến dịch và đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ sẽ phải mất khoảng từ 10 đến 11 năm; thời gian đào tạo, bồi dưỡng theo chức vụ cũng mất từ 1 đến 2 năm và tổng số thời gian đào tạo, bồi dưỡng thành một người giảng viên đảm bảo theo tiêu chuẩn của Bộ Quốc phòng phải mất từ 12 đến 13 năm (chưa tính ít nhất với thời gian một năm giảng viên phải đi thực tế đơn vị). Thời gian đào tạo, bồi dưỡng ĐNGV kéo dài như vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn, gây gián đoạn đến việc bố trí, sắp xếp, bổ nhiệm, điều động, đề bạt đội ngũ đó, thậm chí cũng không đủ điều kiện, thời gian để đảm bảo các tiêu chuẩn về chức danh nghề nghiệp, chức danh khoa học. Bất cập này đã làm suy giảm chất lượng ĐNGV trẻ và hiệu quả công tác GD&ĐT của các trường SQQĐ.

Việc bố trí, sử dụng giảng viên sau đào tạo còn nhiều trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra; đào tạo chưa gắn với sử dụng ĐNGV trẻ, bố trí trái chuyên ngành đào tạo, bố trí công việc khác chuyên môn còn khá phổ biến, gây nhiều lãng phí trong đào tạo, sử dụng giảng viên.

Thứ năm, môi trường làm việc của các trường SQQĐ chưa thu hút và giữ chân được GVT có trình độ cao mà quân đội chưa đào tạo được.

Phỏng vấn một số GVT ở các trường SQQĐ, một bộ phận giảng viên có trình độ cao cho rằng điều kiện làm việc trong các trường SQQĐ chưa phát

huy hết năng lực của họ, thậm chí có thể làm mai một đi khả năng làm việc ở một số chuyên ngành khoa học cơ bản. Các giảng viên có trình độ cao, đi học ở các nước có trình độ tiên tiến về các trường SQQĐ làm việc chưa thể phát huy được năng lực, sở trường bởi vì thiếu cơ sở vật chất phù hợp để làm việc, đặc biệt là các phòng thí nghiệm công nghệ cao. Chế độ thu hút, đãi ngộ chưa hấp dẫn; mức thu nhập khá thấp và còn bình quân. Do đó, những giảng viên trình độ cao, nhất là những người được đào tạo ở các nước có nền khoa học phát triển thậm chí xin chuyển công tác.

3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, nhận thức của một số lực lượng về vị trí, vai trò của GVT và công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh còn đơn giản. Chưa thường xuyên làm tốt việc khuyến khích, động viên tích cực, phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của GVT trong giảng dạy, NCKH. Chưa chú trọng và quan tâm tạo mọi điều kiện cho GVT đi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học. Đây là nguyên nhân trực tiếp của những hạn chế trong xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ.

Xuất phát từ việc chưa chú trọng, chưa coi đó là nhiệm vụ trung tâm, khâu then chốt trong đổi mới giáo dục, nên việc quan tâm đầu tư nguồn lực cho xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thật sự tương xứng. Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhận thức rõ về vai trò “quyết định chất lượng giáo dục” của đội ngũ giảng viên, nên chưa đưa ra được những giải pháp, đồng bộ, hiệu quả trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ. Sự phối hợp giữa các khoa, cơ quan chức năng có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, một số khó khăn, vướng mắc chậm được tháo gỡ.

Thứ hai, những khó khăn về công tác bảo đảm đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, kết quả công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là nguyên nhân sâu xa, tác động đến công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ. Môi trường hoạt động của GVT ở các trường sẽ quan chủ

yếu thiên về khoa học xã hội và nhân văn; lý luận quân sự hoặc các chuyên môn, chuyên ngành nên hoạt động sư phạm và NCKH có thiên hướng nghiêng về huấn luyện lý luận hoặc thực hành và nghiên cứu cơ bản. Để đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo của các trường sĩ quan, cơ sở vật chất bảo đảm cho huấn luyện được xây dựng mới và bổ sung thêm hệ thống giảng đường, phòng học chuyên dùng.

Điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện dạy học, công tác bảo đảm còn khó khăn cũng ảnh hưởng đến phương pháp sư phạm mà người GVT phải tiến hành trong quá trình sư phạm của mình. Công tác thông tin, thư viện còn những bất cập: hệ thống tài liệu, giáo trình, sách tham khảo chưa đầy đủ và chưa chuyên sâu, chưa đảm bảo cho nghiên cứu, tham khảo... đã tác động đến việc nâng cao trình độ chuyên môn và phương pháp sư phạm của giảng viên trẻ. Mặt khác, các điều kiện về nơi ăn, ở, làm việc cũng có tác động lớn đến ĐNGV trẻ.

Thứ ba, một số GVT ý thức, trách nhiệm chưa cao, chưa thực sự cố gắng phấn đấu vươn lên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Đây là nguyên nhân quan trọng của những tồn tại, hạn chế trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ. Một bộ phận GVT chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm nghề nghiệp, chưa tích cực, tự giác trong rèn luyện, tính “mô phạm”, chưa tích cực, chủ động tự giác, tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực, phương pháp sư phạm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Một số GVT giải quyết mối quan hệ giữa nghĩa vụ và trách nhiệm, cống hiến và hưởng thụ chưa thật hài hòa, thiếu tận tụy với công việc, chưa thực sự tâm huyết với nghề giáo. Một bộ phận nhỏ GVT bị chi phối bởi những lợi ích vị kỷ về vật chất, chưa hết lòng, hết sức vì sự nghiệp GD&ĐT. Điều này, đã dẫn đến những hạn chế, khuyết điểm trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ thời gian qua.

Thứ tư, một số chính sách còn bất cập đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Thực tế cho thấy,

một số chính sách chưa phù hợp đã tác động không tốt đến tâm tư, tình cảm, ý chí của ĐNGV trẻ, dẫn đến có giảng viên còn suy tính thiệt hơn, giảm nhiệt huyết, ngại phấn đấu vươn lên. Cơ chế, chính sách thu hút, khuyến khích ĐNGV trẻ vươn lên vẫn còn bất cập. Một bộ phận chưa thực sự gắn bó với nghề nghiệp, thiếu nhiệt tình trong công tác, ảnh hưởng tới quá trình xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ. Cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các cấp chưa thường xuyên quan tâm, giáo dục, rèn luyện, có cơ chế chính sách thu hút, khuyến khích, động viên phù hợp, đây chính là lực cản lớn đến công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ trong thời gian tới.

Thứ năm, tác động của quá trình phát triển nền kinh tế thị trường và HNQT. Những yếu tố này một mặt mang lại những cơ hội to lớn cho phát triển ĐNGV trẻ và phát triển GD&ĐT nhưng mặt khác để lại những tác hại không nhỏ như: sự phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng trong xã hội đã ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm, lối sống của GVT, tạo nên tâm lý sùng bái vật chất, coi trọng đồng tiền, đặt lợi nhuận cá nhân lên trên hết. Cùng với đó là ảnh hưởng của tệ tham ô, tham nhũng, tình trạng thoái hóa, biến chất của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên trẻ giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống...

Thứ sáu, xuất phát từ sự tự tu dưỡng, rèn luyện của một bộ phận GVT về bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực học tập chưa thường xuyên. Hơn nữa việc chăm lo, xây dựng, bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống cho GVT của cấp ủy, chỉ huy các cấp, tập thể, cơ quan, đơn vị, xã hội có lúc, có nơi thiếu chủ động, tích cực và nhạy bén; những biểu hiện của lối sống không lành mạnh, thoái hóa về đạo đức xã hội chưa được đấu tranh quyết liệt nên có xu hướng diễn biến phức tạp.

Những nguyên nhân trên đã và đang tác động không nhỏ tới công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.

3.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

Từ thực trạng xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ trong thời gian qua; dự báo yếu tố tác động đến xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian tới, trong đó đặc biệt là việc điều chỉnh tổ chức biên chế, sắp xếp lực lượng quân đội theo hướng tinh, gọn, mạnh trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; yêu cầu, nhiệm vụ của các trường SQQĐ, xây dựng hệ thống nhà trường quân đội thông minh, chuyên sâu, hiện đại... trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay có những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu, giải quyết, đó là:

3.3.1 Giải quyết vấn đề giữa yêu cầu nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các lực lượng trong tham gia xây dựng ĐNGV trẻ với thực trạng hạn chế về nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, cán bộ chủ trì về vị trí, vai trò của GVT và công tác xây dựng ĐNGV trẻ.

Trước yêu cầu mới của đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, xây dựng quân đội tinh gọn, mạnh, đặt ra yêu cầu nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, chỉ huy các cấp, các lực lượng về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm, phẩm chất, năng lực, hướng phát triển của ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ. Trong khi đó, một số cấp ủy, cán bộ chủ trì chưa thấy hết được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của ĐNGV trẻ và công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay, nên chưa quan tâm đúng mức đến công tác quy hoạch, tạo nguồn, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách và sử dụng đội ngũ này. Một bộ phận cán bộ quản lý nhận thức còn giản đơn, chưa chủ động tìm nguồn, bồi dưỡng, dìu dắt ĐNGV trẻ. Thiếu chủ động trong tham mưu đề xuất các nội dung, biện pháp phù hợp, hiệu quả để giải quyết vấn đề số lượng, chất lượng và cơ cấu ĐNGV trẻ. Có lúc, có khoa, bộ môn số lượng GVT còn ít, sự hẫng hụt nguồn kế cận, kế tiếp giữa các thế hệ giảng

viên chậm được khắc phục. Điều này, đòi hỏi, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Đảng ủy, Ban Giám hiệu và lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, khoa... ở các trường SQQĐ cần phải không ngừng nâng cao nhận thức, tinh thần, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng tham gia vào quá trình xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vào cuộc của mọi lực lượng, gắn liền với mức độ quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, cán bộ chủ trì các cấp trong toàn quân.

3.3.2. Giải quyết vấn đề giữa nội dung và biện pháp xây dựng với thực trạng hạn chế quy trình tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng ĐNGV trẻ; giữa yêu cầu cao về công tác GD&ĐT trong quân đội và khả năng thích nghi còn hạn chế của GVT với công nghệ, chuyển đổi số trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trong công cuộc đổi mới về công tác GD&ĐT, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch của Trung ương, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng về công tác GD&ĐT nói chung, về xây dựng ĐNGV trẻ nói riêng, các trường SQQĐ đã có sự cố gắng nhằm dần cụ thể hóa vào quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, xác định nội dung và biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ từng bước đáp ứng yêu cầu cao về công tác GD&ĐT trong quân đội. Tuy nhiên, trong thực tiễn, quá trình tổ chức thực hiện còn nhiều bất cập, hạn chế cần được giải quyết thấu đáo, như: công tác quy hoạch, tạo nguồn, tuyển chọn ĐNGV trẻ có nơi còn hình thức, chưa phù hợp, đồng bộ, chậm đổi mới; chưa tính toán hết những nhân tố tác động, tính khả thi; thực hiện quy hoạch, kế hoạch còn thiếu kiên quyết, biện pháp chưa cụ thể, chưa hình thành các lớp kế cận, kế tiếp, dự bị; tuyển chọn để tạo nguồn lâu dài, có nơi còn phụ thuộc vào cấp trên, tính chủ động chưa được phát huy đầy đủ; một số GVT trình độ kiến thức, năng lực chưa thật sự ngang tầm với nhiệm vụ, nhất là khả năng về ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, mô phỏng, chuyển đổi số; năng lực giảng dạy, năng lực NCKH có mặt hạn chế, trong đó phải kể đến kỹ năng công bố quốc tế của GVT còn chưa theo kịp với sự phát triển của giáo dục hiện đại. Từ

những vấn đề bất cập đó, đòi hỏi Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Đảng ủy, Ban Giám hiệu và lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, khoa và tự bản thân mỗi GVT... ở các trường SQQĐ cần xác định đúng nội dung, lựa chọn biện pháp phù hợp trong xây dựng ĐNGV trẻ đạt được mục tiêu đã đề ra. Điều này, sẽ tránh gây ra sự lãng phí, tốn kém và nếu không đạt được yêu cầu, chỉ tiêu đã xác định hệ lụy sẽ rất lớn. Vấn đề đặt ra là phải chú trọng xem xét, đánh giá tính đúng đắn, sáng tạo, thiết thực, tính khả thi trong các nội dung xây dựng và các bước trong quy trình công tác cán bộ, cũng như các hình thức, phương pháp cụ thể từ quy hoạch, kế hoạch, tạo nguồn, tuyển chọn; đào tạo, bồi dưỡng, đến quản lý, đánh giá, sử dụng và thực hiện chính sách đối với ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ.

Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới căn bản toàn diện GD&ĐT và yêu cầu xây dựng ĐNGV trẻ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và cơ cấu. Đòi hỏi, toàn bộ hoạt động xây dựng phải được thể hiện và phản ánh tập trung ở sự chuyển biến, hoàn thiện về số lượng, cơ cấu, phẩm chất, năng lực giảng dạy, NCKH của ĐNGV trẻ. Điều này được hiểu là thước đo trung thực, khách quan đánh giá công tác xây dựng ĐNGV trẻ trên các nội dung: Phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực giảng dạy, NCKH của GVT. Tiếp tục bám sát các tiêu chí đánh giá khách quan, toàn diện mức độ chuyển biến, tiến bộ thông qua các tư liệu, số liệu cụ thể, nhiều kênh thông tin, đánh giá của lãnh đạo, chỉ huy các cấp; cơ quan chức năng, cán bộ, đảng viên, học viên; các tổ chức quần chúng, hội đồng quân nhân và tự đánh giá của chính ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ.

3.3.3. Giải quyết vấn đề giữa lý tưởng hoá các tiêu chí GVT theo tư tưởng Hồ Chí Minh với cách thức đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của GVT hiện hành còn thiên về hình thức hành chính.

Trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ, cấp ủy, chính quyền các cấp ở các trường SQQĐ, thời gian qua, việc đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ

và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của GVT có thời điểm còn thiên về hình thức, hành chính, nhất là vào thời điểm bình xét, phân loại cán bộ, đảng viên cuối năm. Nhận xét, đánh giá GVT có cấp ủy, tổ chức đảng còn chung chung... nên chưa tạo được động lực mạnh mẽ nhằm thúc đẩy ĐNGV trẻ có quyết tâm cao, hoài bão lớn để phấn đấu vươn lên. Vấn đề đặt ra là việc lý tưởng hóa các tiêu chí GVT theo tư tưởng Hồ Chí Minh, làm tiền đề cho việc xây dựng đội ngũ này khách quan, công tâm và thực chất. Do đó, đòi hỏi Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Đảng ủy, Ban Giám hiệu và lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, khoa và tự bản thân mỗi GVT... ở các trường SQQĐ bám sát các tiêu chí xây dựng ĐNGV trẻ; đối với bản thân GVT để có các hình thức, biện pháp đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của GVT. Đồng thời, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống tiêu chí, thước đo về chất lượng, hiệu quả của việc xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ. Các cấp quản lý cần xem xét, đánh giá kết quả giảng dạy của GVT được biểu hiện thông qua số lượng, chất lượng các chuyên đề bài giảng; việc thực hiện định mức giảng dạy hàng năm; năng lực sư phạm, kỹ năng sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học; mức độ tín nhiệm của học viên, đồng nghiệp đối với ĐNGV trẻ. Yêu cầu công tác đánh giá khách quan, chính xác năng lực NCKH và thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, ý thức, trách nhiệm, kết quả tham gia xây dựng các tổ chức, khoa, bộ môn, các hoạt động chung và tự đánh giá của chính bản thân mỗi GVT trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ.

3.3.4. Giải quyết vấn đề giữa yêu cầu phát triển toàn diện GVT theo tư tưởng Hồ Chí Minh với thực trạng hạn chế về điều kiện bảo đảm cơ chế, chính sách đối với ĐNGV trẻ và công tác xây dựng ĐNGV trẻ.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu và lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, khoa ... ở các trường SQQĐ, trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ đã đặt ra những yêu

câu nhằm phát triển toàn diện GVT cả về đức, trí, thể, mỹ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giảng dạy, công tác và NCKH. Tuy nhiên điều kiện bảo đảm cơ chế, chính sách đối với ĐNGV trẻ và công tác xây dựng ĐNGV trẻ còn nhiều tồn tại, hạn chế và bất cập như: nhà ở, bố trí nhà công vụ và kinh phí hỗ trợ cho GVT đi nghiên cứu, đào tạo; chính sách hậu phương gia đình đối với GVT chậm được đổi mới; trần quân hàm đối với chức danh nghề nghiệp của giảng viên chính còn chưa hợp lý; chế độ tiền lương, phụ cấp đối với ĐNGV trẻ còn chưa tương xứng với đóng góp của GVT, để thu hút những giảng viên giỏi, giảng viên có trình độ tiến sĩ, thành tích và thực tiễn kinh nghiệm. Từ những vấn đề bất cập đó, đòi hỏi Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Đảng ủy, Ban Giám hiệu và lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, khoa... ở các trường SQQĐ cần quan tâm, tạo cơ chế, chính sách đối với ĐNGV trẻ và công tác xây dựng ĐNGV trẻ. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách có tính đột phá, chế độ đãi ngộ đối với ĐNGV trẻ; xây dựng một số chế độ chính sách lương, thưởng đồng bộ, phù hợp tính chất hoạt động giảng dạy và hao phí lao động sư phạm của GVT trong môi trường quân sự. Bổ sung và hoàn thiện quy định của Bộ Quốc phòng về trần quân hàm đối với chức danh nghề nghiệp của giảng viên chính; có chính sách khen thưởng kịp thời, phù hợp tạo động lực cho ĐNGV trẻ (phấn đấu danh hiệu Nhà giáo giỏi cấp Bộ Quốc phòng, chính sách thăng quân hàm vượt cấp và hỗ trợ kinh phí cho GVT có bài báo khoa học công bố quốc tế, nhà ở công vụ...) nhằm tạo động lực cho ĐNGV trẻ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Từ những yêu cầu đặt ra, đòi hỏi các trường SQQĐ tiếp tục nghiên cứu, tham mưu đề xuất với Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng căn cứ vào thực tế cùng giải quyết góp phần nâng cao chất lượng ĐNGV trẻ. Chỉ khi giải quyết kịp thời mới tạo động lực cho mỗi GVT phát triển, hoàn thiện các phẩm chất, năng lực, phát huy vai trò, sức mạnh và cống hiến cho sự nghiệp GD&ĐT của các trường SQQĐ trong thời gian tới.

3.3.5. Giải quyết vấn đề giữa mở rộng hợp tác trong xây dựng ĐNGV trẻ với đặc thù của các trường sĩ quan và việc giữ gìn bí mật quân sự.

Mở rộng HNQT, đối ngoại quốc phòng nói chung và mở rộng hợp tác trong xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ nói riêng là xu thế tất yếu của thời đại, tạo ra thời cơ thuận lợi để xây dựng ĐNGV trẻ đảm bảo về số lượng, cơ cấu và chất lượng ngày càng cao. Tuy nhiên, quá trình mở rộng HNQT, đối ngoại quốc phòng, mở rộng hợp tác trong xây dựng ĐNGV trẻ trong tình hình mới cũng tạo ra những nguy cơ làm lộ bí mật đặc thù của các trường sĩ quan và bí mật quân sự. Vì vậy, trong xây dựng ĐNGV trẻ, tiếp tục mở rộng hợp tác trong nước giữa các trường SQQĐ với các trường trong, ngoài quân đội và mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực như: đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, thực tế, thực tập, luân chuyển cán bộ; NCKH, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm về quản lý, phương pháp dạy học, học thuật, chuyển giao công nghệ... và trao đổi giảng viên, nhà khoa học; nâng cao trình độ ngoại ngữ và khả năng ứng dụng công nghệ vào giảng dạy, NCKH, trong tổ chức các hoạt động sư phạm; tiếp cận với công nghệ giáo dục tiên tiến trên thế giới, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong quân đội. Nhưng phải bảo đảm tuyệt đối giữ gìn bí mật quân sự, bí mật đặc thù quân sự của các trường SQQĐ. Chỉ có như vậy, chúng ta mới đạt hiệu quả cao trong HNQT, đối ngoại quốc phòng, mở rộng hợp tác trong xây dựng ĐNGV trẻ mà vẫn bảo đảm bí mật quân sự, bí mật đặc thù quân sự của các trường SQQĐ.

Tiểu kết chương 3

Thời gian qua, công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh của các trường SQQĐ đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế, bất cập cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu so với yêu cầu, nhiệm vụ GD&ĐT trong toàn quân; yêu cầu xây dựng các trường SQQĐ trong tình hình mới.

Nghiên cứu sinh đã tập trung khảo sát, đánh giá công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở 04 trường SQQĐ với các nội dung cụ thể; tập trung khảo sát, đánh giá kết quả đạt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân của nó trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay trên các mặt: về nhận thức, trách nhiệm, năng lực của các chủ thể và lực lượng tham gia vào việc xây dựng ĐNGV trẻ; nội dung, biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ; kết quả thực hiện nhiệm vụ và khả năng đáp ứng yêu cầu của ĐNGV trẻ.

Từ đó, nghiên cứu sinh xác định những vấn đề đặt ra trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay, đó là các mâu thuẫn mang tính bản chất như giải quyết vấn đề: giữa yêu cầu nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các lực lượng trong tham gia xây dựng ĐNGV trẻ với thực trạng hạn chế về nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, cán bộ chủ trì về tầm quan trọng của GVT và công tác xây dựng ĐNGV trẻ; giữa nội dung và biện pháp XD với thực trạng hạn chế quy trình tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng ĐNGV trẻ; giữa yêu cầu cao về công tác GD&ĐT trong quân đội và khả năng thích nghi còn hạn chế của GVT với công nghệ, chuyển đổi số trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; giữa lý tưởng hoá các tiêu chí GVT theo tư tưởng Hồ Chí Minh với cách thức đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của GVT hiện hành còn thiên về hình thức hành chính; giữa yêu cầu phát triển toàn diện GVT theo tư tưởng Hồ Chí Minh với thực trạng hạn chế về điều kiện bảo đảm cơ

chế, chính sách đối với ĐNGV trẻ và công tác xây dựng ĐNGV trẻ; giữa mở rộng hợp tác trong xây dựng ĐNGV trẻ với đặc thù của các trường sĩ quan và việc giữ gìn bí mật quân sự.

Những kết quả nghiên cứu trên đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để nghiên cứu sinh xác định phương hướng và đề xuất các giải pháp cơ bản, phát huy mặt tích cực và khắc phục những tồn tại, hạn chế... nhằm hướng tới XD ĐNGV trẻ “vừa hồng”, “vừa chuyên” theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ trong tình hình mới.

Chương 4

DỰ BÁO YẾU TỐ TÁC ĐỘNG, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI THỜI GIAN TỚI

4.1. DỰ BÁO YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI THỜI GIAN TỚI

4.1.1. Bối cảnh quốc tế

Dự báo những năm tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường; môi trường chính trị, an ninh thế giới, khu vực tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất ổn. Thế giới đang đứng trước bước ngoặt sang cục diện mới, đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện. Vấn đề Biển Đông vẫn tiềm ẩn nhiều bất trắc, khó đoán định; thách thức an ninh phi truyền thống đang trở thành một trong những mối thách thức gay gắt nhất, không thể xem thường. Đối với Việt Nam, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín, vị thế quốc tế của đất nước ngày càng được củng cố, nâng cao; sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta đứng trước nhiều vận hội mới, nhưng cũng gặp không ít khó khăn, thách thức. Âm mưu “Diễn biến hòa bình”, “Bạo loạn lật đổ”, khủng bố của các thế lực thù địch nhằm chống phá cách mạng Việt Nam và chia rẽ quan hệ giữa nước ta với các nước trong khu vực và thế giới.

Tình hình trên đòi hỏi toàn quân phải tiếp tục vận dụng và phát huy vị trí, vai trò của HNQT và đối ngoại quốc phòng trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực để phát triển đất nước. Trong đó, công tác xây dựng hệ thống nhà trường quân đội và xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ là nhiệm vụ quan

trọng trong tình hình mới. Trên bình diện GD&ĐT, HNQT ngày càng sâu rộng, tạo cơ hội cho ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ có điều kiện trao đổi học thuật, gửi đi đào tạo, học tập ở những nước có nền giáo dục tiên tiến. Những nhà quản lý giáo dục có điều kiện học tập kinh nghiệm về công tác xây dựng ĐNGV trẻ, để có bước đi đột phá trong việc nâng cao chất lượng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ.

4.1.2. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xây dựng hệ thống nhà trường quân đội thông minh, chuyên sâu, hiện đại.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động đến công tác GD&ĐT nói chung và công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ nói riêng. Với những thành tựu mới, như: công nghệ mô phỏng thực tại ảo, thực tại tăng cường, in 3D, trí tuệ nhân tạo AI trong kỷ nguyên công nghệ số hiện đại đã không còn là một khái niệm xa lạ, từ việc hỗ trợ các hoạt động hàng ngày đến việc giải quyết những khó khăn, thách thức phức tạp như thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí thông minh của con người, chẳng hạn như học hỏi, suy luận... và thậm chí cả sáng tạo, hơn lúc nào hết, AI đã, đang và sẽ len lỏi vào mọi ngóc ngách của cuộc sống, giúp người học được huấn luyện và đào tạo một cách hoàn toàn khác biệt trong môi trường thực tại ảo, thực tại tăng cường về không gian tác chiến, vũ khí, khí tài, thành phần, lực lượng... cùng môi trường tác chiến khắc nghiệt; xử lý thực hành các tình huống giả định phức tạp về không gian, thời gian, ở cấp độ nguy hiểm, nhạy cảm mà mỗi cán bộ, chiến sĩ trong quân đội phải được rèn luyện để khi tình huống xảy ra có thể tác chiến được ngay.

Những hỗ trợ mạnh mẽ trong công tác huấn luyện quân sự, GDĐT giúp người dạy và người học có cơ hội được huấn luyện, thực hành trong nhiều điều kiện, tình huống tác chiến khác nhau; tiếp thu được kỹ năng, kinh nghiệm phong phú, sẵn sàng đối phó với các tình huống khó khăn, phức tạp

có thể xảy ra. Để tận dụng tốt những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại, các trường SQQĐ cần có chiến lược, lộ trình, mục tiêu, phương hướng rõ ràng, cụ thể trong xây dựng các mô hình nhà trường thông minh theo hướng tiếp cận các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đáp ứng yêu cầu huấn luyện, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong công tác huấn luyện, đào tạo; đẩy mạnh hoạt động NCKH và hội thảo quốc tế ở các trường SQQĐ.

Tiến trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học gắn liền với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học đều có sự chuyển biến mạnh mẽ từ quản trị nhà trường, mô hình, cách thức tổ chức và phương pháp học tập. Đồng thời, là quá trình thay đổi tổng thể, toàn diện từ quản trị nhà trường đến cách thức dạy và học kết hợp (Blended learning) nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay. Công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, đòi hỏi ĐNGV trẻ phải không ngừng nâng cao năng lực giảng dạy như: trình độ chuyên môn gắn với cập nhật tri thức mới; xây dựng và thiết kế bài giảng sinh động, kho học liệu hiện đại; thực hiện phương châm gắn lý luận và thực tiễn; ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy - học và tăng khả năng kết nối giữa người học với người học, giữa giảng viên với người học, giữa giảng viên với giảng viên... trên nền tảng số. Điều này, tác động rất lớn đến công tác xây dựng ĐNGV trẻ “vừa hồng”, “vừa chuyên” trong các trường SQQĐ.

Trong bối cảnh mới, việc xây dựng mô hình nhà trường thông minh, theo hướng tiếp cận những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại hướng tới xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh. Điều này, tác động lớn đến công tác xây dựng nền tảng số nhằm tạo ra hệ thống dữ liệu số, nền tảng số vững chắc, hoạt động hiệu quả, an toàn và tạo ra điều kiện cơ bản

nhằm xây dựng ĐNGV trẻ đảm bảo cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Tác động đến việc sắp xếp hệ thống, tổ chức biên chế đội ngũ các nhà giáo, nhà quản lý giáo dục, ĐNGV trẻ trong các trường SQQĐ theo biểu biên chế mới, bảo đảm tinh gọn, chính quy gắn với phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận và có hệ thống các quy chế, quy định thống nhất làm cơ sở số hóa định danh cá nhân, mã hóa dữ liệu, thông tin quản lý, giúp cho công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ được thực hiện bài bản, khoa học.

4.1.3. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng quân đội trong thời kỳ mới.

Dự báo nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN có sự gia tăng cả về tính chất và phạm vi, nhất là khi nghiên cứu các cuộc xung đột quân sự trên thế giới gần đây, ngày càng đặt ra đòi hỏi yêu cầu cao đối với nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Đặc biệt, khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, các đơn vị quân đội cấp quận, huyện cũng phải chuyển đổi; sáp nhập các tỉnh, thành cũng đặt ra việc kiện toàn bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố; tổ chức lại bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố; thành lập mới các ban phòng thủ khu vực.. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ:

Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó QĐND và Công an nhân dân là nòng cốt... Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Nỗ lực phấn đấu ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển [45, tr.156-156].

4.1.4. Điều chỉnh tổ chức biên chế, sắp xếp lực lượng quân đội theo hướng tinh, gọn, mạnh trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; yêu cầu, nhiệm vụ của các trường SQQĐ.

Người chỉ rõ: Chúng ta phải ra sức xây dựng quân đội ta thành một QĐND hùng mạnh, một quân đội cách mạng tiến lên chính quy và hiện đại, để giữ gìn hòa bình, bảo vệ Tổ quốc. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định:

Xây dựng QĐND, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng QĐND, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ [45, tr.157-158].

Cơ cấu tổ chức và biên chế của quân đội sẽ có những thay đổi lớn; yêu cầu về chất lượng, trình độ học vấn của đội ngũ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng được đặt ra ngày càng cao hơn. Đây là một đòi hỏi lớn đối với các nhà trường quân đội trong đó có các trường SQQĐ. Đòi hỏi số lượng, chất lượng, cơ cấu ĐNGV trẻ phải đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật như giảng đường, nơi làm việc của giảng viên, thư viện sẽ ngày càng hiện đại. Công tác GD&ĐT ở các trường SQQĐ ngày càng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam tiếp nối kỷ nguyên độc lập dân tộc và tự do; kỷ nguyên đổi mới và phát triển kể từ ngày lập Nước (02/9/1945). Điều đó đặt ra những yêu cầu rất cụ thể trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ.

Trước tình hình đó, yêu cầu, nhiệm vụ của các trường SQQĐ đặt ra ngày càng nặng nề và to lớn hơn; đặc biệt là công tác xây dựng ĐNGV trẻ

nhằm nâng cao chất lượng GD&ĐT, NCKH, góp phần xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện. Điều này, đặt ra những đòi hỏi trong công tác xây dựng ĐNGV nói chung, ĐNGV trẻ nói riêng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng các trường SQQĐ trong giai đoạn mới.

4.1.5. Phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Những năm tới, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phải tiếp tục thực hiện thường xuyên, định kỳ, là tình cảm, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ QĐND Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị, “*Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, Thường vụ Quân ủy Trung ương chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng các nội dung về học tập và làm theo Bác gắn với nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương Đảng (khóa XII, XIII) đến cán bộ, chiến sĩ quân đội; kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện thống nhất, đồng bộ trong toàn quân.

Đối với các trường SQQĐ, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một trong những nội dung sinh hoạt thường kỳ của chi bộ và cơ quan, đơn vị, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng. Theo đó, ĐNGV trẻ chủ động đăng ký học tập và làm theo Bác; kết quả thực hiện các nội dung đăng ký là tiêu chí quan trọng trong xem xét đánh giá, phân loại GVT, khen thưởng và bố trí, đề bạt, sử dụng cán bộ hằng năm. Việc học tập và làm theo Bác còn được gắn kết chặt chẽ với phong trào Thi đua Quyết thắng, các cuộc vận động của các cấp, các ngành, nhất là Cuộc vận động Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ”. Từ đó, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị của ĐNGV trẻ trong thời kỳ mới. Đồng thời tạo động lực tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, trình

độ lý luận chính trị, góp phần thiết thực nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI THỜI GIAN TỚI

4.2.1. Phương hướng xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội thời gian tới

Trước hết, phải bám sát vào định hướng phát triển các nhà trường quân đội nói chung và các trường SQQĐ nói riêng. Theo đó, xây dựng ĐNGV trẻ phát triển toàn diện về mọi mặt, được chuẩn hoá theo các tiêu chuẩn quy định. Nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng QĐND Việt Nam theo hướng tinh, gọn, mạnh, tiến lên chính quy, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay, đòi hỏi phải tiếp tục quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đảng, Quân ủy Trung ương về xây dựng, phát triển ĐNNG, nhất là Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và HNQT”.

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định, Đề án, Kế hoạch của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác GD&ĐT đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đặc biệt là Quyết định số 3525/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Đề án “Xây dựng ĐNNG, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo”. Tập trung xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ có “số lượng, cơ cấu hợp lý, chất lượng cao, phù hợp với mục tiêu xây dựng hệ thống nhà trường quân đội chính quy, hiện đại, có hệ

thông bảo đảm và kiểm định chất lượng phát triển tương ứng, hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong tình hình mới” [123, tr.3]. Công tác xây dựng ĐNGV trẻ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc; phẩm chất, đạo đức, lối sống trong sáng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt; có trình độ cao, kiến thức tiên tiến, năng lực toàn diện, tác phong, phương pháp giảng dạy và làm việc chuyên nghiệp, khoa học; có sức khỏe tốt; đảm bảo sự kế thừa, chuyển tiếp vững chắc giữa các thế hệ, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, phát triển khoa học, công nghệ, nhiệm vụ xây dựng QĐND Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Quán triệt mục tiêu, phương hướng xây dựng ĐNGV trẻ theo tinh thần Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về đổi mới công tác GD&ĐT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới; bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và số lượng học viên tăng, giảm hàng năm; tiếp tục phát triển ĐNGV trẻ đủ số lượng; thực hiện quy hoạch và có các giải pháp đồng bộ về tuyển chọn, điều động, luân chuyển và giải quyết tỷ lệ GVT thừa, thiếu đảm bảo đủ số lượng GVT, phân đấu có lực lượng dự trữ phù hợp. Sắp xếp biên chế, tổ chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, loại hình tổ chức đào tạo và tình hình thực tiễn trong các trường SQQĐ để tạo cơ cấu cân đối hợp lý trong ĐNGV trẻ, “có đủ quân số để hoàn thành công tác quản lý, và dạy học, đi đào tạo, bồi dưỡng, đi thực tế và sẵn sàng mở rộng lực lượng khi cần thiết [123, tr.8-9]; gắn điều chỉnh tổ chức biên chế với rà soát bố trí GVT, xây dựng ĐNGV kế cận, kế tiếp nhau giữa các thế hệ, tăng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, chuyên gia đầu ngành.

Thực hiện tốt các khâu, các bước trong công tác xây dựng, phát triển ĐNGV trẻ đảm bảo khoa học, chặt chẽ từ việc quy hoạch, tạo nguồn, tuyển chọn giảng viên đến việc đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng, quản lý, đánh giá và thực hiện chính sách đối với ĐNGV trẻ, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, chất lượng, hiệu quả. Tập trung xây dựng và hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, gắn đào tạo, bồi dưỡng với bố trí, sử dụng; tăng cường kiểm tra siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, phát huy sáng tạo của ĐNGV trẻ. Thường xuyên đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng ĐNGV trẻ tiếp cận sâu rộng về lý luận dạy - học hiện đại. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao số lượng, tỷ lệ nhà khoa học đầu ngành, chuyên sâu, chất lượng cao, nhà giáo có kinh nghiệm thực tiễn, có trình độ tiến sĩ, đạt chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư, danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú; nắm vững, cập nhật, vận dụng tri thức và xu thế phát triển giáo dục tiên tiến trên thế giới thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và công cuộc chuyển đổi số; chủ động phát triển năng lực toàn diện và giá trị cốt lõi của GVT nhằm hướng tới mục tiêu cao cả “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [44, tr.137].

Tập trung nâng cao chất lượng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, lối sống và phong cách làm việc chuẩn mực, được đồng nghiệp, tập thể học viên tin yêu, kính trọng; nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, vững vàng về tay nghề sư phạm, kiến thức thực tiễn, kỹ năng nghề nghiệp; sử dụng thành thạo ngoại ngữ và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, mô phỏng vào hoạt động sư phạm, có “từ 20% đến 30% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế” [123, tr.2], phấn đấu “từ nay đến năm 2030 phấn đấu 100% giảng viên có trình độ sau đại học và đạt chuẩn chức danh theo quy định

(trong đó tiến sĩ đạt 25% trở lên), 100% giảng viên đã qua cương vị chỉ huy, quản lý đơn vị phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo” [121, tr.6]. Đẩy mạnh các hoạt động NCKH và tạo điều kiện tối đa cho ĐNGV trẻ; chú trọng xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, các chuyên gia, đồng thời chủ động nghiên cứu, thực hiện các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; đăng tải và công bố các kết quả nghiên cứu (chú trọng công bố quốc tế), “Khuyến khích ĐNNG, cán bộ quản lý giáo dục NCKH, có nhiều công bố trong nước và quốc tế. Ưu tiên giao các đề tài, nhiệm vụ khoa học cho các nhà trường để phát triển ĐNNG” [123, tr.9]. Kết hợp giữa nâng cao chất lượng GD&ĐT với đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ quân sự.

4.2.2 Giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội thời gian tới

4.2.2.1. Nhóm giải pháp về nhận thức trong xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ

Đây là giải pháp cơ bản, đầu tiên có vị trí quan trọng đối với công tác XD ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ [Phụ lục 2]. Nhận thức đúng mới có hành động đúng và mang lại hiệu quả cao; nếu nhận thức lệch hướng thì hành động không đúng kế hoạch, kết quả không cao. Công tác xây dựng ĐNGV trẻ là hoạt động xây dựng con người mới, gắn với một công việc cụ thể trong môi trường GD&ĐT và mang tính tự giác, tích cực. Do đó, đòi hỏi lực lượng tham gia công tác này phải có nhận thức đúng đắn, đầy đủ, xác định rõ trách nhiệm của mình.

Công tác xây dựng ĐNGV trẻ là nội dung quan trọng hàng đầu trong công tác cán bộ, là công tác của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp ở các trường SQQĐ. Xây dựng ĐNGV trẻ trước hết thuộc về trách nhiệm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường SQQĐ, cấp ủy, chỉ huy các khoa và vai trò của cơ quan chức năng.

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ; công tác phát triển GD&ĐT; công tác xây dựng ĐNGV trẻ trong giai đoạn mới. Các trường sĩ quan tập trung nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các lực lượng, xác định phương hướng, biện pháp cụ thể trong xây dựng ĐNGV trẻ. Cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo, chỉ huy, các lực lượng tổ chức học tập, quán triệt và thực hiện tốt các chuyên đề giáo dục chính trị hàng năm; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và HNQT; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI. Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về đổi mới công tác GD&ĐT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới... Bồi dưỡng thế giới quan và phương pháp luận khoa học, làm cho cho các lực lượng hiểu rõ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của GVT và công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.

Thứ hai, quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định và kế hoạch của các cấp về công tác xây dựng ĐNGV trẻ. Quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định và kế hoạch của cấp trên, Đại hội đại biểu Đảng bộ các trường SQQĐ nhiệm kỳ 2020 - 2025 là các yếu tố chỉ đạo trực tiếp đến quá trình xây dựng ĐNGV trẻ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Trong đó, đặc biệt là quán triệt, thực hiện có hiệu quả Quyết định số 4565/QĐ-BQP ngày 20/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Kế hoạch số 2765/KH-TM ngày 18/9/2023 của Bộ Tổng tham mưu QĐND Việt Nam về triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023 -2030 và những năm tiếp theo”; cấp ủy, tổ chức đảng ở các đảng bộ trường SQQĐ căn cứ vào

chức năng, nhiệm vụ, chủ động quán triệt, cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của cấp trên. Tạo sự thống nhất về nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chỉ huy và đội ngũ cán bộ, đảng viên về công tác xây dựng ĐNGV trẻ. Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ các trường SQQĐ và chi bộ các khoa đều chỉ rõ và cụ thể hóa nội dung, phương hướng, nhiệm vụ, số lượng, chất lượng, cơ cấu xây dựng ĐNGV trẻ của các trường SQQĐ trong từng giai đoạn cụ thể. Quán triệt, giáo dục cho các lực lượng nhận thức sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, quy định và kế hoạch của các cấp, gắn với nhiệm vụ các khoa và của GVT, tất cả để các lực lượng đồng thuận cao trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh thời gian tới.

Thứ ba, đa dạng hóa các nội dung, hình thức và biện pháp giáo dục; quán triệt đảm bảo phù hợp, thiết thực và hiệu quả. Để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các lực lượng đối với công tác xây dựng ĐNGV trẻ các trường SQQĐ cần đa dạng hóa các hình thức, biện pháp cho phù hợp với thực tiễn, như thông qua công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; công tác triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, quy chế, quy định; qua các buổi tọa đàm, hội nghị rút kinh nghiệm. Đổi mới các hình thức, biện pháp kiểm tra, đánh giá như kiểm tra ngay tại giờ lên lớp, tại hội nghị, viết thu hoạch sau mỗi đợt học tập, quán triệt nghị quyết hoặc cuối năm học. Yêu cầu trong kiểm tra phải bảo đảm tính khách quan, độ tin cậy và đánh giá đúng nhận thức của các lực lượng, để kịp thời động viên, phát huy kết quả đạt được, hạn chế nhận thức lệch lạc, thiếu trách nhiệm trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ. Từ đó, lấy kết quả này làm tiêu chí đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua khen thưởng cuối năm học.

Các trường SQQĐ cần tăng cường đổi mới nội dung, hình thức và biện pháp giáo dục, thực hiện kiểm tra toàn diện theo kế hoạch và đợt xuất đối với các khoa, cơ quan, đơn vị trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ. Các khoa, bộ môn cần chú trọng sinh hoạt theo nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc phê và tự phê bình, nhằm nâng cao nhận thức trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ, phát huy vai trò trách nhiệm của GVT trong học tập, rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt.

Trong quá trình thực hiện nhóm giải pháp này, giải pháp thứ nhất *nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ, chiến lược phát triển GD&ĐT, xây dựng ĐNGV trẻ trong giai đoạn mới* là giải pháp tiên quyết. Vì vậy, trong quá trình triển khai các trường SQQĐ cần thực hiện đầy đủ, đồng bộ các giải pháp cụ thể (Mô hình 1), tránh coi nhẹ hay tuyệt đối hóa bất cứ giải pháp nào.



Mô hình 1: Nhóm giải pháp về nhận thức trong xây dựng ĐNGV trẻ

4.2.2.2 Nhóm giải pháp về nội dung và biện pháp xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ

Đây là nhóm giải pháp trọng tâm và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay (Phụ lục 2).

Công tác quy hoạch, tạo nguồn và tuyển chọn đội ngũ giảng viên trẻ

Công tác xây dựng quy hoạch, tạo nguồn và tuyển chọn ĐNGV trẻ cả trước mắt và lâu dài là thể hiện tính tích cực và tầm nhìn xa, khắc phục tình trạng hụt hẫng nguồn GVT. Đồng thời phát huy trách nhiệm và tạo cơ sở thuận lợi để nâng cao chất lượng tạo nguồn, đáp ứng kịp thời nhu cầu bố trí, sử dụng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ.

Thứ nhất, quy hoạch ĐNGV trẻ phải đi trước đón đầu, đáp ứng yêu cầu mới trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Bảo đảm cho công tác xây dựng ĐNGV trẻ có sự chủ động, đáp ứng yêu cầu phát triển của các trường SQQĐ, sự chủ động này bắt nguồn từ nhận thức, chủ động dự báo sự phát triển của tình hình nhiệm vụ. Tầm nhìn của công tác quy hoạch ĐNGV trẻ phản ánh tầm nhìn về sự phát triển của nhiệm vụ GD&ĐT, NCKH của các trường SQQĐ.

Thứ hai, xây dựng quy hoạch phát triển ĐNGV trẻ phải bảo đảm sự kế tiếp vững chắc của các lớp giảng viên. Muốn vậy, phải nghiên cứu, khảo sát nhu cầu, đánh giá cụ thể từng trường hợp, bước phát triển cho từng chức danh, phát hiện nguồn kế cận, dự bị, xác định rõ bước đi cần thiết, tiếp theo cho công tác quy hoạch, tuyển chọn. Công tác này cần phải thực hiện dân chủ, công khai, tạo sự nhất trí cao trong tập thể cấp ủy đối với việc xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ. Xây dựng quy hoạch phải gắn liền với điều hành thực hiện quy hoạch, gắn quy hoạch với tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng hợp lý, phát huy mọi khả năng của GVT. Rõ ràng, các nhà trường chú trọng tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng sẽ tạo ra nguồn chủ động trong quy hoạch, tránh việc tạo nguồn hình thức, dẫn đến hiệu quả thấp, hoặc không còn quy hoạch.

Những năm tới, yêu cầu, nhiệm vụ GD&ĐT và NCKH của các trường SQQĐ tiếp tục phát triển, đòi hỏi về phẩm chất, nhân cách, trình độ, khả năng... của ĐNGV trẻ ngày càng cao. Do đó, phải xây dựng được ĐNGV trẻ thực sự tài năng, tâm huyết với nghề nghiệp và nhiệm vụ GD&ĐT.

Thứ ba, xây dựng quy hoạch ĐNGV trẻ với tạo nguồn cán bộ chủ trì khoa, bộ môn bảo đảm sự liên thông, kế thừa, phát triển. Do đó, trong quy hoạch đội ngũ này phải gắn với quy hoạch tổng thể, đồng thời phải xác lập được cơ cấu tổ chức, số lượng biên chế, định rõ chức danh, nguồn và con đường phát triển thành một quy trình liên hoàn trong tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng. Các nhà trường thực hiện quy hoạch cần chú ý việc luân chuyển, điều động, chuyển chuyển giữa các nhóm, qua đó, tạo ra môi trường mới để GVT không nằm trong diện quy hoạch được phát huy hết khả năng, sở trường của mình cho nghề nghiệp đã lựa chọn.

Đối với những GVT đã qua thực tiễn công tác bộc lộ khả năng nghiên cứu tốt nhưng phương pháp sư phạm còn hạn chế, cần phải có kế hoạch bồi dưỡng, rèn luyện và nâng cao nghiệp vụ sư phạm. Số trợ lý các phòng, ban, cán bộ ở các hệ, tiểu đoàn quản lý học viên cần được thẩm định khả năng sư phạm, nếu đủ tiêu chí làm giảng viên thì tạo điều kiện đi học sau đại học. Sau khi hoàn thành (tốt nghiệp) các khóa đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, những học viên có khả năng sư phạm tốt nên điều về các bộ môn, khoa giáo viên đúng chuyên ngành. Chú ý quy hoạch tạo nguồn cán bộ chủ trì khoa, bộ môn với cơ cấu hợp lý, hình thành ba lớp đương nhiệm, kế cận và kế tiếp. Xây dựng những tập thể đoàn kết, thống nhất, bổ sung cho nhau, bảo đảm tính kế thừa, phát triển liên tục, vững chắc.

Thứ tư, xây dựng và thực hiện quy hoạch ĐNGV trẻ phải thực sự dân chủ, khách quan, đồng bộ và nhất quán. Quy hoạch ĐNGV trẻ là khâu rất quan trọng, do đó phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy đảng các cấp. Bởi vậy, cần phát huy tốt vai trò của cơ quan chức năng, tranh thủ được ý kiến của các nhà khoa học, tổ chức, đoàn thể quần chúng. Tập trung khảo sát đánh giá cụ thể những chức danh đương nhiệm, xác định bước phát triển cho từng chức danh, phát hiện thăm dò, tuyển chọn nguồn kế cận trên cơ sở nghiên cứu tình hình phát

triển, xu hướng biến động của từng nhóm giảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài. Quá trình triển khai và hoàn thiện quy hoạch phải vừa bảo đảm dân chủ, đoàn kết, vừa khuyến khích, động viên ĐNGV trẻ tự tu dưỡng rèn luyện phấn đấu vươn lên. Coi trọng việc chỉ đạo điểm và bồi dưỡng phương pháp tiến hành quy hoạch cho cấp ủy đảng, cán bộ chủ trì các cấp.

Thứ năm, quy hoạch ĐNGV trẻ không chỉ dự kiến chính xác số lượng, cơ cấu mà còn thể hiện nghệ thuật phân tích, đánh giá, phát hiện tài năng sư phạm và NCKH cho các trường SQQĐ. Vì vậy, quá trình tiến hành cần phải kết hợp chặt chẽ giữa sự chỉ đạo, định hướng thống nhất của Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường SQQĐ với dân chủ trong phát hiện đề xuất của các khoa, cơ quan chức năng. Cần kết hợp chặt chẽ giữa phát hiện, thăm dò, tuyển chọn với rèn luyện, thử thách của các khoa, lấy kết quả giảng dạy và NCKH, uy tín trước đồng nghiệp, tầm ảnh hưởng đến các đối tượng học viên làm thước đo chủ yếu. Đối với những GVT dạy giỏi phải là những người am hiểu sâu sắc nội dung chuyên đề bài giảng và có phương pháp sư phạm tốt, có nhiều bài giảng hay, được đa số học viên tín nhiệm, đồng nghiệp thừa nhận. Trong phân tích, đánh giá tài năng NCKH phải căn cứ vào đóng góp trên thực tế của người đó đối với nhiệm vụ NCKH, lấy số lượng, chất lượng công trình, đề tài làm thước đo.

Quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch phải phối hợp giữa công tác đào tạo, bồi dưỡng với công tác bố trí, sắp xếp, sử dụng thực sự khoa học, khắc phục tình trạng hẫng hụt thể hệ lãnh đạo ở các bộ môn và khoa. Trong xây dựng và thực hiện quy hoạch không thể cứng nhắc, công thức, mà phải bổ sung, phát triển thường xuyên. Hàng năm, cần xem xét đánh giá lại quy hoạch, bổ sung quy hoạch: những giảng viên chưa hội tụ đủ các tiêu chí phải đưa ra; ngược lại có những GVT không được dự kiến trong quy hoạch nhưng qua công tác lại khẳng định được khả năng và có triển vọng phát triển cần đưa vào quy hoạch.

Công tác quy hoạch ĐNGV trẻ phải căn cứ vào chuẩn hóa hệ thống chức danh, quy định về học hàm, học vị, trên cơ sở đó định hướng phân đấu cho tất cả các đối tượng. Căn cứ vào tiêu chuẩn do cấp trên quy định về các chức danh, danh hiệu, các trường SQQĐ cần cụ thể hóa thành những yêu cầu cụ thể về phẩm chất, năng lực, điều kiện thời gian công tác, trình độ đào tạo, chất lượng giảng dạy, NCKH làm cơ sở định hướng cho GVT phân đấu.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ

Thứ nhất, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức, thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ đạt chuẩn theo quy định. Các trường SQQĐ chủ động lựa chọn nguồn bổ sung từ học viên tốt nghiệp loại giỏi, khá ở các học viện, trường SQQĐ; cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị quản lý học viên; cán bộ có khả năng phát triển tốt ở các đơn vị cơ sở. Xây dựng, nâng cao vị thế, uy tín của các trường SQQĐ để thu hút nguồn GVT có trình độ sau đại học ở các đơn vị, nghiên cứu sinh, sinh viên giỏi của trường đại học ngoài quân đội có chuyên ngành phù hợp đã tốt nghiệp về các trường SQQĐ công tác.

Thường xuyên đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo nâng cao chất lượng ĐNGV trẻ. Trên cơ sở mục tiêu mô hình xác định, để xây dựng cấu trúc chương trình, nội dung đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, toàn diện, có hệ thống và chuyên sâu. Mặt khác, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay đang đòi hỏi mỗi GVT phải có trí tuệ phát triển cao, làm chủ khoa học kỹ thuật hiện đại đặt ra cho các trường SQQĐ cần tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình đào tạo. Chú trọng đầu tư thích đáng cho mảng kiến thức chuyên ngành, rèn luyện tay nghề sư phạm cho GVT, giúp cho họ vừa có thể dạy tốt môn chuyên ngành, vừa có thể giảng dạy một số chuyên ngành khác.

Chủ động phân hướng đào tạo, bồi dưỡng GVT đạt chuẩn yêu cầu đổi mới giảng dạy và NCKH. Trên cơ sở đánh giá, phân loại, Đảng ủy, Ban

Giám hiệu các trường SQQĐ xác định rõ mục tiêu, lộ trình đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với từng đối tượng. Cấp ủy, chỉ huy khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng toàn diện cho mỗi GVT. Đồng thời, cần vận dụng tốt các hình thức đào tạo, bồi dưỡng.

Từng GVT chủ động xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu. Khoa, bộ môn giao nhiệm vụ, theo dõi, kiểm tra, tạo mọi điều kiện cho GVT hoàn thành kế hoạch. Phối hợp giữa công tác đào tạo tại các học viện, nhà trường với bồi dưỡng trong thực tiễn công tác. Tập trung vào việc bổ túc kiến thức, phương pháp giảng dạy và NCKH, nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ, đạt mức sử dụng thuần thục. Phát huy vai trò tự bồi dưỡng, rèn luyện của mỗi GVT, góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng ĐNGV trẻ, từng bước đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy của các trường SQQĐ.

Thứ hai, tập trung đầu tư kinh phí mở các lớp đào tạo ngoại ngữ, tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng phương pháp sư phạm, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phần mềm cho ĐNGV trẻ. Thời gian tiếp theo, các trường SQQĐ cần thiết kế và tiếp tục triển khai đồng bộ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho ĐNGV trẻ nhằm nâng cao trình độ theo tiêu chuẩn mới; tăng cường chính sách hấp dẫn để thu hút GVT có trình độ ngoại ngữ cao từ các trường khác hoặc từ nước ngoài; đồng thời đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học trong và ngoài quân đội với các tổ chức giáo dục quốc tế... nhằm mở rộng cơ hội cho ĐNGV trẻ tham gia các khóa học và hội thảo quốc tế, trao đổi giảng viên và học viên.

Thứ ba, chú trọng công tác quản lý ĐNGV trẻ và cần tiến hành chặt chẽ, toàn diện. Coi trọng công tác quản lý lập trường tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; trình độ chuyên môn; năng lực công tác, đặc biệt là năng lực giảng dạy và NCKH; năng lực lãnh đạo, chỉ huy đơn vị; phương pháp, tác phong công tác, các mối quan hệ trong và ngoài đơn vị. Kết hợp chặt

chẽ giữa quản lý của các tổ chức với việc tự quản lý của từng GVT. Gắn công tác giáo dục chính trị, tư tưởng với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các khoa, cơ quan chức năng trong tham mưu, đề xuất, quản lý, sử dụng ĐNGV trẻ. Kết hợp công tác giáo dục, quản lý ĐNGV trẻ với quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Thứ tư, thực hiện nghiêm các khâu, các bước trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ. Chú trọng công tác rà soát, phân loại chất lượng làm cơ sở để điều chỉnh, bổ sung, hoàn chỉnh quy hoạch đội ngũ, cả trước mắt và lâu dài. Tăng cường công tác kiểm tra chuyên môn và quản lý chất lượng GD&ĐT, tích cực, chủ động ngăn ngừa các biểu hiện tiêu cực, bệnh thành tích trong ĐNGV trẻ. Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng toàn diện cho ĐNGV trẻ.

Trước yêu cầu mới, đòi hỏi ĐNGV trẻ phải có kiến thức sâu rộng, bản lĩnh chính trị vững vàng, ý chí quyết tâm cao, năng lực và phương pháp, tác phong công tác tốt góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của các trường SQQĐ. Vì vậy, ĐNGV trẻ cần phải được bồi dưỡng một cách chặt chẽ, bảo đảm hội tụ đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn cần thiết để sử dụng theo quy hoạch. Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với bồi dưỡng và tự đào tạo, bồi dưỡng, không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Cấp ủy, chỉ huy các khoa cần kết hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng trong đánh giá, phân loại GVT, làm cơ sở đề đạt với thường vụ Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường về chủ trương, biện pháp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, hiệu quả.

Thứ năm, khuyến khích ĐNGV trẻ tham gia viết sách, tài liệu phục vụ dạy và học. Mỗi GVT cần tích cực nghiên cứu tài liệu có liên quan đến đối tượng và nội dung giảng dạy, thu nhận những kiến thức cần thiết để biên soạn bài giảng. Bài giảng có thuyết phục hay không, phần lớn phụ thuộc vào trình

độ kiến thức, khả năng thao tác tư duy, phương pháp của người GVT. Vì vậy, GVT phải tích cực, thường xuyên biên soạn bài giảng, tài liệu dạy học vừa để dạy học, vừa tiếp nhận thông tin ngược, phát hiện những khuyết điểm, hạn chế từ các sản phẩm do mình sáng tạo ra để kịp thời điều chỉnh, sửa chữa và tái bản giáo trình, tài liệu đó ở các lần tiếp theo.

Xây dựng tiêu chuẩn nhằm chuẩn hóa đội ngũ giảng viên trẻ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra

Đây là giải pháp có vai trò quan trọng, là cơ sở để chuẩn hóa ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ. Phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực của ĐNGV trẻ đạt được là thước đo trung thực, khách quan đánh giá công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ. Vì vậy, cần đánh giá một cách khách quan, toàn diện mức độ chuyển biến, tiến bộ về số lượng, cơ cấu, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực giảng dạy, NCKH của ĐNGV trẻ. Công tác đánh giá chất lượng và kết quả công tác xây dựng ĐNGV trẻ thông qua việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của từng người và cả đội ngũ qua nhiều kênh thông tin như đánh giá của lãnh đạo, chỉ huy các cấp; cơ quan chức năng, cán bộ, đảng viên; các tổ chức quần chúng, hội đồng quân nhân và tự đánh giá của chính ĐNGV trẻ.

Thứ nhất, Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường SQQĐ quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng các tiêu chí bổ sung vào tiêu chuẩn đối với GVT. Nằm trong hệ thống giáo dục đào tạo quốc dân, cũng như các học viện, nhà trường khác trong quân đội, các trường SQQĐ chủ động, tích cực quán triệt và thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quân ủy Trung ương về GD&ĐT; trong đó, chú trọng đề ra chủ trương, biện pháp để chuẩn hóa ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần nâng cao chất lượng GD&ĐT.

Thứ hai, chuẩn hóa đội ngũ ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ nằm trong đổi mới tổng thể, cũng như triết lý giáo dục nước nhà là “dạy người, dạy chữ, dạy

nghe” nhằm phát triển, nâng cao năng lực toàn diện của GVT. Qua đó, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng GD&ĐT, NCKH đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Khi xác định chủ trương, biện pháp chuẩn hóa ĐNGV trẻ, cần gắn với quá trình rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện mục tiêu đào tạo của các trường SQQĐ sát với yêu cầu xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh trong tình hình mới. Mặt khác, theo yêu cầu đổi mới đồng bộ, toàn diện GD&ĐT, việc chuẩn hóa ĐNGV trẻ không chỉ đáp ứng nhu cầu kế thừa, phát triển đội ngũ, hiện đại hóa nội dung, chương trình, đổi mới phương pháp, hình thức dạy học trong điều kiện khoa học, công nghệ phát triển mạnh mẽ mà còn hướng đến xây dựng, hoàn thiện phẩm chất người cán bộ lãnh đạo, chỉ huy của quân đội.

Thứ ba, triển khai và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả nhiều chủ trương, biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ theo hướng chuẩn hóa, gắn với nâng cao chất lượng giảng dạy. Chủ trương xây dựng ĐNGV trẻ theo hướng chuẩn hóa cần được Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường SQQĐ và cấp ủy các cơ quan, khoa giáo viên, đơn vị quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc. Để thực hiện chuẩn hóa đội ngũ này, trên cơ sở các văn bản của cấp trên, các trường SQQĐ cần ban hành và thường xuyên bổ sung tiêu chuẩn chức danh GVT. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để các trường thực hiện công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm; đồng thời là mục tiêu để GVT có kế hoạch tự học tập, phấn đấu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các khoa giáo viên, đơn vị cần chủ động xây dựng quy trình đào tạo dài hạn, phát triển ĐNGV trẻ đi đôi với chú trọng bồi dưỡng họ về các phẩm chất đạo đức, phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, tác phong công tác; ĐNGV trẻ phải tự lập kế hoạch phấn đấu trở thành giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp và đạt danh hiệu giảng viên giỏi các cấp.

Thứ tư, thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng về phương pháp sư phạm, NCKH, tin học, ngoại ngữ; tổ chức cho GVT đi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

ở các học viện, nhà trường trong, ngoài quân đội và ở nước ngoài; đi luân chuyển, dự nhiệm. Xây dựng kế hoạch đưa GVT đi học tập, thực tế chức vụ tại các đơn vị trong toàn quân. Thường xuyên tổ chức cho GVT tham gia các cuộc diễn tập, hội thi, hội thao các cấp; tham gia hội thảo khoa học, hội nghị tổng kết, rút kinh nghiệm; tăng cường tổ chức các hoạt động phương pháp như: giảng thử, giảng mẫu, thi giảng viên giỏi. Qua các hoạt động này, góp phần nâng cao trình độ thực tế, tạo điều kiện để GVT có khả năng tiếp cận trang bị kỹ thuật, phương tiện dạy học hiện đại, ứng dụng vào công tác. Từ đó làm cho công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo hướng chuẩn hóa, kết quả từng bước được nâng cao. Tiến trình chuẩn hóa ĐNGV trẻ cần nêu cao tinh thần trách nhiệm của các lực lượng tham gia.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với đội ngũ giảng viên trẻ

Đây là giải pháp quan trọng tạo động lực để ĐNGV trẻ hoàn thành nhiệm vụ được giao [Phụ lục 7]. Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường SQQĐ cần thực hiện bảo đảm đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng, nhà nước và quân đội đối với đội ngũ này; tạo điều kiện bảo đảm ngày càng tốt hơn điều kiện làm việc, nơi ăn ở, sinh hoạt, cơ sở vật chất giảng dạy và NCKH. Đồng thời, chỉ đạo xây dựng chính sách, khuyến khích ĐNGV trẻ tích cực học tập, phấn đấu vươn lên. Tạo điều kiện để họ mở rộng giao lưu, tham gia vào các chương trình, kế hoạch nghiên cứu, biên soạn giáo trình, tài liệu và giảng dạy ở các học viện, nhà trường trong và ngoài quân đội. Kịp thời khen thưởng đối với GVT có thành tích trong giảng dạy, NCKH; đồng thời, xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm phẩm chất đạo đức, tư cách nghề nghiệp, pháp luật nhà nước, kỷ luật quân đội và các quy định của các trường SQQĐ.

Thứ nhất, kết hợp chặt chẽ giữa công tác đào tạo, bồi dưỡng với xây dựng chính sách, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ĐNGV trẻ yên tâm công tác, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cần có chính sách thỏa đáng trong xây dựng ĐNGV trẻ có trình độ sau đại học, bảo đảm tính vững chắc từng bước

hình thành đội ngũ chuyên gia đầu ngành. Làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, có chính sách khen thưởng xứng đáng đối với GVT lập thành tích xuất sắc. Các nhà trường cần quan tâm, động viên, khuyến khích kịp thời đối với GVT được phong hàm giáo sư, phó giáo sư, được phong tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú, nhà giáo các cấp, tốt nghiệp trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, thực sự là những chuyên gia khoa học đầu ngành. Nhằm tạo động lực to lớn cho họ tin tưởng, gắn bó, cống hiến sức lực và trí tuệ cho sự nghiệp GD&ĐT của quân đội.

Thứ hai, bên cạnh những chính sách chung của Đảng, Nhà nước và quân đội đối với GVT, các trường SQQĐ, các khoa cần có những chủ trương, biện pháp và những chính sách cụ thể quan tâm, chăm lo đến ĐNGV trẻ. Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh một số chính sách đối với GVT sao cho hợp lý, đổi mới, bổ sung cho phù hợp. Chú ý đến những chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ, đảm bảo cuộc sống và vận dụng thực hiện chính sách đối với GVT. Quan tâm, tạo điều kiện hơn nữa cho ĐNGV trẻ về điều kiện ăn ở sinh hoạt, làm việc.

Thứ ba, định hướng, quán triệt cho các lực lượng cần nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò của ĐNGV trẻ - lực lượng “trung tâm” ở các trường SQQĐ. Kịp thời tham mưu đề xuất với cấp ủy, cán bộ chủ trì cấp trên có chủ trương, chính sách phù hợp để tạo động lực cho GVT phấn đấu trở thành những nhà khoa học có uy tín. Tập trung xây dựng chế độ gắn với chức danh GVT, thực hiện tốt chính sách thù lao, khen thưởng với các công trình khoa học có chất lượng tốt. Tranh thủ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện giúp đỡ của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các cơ quan chức năng cấp trên, liên hệ với địa phương tiếp tục tạo điều kiện giải quyết đất ở, nhà ở cho GVT. Tạo điều kiện để GVT hợp lý hóa gia đình, có chính sách ưu tiên trong tuyển dụng vợ, chồng của giảng viên trẻ, nhất là

những người còn khó khăn về việc làm.

Thứ tư, trên cơ sở quy chế về công tác chính sách mà Bộ Quốc phòng đã ban hành, từ tình hình thực tế, các trường SQQĐ cần từng bước bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phù hợp. Thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh, giúp đỡ gia đình GVT gặp khó khăn, hoạn nạn. Hàng năm tổ chức gặp gỡ, động viên, khen thưởng con GVT chăm ngoan, học giỏi. Làm tốt công tác tư tưởng, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để GVT ổn định cuộc sống gia đình và yên tâm công tác. Các cấp lãnh đạo, chỉ huy cần tăng cường hơn nữa đối thoại dân chủ với các khoa giáo viên, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của ĐNGV trẻ để có chủ trương, biện pháp giải quyết cho thỏa đáng, phù hợp, kịp thời, đúng đối tượng.

Thứ năm, có cơ chế, chính sách khuyến khích, phát triển tài năng nhằm thúc đẩy tính tích cực, sáng tạo, tinh thần hăng hái, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp sư phạm của ĐNGV trẻ. Biểu dương, khen thưởng kịp thời những GVT có thành tích cao trong công tác nghiên cứu, giảng dạy, đặc biệt là đối với những GVT có thành tích xuất sắc trong giảng dạy và NCKH. Có chính sách thu hút những sinh viên, học viên giỏi trong, ngoài nhà trường quân đội phù hợp nhu cầu về chuyên ngành, những cán bộ đã qua thực tiễn lãnh đạo, quản lý có triển vọng và khả năng làm công tác nghiên cứu, giảng dạy tốt.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của các lực lượng trong xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ

Đây là giải pháp quan trọng phát huy sức mạnh tổng hợp nhằm tạo cơ sở vững chắc để xây dựng ĐNGV trẻ [Phụ lục 2]. Vì vậy, các tổ chức, lực lượng cần nêu cao tinh thần trách nhiệm góp phần xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh đạt hiệu quả, thiết thực.

Thứ nhất, Đảng ủy, cơ quan chức năng của các trường SQQĐ cần có các chủ trương, biện pháp, cơ chế, chính sách cụ thể để xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh một cách đồng bộ. Trên cơ sở quy hoạch chung, cần chú ý đến tính đặc thù của các khoa, bộ môn, từ quy hoạch, tuyển chọn,

đến đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chế độ, chính sách. Vì vậy, Đảng ủy và cơ quan chức năng cần quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi phát huy tính chủ động của các khoa trong xây dựng ĐNGV trẻ, bảo đảm tính kế thừa và sự chuyển tiếp vững chắc giữa các thế hệ giảng viên.

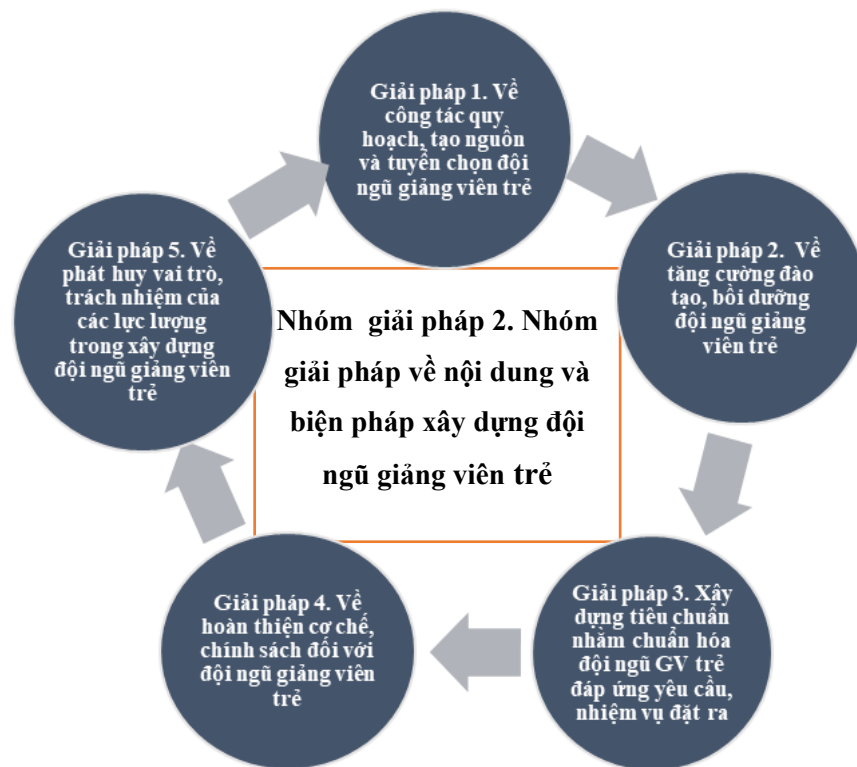
Thứ hai, thường xuyên chỉ đạo, giao nhiệm vụ, xác định chỉ tiêu xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh để cấp ủy các khoa phân đấu, xác định rõ lộ trình thực hiện. Trước tiên, cần xác định khâu trọng tâm, trọng điểm, những vấn đề cấp ủy, chỉ huy các khoa cần tập trung thực hiện dứt điểm, tránh tình trạng lãnh đạo, chỉ đạo chung chung, không thiết thực, kém hiệu quả. Phân công người theo dõi, chỉ đạo, giúp đỡ trực tiếp các khoa, duy trì chặt chẽ các hoạt động theo quy chế. Cần chủ động và thường xuyên tiến hành sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ. Tiến hành kiểm điểm, đánh giá đúng chất lượng, hiệu quả các mặt công tác xây dựng ĐNGV trẻ. Cần phân loại đánh giá chất lượng của từng GVT, mức độ đạt được so với dự kiến quy hoạch ban đầu, hướng phát triển tiếp theo, từ đó bổ sung phương hướng, xác định giải pháp phù hợp với thực tiễn đang vận động.

Thứ ba, phát huy tính tích cực, chủ động, vai trò, trách nhiệm của các bộ môn, khoa giáo viên trong tuyển chọn, bồi dưỡng, sử dụng GVT. Với tư cách là những chủ thể trực tiếp lãnh đạo, quản lý công tác xây dựng đội ngũ thuộc phạm vi, quyền hạn của mình, các khoa cần đề cao trách nhiệm trong việc lựa chọn nguồn bổ sung vào ĐNGV của khoa. Để lựa chọn GVT cần phát huy vai trò của các bộ môn và từng giảng viên trong khoa, kết hợp chặt chẽ với các hệ quản lý học viên đảm bảo khách quan, phù hợp nguyện vọng của cả học viên và các khoa, cơ quan chức năng.

Khoa và bộ môn tổ chức cho GVT trực tiếp tham gia các hoạt động sư phạm để củng cố kiến thức, bản lĩnh sư phạm khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Tổ chức cho GVT tham gia dự giờ của giảng viên trong khoa, nhất là những bài giảng mẫu của các giảng viên giỏi, nhiều kinh nghiệm, giúp

họ củng cố kiến thức chuyên ngành, học hỏi kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm. Khoa và bộ môn tổ chức mạnh dạn giao nhiệm vụ, khuyến khích GVT tham gia NCKH với các mức độ khác nhau. Qua đó sẽ giúp GVT bổ sung những tri thức mới, học hỏi kinh nghiệm, biết cách NCKH. Xây dựng khoa và bộ môn đoàn kết, tạo môi trường để GVT rèn luyện, phấn đấu, tự khẳng định mình, xác định rõ vai trò, trách nhiệm trước tập thể.

Thực hiện nhóm giải pháp này, các trường SQQĐ cần thực hiện đầy đủ, đồng bộ các giải pháp cụ thể (Mô hình 2), tránh coi nhẹ hay tuyệt đối hóa bất cứ giải pháp nào. Có như vậy, mới khai thác và phát huy được vị trí, vai trò tổng thể của mỗi giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các nội dung và biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian tới.



Mô hình 2: Nhóm giải pháp về nội dung và biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ

4.2.2.3. Nhóm giải pháp về tự đào tạo, thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ

Đây là giải pháp có ý nghĩa quyết định đến công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay [Phụ lục 2]. Cấp ủy, tổ chức đảng ở các khoa phải thường xuyên giáo dục cho GVT có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện, thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ. GVT phải xây dựng, thực hiện tốt kế hoạch tự đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, bảo đảm tính khoa học, hiệu quả. Học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, từ đó tự bổ sung, hoàn thiện và chủ động nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện kỹ năng sư phạm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Thứ nhất, thấy được phẩm chất, năng lực được tạo nên bởi nhiều yếu tố, trong đó tự học tập, tự rèn luyện, tự bồi dưỡng giữ vai trò quan trọng đến chất lượng giảng dạy và NCKH của họ. Các trường SQQĐ và các khoa dù có quan tâm đến đào tạo, bồi dưỡng ĐNGV trẻ đến đâu, nhưng nếu từng cá nhân không tích cực, tự giác học tập, tu dưỡng rèn luyện thì không thể có được ĐNGV trẻ có chất lượng tốt. Chính vì vậy, cần tiếp tục chủ động tạo ra những chuyển biến tích cực hơn nữa trong tự đào tạo, tự bồi dưỡng, rèn luyện của từng GVT. Kịp thời khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, tư tưởng trung bình chủ nghĩa, thiếu chí tiến thủ, ngại phấn đấu vươn lên, thiếu tích cực tự học tập, bồi dưỡng, trau dồi tích lũy kinh nghiệm NCKH và dạy học, bắt nhịp với các phương pháp dạy học hiện đại của GVT. Tránh tình trạng lạc hậu về kiến thức, trình độ, kinh nghiệm ở một bộ phận GVT. Để nâng cao chất lượng công tác xây dựng ĐNGV trẻ, bên cạnh việc đề cao vai trò, trách nhiệm của các lực lượng, cần phải nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi GVT trong việc tự học tập, tự bồi dưỡng, rèn luyện.

ĐNGV trẻ phải có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tự đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện. Thông qua đó mà hình thành nhu cầu,

động cơ tự đào tạo, bồi dưỡng và tự rèn luyện. Nếu nhận thức đầy đủ và tận dụng thời gian, điều kiện tốt nhất cho việc tự đào tạo, bồi dưỡng thì chất lượng của đội ngũ từng bước được nâng cao. Mỗi GVT cần nhận thức đúng nhiệm vụ, chức trách và tiêu chuẩn, yêu cầu chất lượng của mình trong tình hình mới. Xây dựng động cơ, nhu cầu phấn đấu, từng thời gian cần xác định rõ nội dung, lập kế hoạch tự bồi dưỡng và rèn luyện hợp lý.

Thứ hai, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tự đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện thực sự khoa học, thiết thực và hiệu quả. Kế hoạch tự đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện là một việc làm thể hiện tính khoa học, cơ sở để GVT phấn đấu đạt được mục tiêu đề ra. Cho nên, cần phải đưa việc xây dựng kế hoạch tự đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện thành nền nếp; bảo đảm thiết thực, cụ thể và đạt hiệu quả cao. Khắc phục tình trạng xây dựng kế hoạch chung chung, hình thức, đối phó. Nhưng kế hoạch dù phù hợp đến đâu cũng chỉ có tác dụng khi nó được chuyển thành hành động cụ thể. Bản kế hoạch được thông qua ở bộ môn và chủ nhiệm khoa phê duyệt. Mỗi giảng viên cần nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch đã đề ra.

Thứ ba, xây dựng, rèn luyện ý chí quyết tâm cao trong việc tự đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện. Đây là công việc khó khăn, phức tạp, lâu dài, do đó cần xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, phát triển chương trình, để mỗi GVT chủ động và có quyết tâm cao để thực hiện kế hoạch đã xác định. Muốn vậy, GVT phải xây dựng đức tính cần cù, nhẫn nại, kiên trì bền bỉ, rèn luyện tác phong của nhà nghiên cứu, không được tự ti, giấu dốt, hoặc thỏa mãn dừng lại, biết kết hợp giữa lý luận với thực tiễn, nhà trường gắn với đơn vị. Từng GVT phải tích cực tự giác, không ngừng học hỏi vươn lên, cập nhật tri thức mới, tránh bị tụt hậu kiến thức, trình độ, biết lắng nghe ý kiến đóng góp, biết tự nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân, để từ đó có kế hoạch tự học tập, rèn luyện, tu dưỡng tự hoàn thiện mình.

Thứ tư, tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc tự đào tạo, bồi dưỡng của ĐNGV trẻ. Phát huy tính tích cực tự giác của mỗi cá nhân là vấn đề

hết sức quan trọng nhưng cũng không thể tách khỏi sự quản lý của tổ chức. Việc tự đào tạo, tự bồi dưỡng, rèn luyện của GVT chỉ đạt được chất lượng và hiệu quả cao khi có sự kết hợp chặt chẽ với sự quản lý của tổ chức. Vì vậy, lãnh đạo, chỉ huy khoa cần xác định chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, NCKH cho từng bộ môn. Cần quy định thành chế độ học tập, nghiên cứu, báo cáo kết quả và tạo môi trường thuận lợi nhất để GVT phấn đấu đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đã đăng ký. Duy trì chặt chẽ chế độ kiểm tra, giám sát, báo cáo, nhắc nhở kịp thời các hiện tượng chậm tiến độ, hoặc không thực hiện theo kế hoạch. Ban hành chế độ, chính sách đúng đắn, động viên, khích lệ sự chuyển biến, tiến bộ phát triển, đồng thời có các biện pháp xử lý thích hợp đối với các cá nhân lười học tập, suy nghĩ, bảo thủ, trì trệ trong giảng dạy, NCKH.

Thứ năm, cán bộ khoa, bộ môn phải gương mẫu, tiên phong trong tự đào tạo, tự bồi dưỡng; xây dựng môi trường sư phạm mẫu mực trong tự đào tạo, tự bồi dưỡng. Tiếp tục xây dựng tác phong giảng dạy, tác phong người chiến sĩ và năng lực nghiên cứu của mỗi giảng viên, tạo môi trường tích cực trong bồi dưỡng, giáo dục GVT. Tránh tình trạng chỉ có số GVT thì hăng hái, còn số giảng viên đã có thâm niên giảng dạy lại tự cho mình ở giai đoạn quá độ, hết khả năng phát triển nên không cần phải học thêm, tự bằng lòng với những gì đã có, dẫn đến lạc hậu so với sự phát triển.

Đối với nhóm giải pháp này, giải pháp thứ hai *chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tự đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện thực sự khoa học, thiết thực và hiệu quả* đóng vai trò trung tâm. Bởi vậy, trong triển khai thực hiện các trường SQQĐ cần thực hiện đầy đủ, đồng bộ các giải pháp cụ thể (Mô hình 3), nhằm phát huy đầy đủ các phẩm chất - các yếu tố chủ quan của ĐNGV trẻ -những sĩ quan trẻ.



Mô hình 3: Nhóm giải pháp về tự đào tạo, thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ

4.2.2.4. Nhóm giải pháp về hợp tác trong xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ

Đây là nhóm giải pháp có ý nghĩa quan trọng tác động đến công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi ĐNGV trẻ - đội ngũ chiến sĩ đầy sức trẻ và sáng tạo phải nhanh chóng thích ứng.

Hợp tác giữa các trường sĩ quan quân đội với nhau và với các cơ quan, đơn vị trong toàn quân

Quán triệt Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo công tác GD&ĐT T đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới khẳng định cần phải gắn nhà trường

với chiến trường và đơn vị; gắn đào tạo với bồi dưỡng và sử dụng, coi chất lượng GD&ĐT của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị; gắn NCKH với thực tiễn để nâng cao chất lượng GD&ĐT; kết hợp chặt chẽ giữa GD&ĐT trong nhà trường với bồi dưỡng tại đơn vị và tự học, tự rèn trong quá trình công tác. Trong thời gian tới, các trường SQQĐ cần tập trung:

Thứ nhất, tăng cường phối kết hợp chặt chẽ giữa các trường SQQĐ với nhau trong nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, làm cơ sở đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy. Thực tiễn tại các trường SQQĐ hiện nay đã và đang nảy sinh những vấn đề rất mới trên nhiều lĩnh vực hoạt động huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng chính quy, công tác đảng, công tác chính trị. Nhiệm vụ đặt ra của các nhà trường là đáp ứng nhu cầu của thực tiễn, của các đơn vị trong toàn quân thông qua GD&ĐT; học viên không chỉ được trang bị đầy đủ, toàn diện những kiến thức cơ bản về chuyên ngành, mà còn phải được bồi dưỡng kỹ năng thực hành các hoạt động ở đơn vị, đảm bảo sau khi tốt nghiệp ra trường có thể đảm nhiệm ngay chức trách, nhiệm vụ được giao. Điều này, đòi hỏi các nhà trường cần phối kết hợp chặt chẽ trên mọi lĩnh vực, góp phần đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng vừa thiết thực, vừa chuyên sâu, tránh trùng lặp về nội dung giữa các bậc học.

Theo đó, cần đổi mới quy trình dạy học cho người học theo hướng tự học, từ đó rèn luyện tinh thần tự giác học tập, nghiên cứu, tìm tòi những nội dung tri thức, kinh nghiệm trong thực tiễn, tự liên hệ với các đơn vị cơ sở bên ngoài. Đồng thời, xác định phương pháp nâng cao hiệu quả trao đổi để người học tham gia tích cực hơn vào hoạt động học tập, thường xuyên trao đổi với người dạy, nhằm rèn luyện tư duy linh hoạt, sáng tạo, bản lĩnh, tự tin trong xử lý những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Thứ hai, chủ động phối hợp nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, bồi dưỡng, chuẩn hóa ĐNGV trẻ. Đây là nội dung quan trọng, có ý nghĩa nền tảng trong nâng cao chất lượng ĐNGV trẻ của các trường SQQĐ cho hiện tại và tương lai. Bởi vậy, cấp ủy, chỉ huy các cấp tiếp tục rà soát, đánh giá thực

chất ĐNGV trẻ làm cơ sở cho việc quy hoạch cán bộ, giảng viên nòng cốt, GVT có năng lực toàn diện... đảm bảo đồng bộ về cơ cấu, hợp lý về độ tuổi, hình thành lớp cán bộ đương nhiệm, có tính kế thừa liên tục, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Thực hiện công tác quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, các trường cần chủ động bố trí GVT trao đổi học thuật, học tập kinh nghiệm giảng dạy, kinh nghiệm NCKH giữa các trường SQQĐ tạo điều kiện nâng cao trình độ, năng lực và kinh nghiệm thực tiễn cho ĐNGV trẻ.

Cần vận dụng linh hoạt các hình thức, biện pháp tạo nguồn đội ngũ cán bộ, giảng viên, trong đó coi trọng lựa chọn những học viên tốt nghiệp loại khá, giỏi, những cán bộ có năng lực, trình độ học vấn, khả năng phát triển lâu dài... từ các trường sĩ quan để tuyển chọn, bồi dưỡng làm giảng viên và đưa vào nguồn quy hoạch ở mỗi trường SQQĐ, bởi ở mỗi trường có nhiều khoa, bộ môn đảm nhiệm các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu góp phần trang bị cho người học những kiến thức toàn diện đáp ứng chuẩn đầu ra các đối tượng đào tạo; hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao sau khi ra trường mình đảm nhiệm.

Thứ ba, tăng cường phối hợp trong xây dựng các chuyên đề giảng dạy theo mục tiêu, yêu cầu nhằm nâng cao trình độ cho ĐNGV trẻ. Để thực hiện nội dung này có hiệu quả, cần đổi mới phương thức, nội dung các chuyên đề giảng dạy thiết thực và hiệu quả hơn. Các khoa, bộ môn cần xây dựng những chuyên đề chuyên sâu về tổng kết thực tiễn, kinh nghiệm tổ chức hoạt động thực tiễn để khái quát thành lý luận. Các chuyên đề nghiên cứu cần được xây dựng trên ý tưởng thống nhất giữa thực tiễn của các đơn vị và khung kiến thức lý luận của nhà trường; đặc biệt là thích hợp với đối tượng người học. Các chuyên đề cần xây dựng từ đòi hỏi thực tiễn, đối tượng quản lý, từ mục tiêu, yêu cầu đổi mới GD&ĐT; đặc điểm, yêu cầu của nghề nghiệp, trình độ của ĐNGV trẻ để các trường SQQĐ xác định hình thức đào tạo bồi dưỡng phù hợp. Tất cả sẽ tạo tiền đề quan trọng nhằm nâng cao khả năng tư duy độc lập, sáng tạo và NCKH, giữa trang bị kiến thức với bồi dưỡng nâng cao tay

nghề cho ĐNGV trẻ. Trên cơ sở đó, các trường sĩ quan có thể phối hợp tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề sư phạm, trao đổi học thuật, tọa đàm khoa học... nhằm bổ sung, nâng cao giá trị khoa học các chuyên đề bài giảng; giúp cho ĐNGV trẻ có điều kiện học hỏi, trau dồi, tích lũy kinh nghiệm, phương pháp sư phạm nhằm không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực giảng dạy, nghiên cứu để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Thứ tư, chủ động phối hợp tổ chức tốt các đợt thực tế, thực tập và luân chuyển ĐNGV trẻ giữ các cương vị lãnh đạo, quản lý, chỉ huy tại các cơ quan, đơn vị trong toàn quân. Mời lãnh đạo, quản lý, chỉ huy tại các cơ quan, đơn vị trong quân đội tham gia giảng dạy, truyền thụ kinh nghiệm thực tiễn, hướng dẫn luận văn, luận án, nghiên cứu khoa học... cho cán bộ, giảng viên, học viên nói chung và cho ĐNGV trẻ nói riêng tại các trường SQQĐ. Hoạt động thực tế, thực tập và luân chuyển ĐNGV trẻ là một khâu quan trọng trong quá trình xây dựng ĐNNG nói chung, ĐNGV trẻ nói riêng tại các trường SQQĐ. Cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các lực lượng có liên quan, nhất là ĐNGV trẻ, khoa giáo viên, đơn vị cơ sở đến thực tế, thực tập, luân chuyển về mục đích các hoạt động này của ĐNGV trẻ, góp phần thực hiện tốt phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”. Phấn đấu đến hết năm 2025 “trên 50% nhà giáo qua cương vị chỉ huy, quản lý đơn vị phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo của từng đối tượng” [23, tr.1]; từ năm 2026 đến hết năm 2030 “trên 75% nhà giáo qua cương vị chỉ huy, quản lý đơn vị phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo của từng đối tượng” [23, tr.2].

Để các hoạt động trên đạt hiệu quả cao cần: (1) sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị và nhà trường trong bố trí cương vị thực tế, thực tập, luân chuyển cho GVT, tạo điều kiện cho GVT được “thử sức”, thể hiện kiến thức đã được tiếp thu trong quá trình tích lũy tại nhà trường. (2) Đối với GVT, trước mỗi đợt thực tế, thực tập, luân chuyển cần được bồi dưỡng những kỹ năng cần thiết trong thực hành chức trách theo cương vị tại các cơ quan, đơn

vị. (3) Đối với các cơ quan, đơn vị nhận GVT đến thực tế, thực tập, luân chuyển phải đề cao trách nhiệm bồi dưỡng kiến thức, phương pháp, kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn cho GVT, mạnh dạn giao nhiệm vụ, tạo điều kiện để ĐNGV trẻ hoàn thành nhiệm vụ thực tế, thực tập, luân chuyển. (4) Đối với GVT thực tế, thực tập, luân chuyển phải có tư duy thực tiễn, kiểm nghiệm những kiến thức được trang bị trong quá trình tích lũy tại trường với thực tiễn phong phú tại cơ quan, đơn vị để tự hoàn thiện bản thân.

Hợp tác giữa các trường sĩ quan quân đội với các trường ngoài quân đội

Trong tình hình mới, việc hợp tác giữa các trường SQQĐ với các cơ sở giáo dục ĐH, CĐ ngoài quân đội có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng trong công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ nhất, các trường SQQĐ phải nâng cao nhận thức cho các lực lượng làm công tác giáo dục, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý về sự cần thiết phải hợp tác nhằm xây dựng ĐNGV trẻ. Đảng ủy, Ban Giám hiệu, cấp ủy, chỉ huy khoa ở các trường SQQĐ cần xem xét và thỏa thuận hợp tác với các nội dung cơ bản như: phát triển các chương trình đào tạo đại học, sau đại học; liên kết tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức vừa học vừa làm, đào tạo từ xa là thế mạnh của mỗi bên; đồng thời, giảng dạy các chương trình hợp tác; công nhận tín chỉ và trao đổi lẫn nhau đối với sinh viên, học viên.

Thứ hai, các nhà trường cần hợp tác, phối hợp trong tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là thế mạnh của mỗi bên; trao đổi giảng viên giữa các nhà trường, học viện theo đúng các quy định của pháp luật; NCKH, đồng tham gia các dự án nghiên cứu trong nước và quốc tế; đồng tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế trong lĩnh vực cơ bản về công tác GD&ĐT, NCKH.

Thứ ba, lãnh đạo các nhà trường cần trao đổi, chia sẻ và đề xuất các kiến tạo kiến thức; khả năng thích ứng; chính sách, giải pháp và định hướng phát triển giáo dục đại học. Trong đó, chú trọng đến những nội dung liên quan công tác quản trị, giảng dạy; khung năng lực quản trị, khung năng lực giảng

dạy; quản lý đại học, phát triển ĐNGV trẻ, nâng cao chất lượng giáo dục đại học, các phương pháp giáo dục mới nhằm góp phần bổ sung, hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu, sứ mạng của mỗi trường; hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; trong đó có công tác xây dựng ĐNGV trẻ tạo đội ngũ kế cận, kế tiếp trong sự phát triển của mỗi nhà trường, đặc biệt là đối với các trường SQQĐ.

Hợp tác quốc tế trong xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ

Đây là giải pháp có vị trí quan trọng trong xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian tới, bởi tính đặc thù của đội ngũ này: trẻ trung, năng động, nhiệt huyết và thích ứng nhanh với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đối với các trường SQQĐ, hợp tác quốc tế về đào tạo học viên quân sự, xây dựng ĐNGV trẻ nhằm giải quyết nhu cầu phát triển khoa học quân sự, đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ cao, trao đổi khoa học quân sự hiện đại, tiếp cận và ứng dụng khoa học quân sự tiên tiến của quân đội các nước, góp phần xây dựng QĐND Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Đây là quá trình nghiên cứu, tìm tòi xây dựng mô hình hợp tác thích hợp, hiệu quả; hoàn thiện nội dung, chương trình nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng GD&ĐT, từng bước nâng cao vị thế, uy tín và năng lực của hệ thống quản lý, xây dựng các trường SQQĐ đạt chuẩn so với khu vực và quốc tế. Đồng thời, bảo đảm tăng cường quan hệ đoàn kết quốc tế giữa QĐND Việt Nam với quân đội các nước, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Thứ nhất, quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về hợp tác đào tạo quốc tế, trong đó có xây dựng ĐNGV trẻ. Trong đó, “Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược hợp tác và HNQT về GD&ĐT. Phấn đấu đưa nước ta trở thành một quốc gia mạnh về GD&ĐT ở khu vực, bắt kịp với trình độ tiên tiến của thế giới, tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế” [44, tr.139-140]. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ĐNGV trẻ của các trường SQQĐ phù hợp với

chiến lược xây dựng và phát triển của quân đội ta trong thời kỳ mới. Quán triệt đường lối đối ngoại của Đảng về mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, theo quan điểm: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực HNQT toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” [44, tr.162], phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển, góp phần củng cố, giữ vững an ninh khu vực và thế giới. Tiếp tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế về quân sự với các nước láng giềng, các nước trong Khối ASEAN, các nước bạn bè truyền thống, các quốc gia phát triển và các tổ chức quốc tế. Thực hiện liên thông, liên kết đào tạo, xây dựng phương thức hợp tác quốc tế về đào tạo ĐNGV trẻ trong bối cảnh HNQT.

Thông qua hợp tác quốc tế về đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ĐNGV trẻ thời kỳ mới, tạo cơ hội cho ĐNGV trẻ hiểu rõ hơn truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước, về đất nước con người, chính sách quốc phòng của Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước, góp phần vào các hoạt động đối ngoại, nhằm nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trên trường quốc tế, tăng cường mối quan hệ hiểu biết lẫn nhau trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác. Đồng thời, giúp cho chúng ta có điều kiện hiểu thêm các quan điểm, chính sách quốc phòng, an ninh, nghệ thuật quân sự của các nước thông qua học tập, trao đổi hội thảo và nghiên cứu thực tế của ĐNGV trẻ.

Thứ hai, đổi mới tư duy trong HNQT về GD&ĐT, xây dựng ĐNGV trẻ. Đây là giải pháp quan trọng trong nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế của các trường đại học ở Việt Nam nói chung và các trường SQQĐ nói riêng trong bối cảnh mới. Điều này, đòi hỏi Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường SQQĐ cần coi hợp tác quốc tế là một trong những bước đi tiên phong để nâng cao chất lượng GD&ĐT của mỗi nhà trường. Các trường SQQĐ cần xây dựng định

hướng rõ ràng và kế hoạch cụ thể để khai thác những cơ hội, nguồn lực và tiềm năng mà hợp tác đào tạo quốc tế mang lại để nâng cao chất lượng GDĐT của nhà trường nói chung và xây dựng ĐNGV trẻ nói riêng; đổi mới tư duy về tổ chức, nhân lực, tài chính của nhà trường theo định hướng thị trường (nhu cầu của người học), trong đó tập trung vào xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, NCKH nhằm góp phần xây dựng ĐNGV trẻ hiệu quả thiết thực.

Thứ ba, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bồi dưỡng trình độ của ĐNGV trẻ; trao đổi thông qua hệ thống học bổng; đầu tư cơ sở vật chất; đổi mới chương trình GD&ĐT. Tiếp tục đề cao vị thế của ĐNNG nói chung và ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ nói riêng, trong khuyến cáo của UNESCO khẳng định, sự tiến bộ trong giáo dục phụ thuộc phần lớn vào trình độ và năng lực của ĐNNG nói chung và vào phẩm chất về mặt nhân văn, sư phạm, kỹ thuật của các cá nhân nhà giáo và vị thế thích hợp của nhà giáo, sự tôn trọng của công chúng đối với nghề dạy học có tầm quan trọng thiết yếu trong việc thực hiện các mục tiêu, mục đích giáo dục.

Các trường đại học ở Việt Nam nói chung và các trường SQQĐ nói riêng, cần đẩy mạnh liên kết đào tạo và trao đổi, giao lưu; các quỹ học bổng, hỗ trợ đào tạo giúp ĐNGV trẻ tiếp cận với môi trường giáo dục tiên tiến của thế giới, góp phần xây dựng hệ thống giáo dục Việt Nam; quảng bá thương hiệu giáo dục của đất nước và của các trường SQQĐ trên trường quốc tế. Hàng năm, cử chuyên gia, GVT thuộc các lĩnh vực khác nhau của các nhà trường sang trường đại học, học viện của các nước trên thế giới học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Đối với các trường SQQĐ, cần tăng cường nâng cấp cơ sở vật chất trường học thông qua việc xây dựng trường, hỗ trợ trang thiết bị GD&ĐT, tư vấn cho các nhà trường trong quá trình đào tạo. Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác

khoa học - công nghệ liên quan đến GD&ĐT thông qua các hình thức trao đổi cán bộ, đào tạo dài hạn và bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn, tổ chức các lớp học chuyên đề, các hội nghị và hội thảo khoa học giữa các nước. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Tăng cường hợp tác và HNQT về khoa học và công nghệ. Đa dạng hóa hợp tác quốc tế, ưu tiên hợp tác với các đối tác chiến lược. Gắn hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh” [44, tr.142]. Tiếp nhận chuyên gia chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy và học tập, tiến tới công nhận lẫn nhau ở một số môn, một số nghề; các công nghệ, trang thiết bị giảng dạy, nghiên cứu; huấn luyện, đào tạo; các công nghệ mới, hiện đại, tiên tiến; vũ khí, trang bị kỹ thuật tối tân nhằm nâng cao khả năng và sự thích ứng làm việc của ĐNGV trẻ trong môi trường quốc tế.

Cần kịp thời, công khai cung cấp thông tin về học bổng của các trường đại học trong khu vực và trên thế giới đến ĐNGV trẻ; cần thực hiện một số chương trình liên kết giữa các trường SQQĐ của Việt Nam với nước ngoài, nhất là các trường quân sự của quân đội các nước mà chúng ta có quan hệ ngoại giao về việc đào tạo cán bộ, học viên đặc biệt là trong những lĩnh vực cần như: Khoa học cơ bản, dầu khí, vật liệu mới, công nghệ sinh học, tự động hóa, y tế... và những lĩnh vực mà các trường SQQĐ cần hợp tác để “đến hết năm 2030, trên 95% nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng” [23, tr.2]; “từ 20 đến 30% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế” [23, tr.2].

Thứ tư, phát huy tính chủ động, tự chủ của các trường trong đa dạng hoá và đẩy mạnh các hoạt động liên kết với các tổ chức, các trường đại học uy tín trên thế giới trong GD&ĐT, xây dựng và phát triển ĐNGV trẻ. Phát huy vai trò tích cực, chủ động của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và đội ngũ cán bộ, giảng viên các trường trong đa dạng hoá và đẩy mạnh hoạt động liên kết với các tổ chức,

trường đại học uy tín trên thế giới về GD&ĐT, xây dựng và phát triển ĐNGV trẻ. Tổ chức rút kinh nghiệm sau mỗi giai đoạn hợp tác để nâng cao hiệu quả liên kết trong tương lai.

Các trường SQQĐ cần xây dựng các chính sách, quy định rõ ràng về hình thức, nội dung, cơ chế hợp tác với các tổ chức, các trường đại học uy tín trên thế giới về GD&ĐT, xây dựng và phát triển ĐNGV trẻ. Tạo điều kiện và khuyến khích các nhà khoa học của trường tham gia và tích cực trong hợp tác với các tổ chức, các trường đại học uy tín trên thế giới trong việc nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, thực hiện NCKH gắn với nhu cầu xã hội. Tạo điều kiện, quan tâm lựa chọn và bồi dưỡng ĐNGV trẻ có nhu cầu và nguyện vọng tham gia vào hoạt động hợp tác với các tổ chức, các trường đại học uy tín trên thế giới về GD&ĐT.

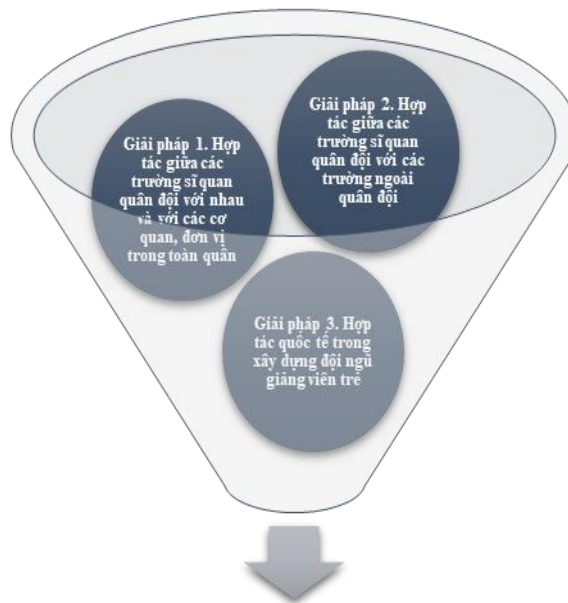
Thứ năm, tập trung xây dựng nội dung, chương trình hợp tác quốc tế phù hợp, tổ chức các chương trình tham quan, nghiên cứu, trao đổi thiết thực và hiệu quả. Trên cơ sở Hiệp định hợp tác quốc tế về đào tạo học viên quân sự trong thời kỳ mới giữa Bộ Quốc phòng Việt Nam ký với Bộ Quốc phòng các nước để xác định rõ nội dung, chương trình đào tạo cho phù hợp. Có thể hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng cho các đối tượng GVT ở các chuyên ngành khác nhau, như: chỉ huy tham mưu cao cấp; sau đại học, ngoại ngữ, văn hóa, luật pháp quốc tế...

Đối với ĐNGV trẻ của quân đội các nước đến Việt Nam, cần kết hợp chặt chẽ giữa học tập, nghiên cứu lý luận với các hình thức huấn luyện khác như: Hội thảo, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn, xử lý một số vấn đề về quốc phòng, an ninh; nghiên cứu, học tập thực tế ở một số cơ quan, đơn vị thuộc quân đội và địa phương của Việt Nam theo các chuyên đề. Coi trọng việc tự học, tự nghiên cứu; chú trọng khuyến khích ĐNGV trẻ tự nêu vấn đề, tự thuyết trình, đề xuất và giải quyết các vấn đề quốc tế. Yêu cầu xây dựng

nội dung, chương trình phải khoa học, đúng quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng, giữ bí mật quân sự và bí mật quốc gia, thể hiện quan điểm đường lối đối ngoại của Đảng và tuân thủ các quy chế đối ngoại của Bộ Quốc phòng. Xây dựng các nội dung giới thiệu, hội thảo, thảo luận rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực phù hợp với những vấn đề đang được trong nước và quốc tế quan tâm; phù hợp với từng đối tượng và hình thức hợp tác cụ thể, nhằm tạo ra sự quan tâm, hứng thú của ĐNGV trẻ quân đội mỗi nước.

Việc tổ chức hợp tác tham quan, trao đổi giữa các trường SQQĐ với quân đội các nước, các viện nghiên cứu là một hình thức tích cực, góp phần nâng cao hiểu biết, tăng cường củng cố lòng tin giữa quân đội các nước, tạo điều kiện cho các GVT có điều kiện nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trong khu vực và trên thế giới. Tạo điều kiện cho ĐNGV trẻ thực tế ở địa phương hoặc một số nước điển hình trên thế giới để nghiên cứu trực tiếp sự phát triển quan điểm tư duy quân sự, chiến lược quốc phòng, quân sự trong thời đại ngày nay, đây cũng là hình thức tăng sức thuyết phục bài giảng. Chuẩn bị các hình thức hợp tác tham quan, nghiên cứu và trao đổi có thể vận dụng, như: Tổ chức các đoàn đại biểu, cá nhân tham quan, nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm, học thuật; tổ chức các đoàn đại biểu hoặc cá nhân tham dự các hoạt động huấn luyện đào tạo, diễn tập, giao lưu GVT nhằm trao đổi học thuật quân sự mà mỗi bên đều quan tâm và mong muốn.

Trong quá trình thực hiện nhóm giải pháp về hợp tác trong xây dựng ĐNGV trẻ; Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các lực lượng ở các trường SQQĐ cần thực hiện đầy đủ, đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp cụ thể (Mô hình 4), tránh coi nhẹ hay tuyệt đối hóa bất cứ giải pháp nào. Trên cơ sở đó, mới phát huy được thế mạnh, tính ưu việt của mỗi giải pháp nhằm đạt kết quả cao nhất trong xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian tới.



**Mô hình 4: Nhóm giải pháp về hợp tác trong xây dựng
đội ngũ giảng viên trẻ**

Mối quan hệ giữa các nhóm giải pháp: Để xây dựng được ĐNGV trẻ theo chỉ dẫn của Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay “vừa hồng, vừa chuyên”; trước tiên, đòi hỏi các trường SQQĐ cần thực hiện đầy đủ, đồng bộ hệ thống các nhóm giải pháp (Mô hình 5); thứ hai, chú trọng nhóm giải pháp trung tâm - nhóm giải pháp 2 về nội dung và biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ; thứ ba, đặc biệt chú trọng vai trò, trách nhiệm và quyết tâm rất cao ở nhóm giải pháp tự đào tạo, bồi dưỡng, thường xuyên nâng cao phẩm chất, năng lực toàn diện của bản thân ĐNGV trẻ. Các nhóm giải pháp đã đề xuất có quan hệ chặt chẽ, làm tiền đề, điều kiện cho nhau trong xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.

Tuy nhiên, các nhóm giải pháp đề xuất có tính chất phương pháp luận chung, định hướng cho các trường SQQĐ. Tùy vào đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ, thực trạng ĐNGV trẻ và công tác xây dựng ĐNGV trẻ của từng trường có thể vận dụng ở những mức độ khác nhau và kết hợp với các giải pháp đặc thù khác phù hợp với thực tiễn.



Mô hình 5: Mối quan hệ giữa các giải pháp xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội

Tiểu kết chương 4

Đội ngũ giảng viên trẻ ở các trường SQQĐ là đội ngũ cán bộ trẻ giảng dạy, nghiên cứu của Đảng trong quân đội; lực lượng nòng cốt góp phần đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ sĩ quan trẻ trong toàn quân. Công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay có vị trí, vai trò rất quan trọng, thể hiện tầm nhìn chiến lược, nhằm nâng cao chất lượng công tác GD&ĐT, góp phần khẳng định vị thế và uy tín của các nhà trường quân đội nói chung và các trường SQQĐ nói riêng trong thời kỳ mới.

Nghiên cứu sinh đã dự báo, phân tích các yếu tố tác động; luận giải, làm rõ phương hướng xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ.

Đề xuất bốn nhóm giải pháp cơ bản nhằm xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian tới, đó là: Nhóm giải pháp về nhận thức trong xây dựng ĐNGV trẻ; Nhóm giải pháp về nội dung và biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ; Nhóm giải pháp về tự đào tạo, thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ; Nhóm giải pháp về hợp tác trong xây dựng ĐNGV trẻ. Các nhóm giải pháp có quan hệ chặt chẽ, tương hỗ, làm tiền đề, điều kiện cho nhau trong xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian tiếp theo.

Công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay là trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chỉ huy các cấp, trước hết là ở các khoa, bộ môn. Để công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian tới đạt hiệu quả cao cần tập trung thực hiện đầy đủ, đồng bộ các giải pháp trên gắn với những giải pháp cụ thể mang tính đặc thù của mỗi trường SQQĐ.

KẾT LUẬN

Chủ tịch Hồ Chí Minh - người đặt nền móng cho việc xây dựng nền giáo dục cách mạng Việt Nam. Trong suốt hành trình, Người luôn quan tâm, chăm lo đến việc phát triển GD&ĐT, trong đó đặc biệt là công tác xây dựng ĐNNG vừa hồng, vừa chuyên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục và sự nghiệp cách mạng trong từng thời kỳ. Những quan điểm của Người về xây dựng ĐNNG đã khẳng định vị trí, vai trò, sứ mệnh của nhà giáo, trong đó có ĐNGV, bởi họ là người quyết định sự thành công nội dung, mục tiêu GD&ĐT. Từ đó, Hồ Chí Minh chú trọng xây dựng ĐNNG phát triển toàn diện về phẩm chất chính trị, đạo đức, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và cơ cấu.

Trong bối cảnh mới, thế giới có nhiều đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG vẫn giữ nguyên giá trị, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại ngày nay. Do đó, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG một cách linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả sẽ giúp nền giáo dục có được đội ngũ những người thầy giáo, cô giáo mẫu mực, tâm huyết góp phần quyết định đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Khẳng định chủ trương đúng đắn, xuyên suốt và nhất quán của Đảng ta: “GD&ĐT cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước” [44, tr.136].

Thời gian qua, thấu triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về xây dựng ĐNNG, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, đề án, dự án... lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác xây dựng ĐNNG quân đội, trong đó có công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Chính vì vậy, đến nay, các nhà trường quân đội nói chung, trường SQQĐ nói riêng đã cơ bản xây dựng được ĐNGV trẻ góp phần thực hiện thắng lợi Phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế, bất cập cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Một bộ phận GVT chưa theo kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ, chuyển đổi số..., chưa đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ GD&ĐT trong toàn quân; yêu cầu xây dựng các trường SQQĐ trong bối cảnh mới. Một số GVT thiếu tâm huyết, tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu, thậm chí có trường hợp vi phạm đạo đức nghề nghiệp hoặc vi phạm pháp luật nhà nước, kỷ luật quân đội. Nhận diện các nguyên nhân của thực trạng bao hàm cả khách quan và chủ quan nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Do đó, việc xây dựng, nâng cao chất lượng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ là một trong những yêu cầu, nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết hiện nay.

Để xây dựng được ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay “vừa hồng, vừa chuyên”; có phương pháp sư phạm vững vàng, ý chí quyết tâm cao, khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, thậm chí phải hy sinh tính mạng của mình để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của người giảng viên, cán bộ trong quân đội, cần thực hiện đầy đủ, đồng bộ và triệt để hệ thống các nhóm giải pháp, trong đó phải chú trọng nhóm giải pháp trung tâm, đó là về nội dung và biện pháp xây dựng ĐNGV trẻ và đặc biệt coi trọng vai trò, trách nhiệm và quyết tâm rất cao ở nhóm giải pháp tự đào tạo, bồi dưỡng, thường xuyên nâng cao phẩm chất, năng lực toàn diện của bản thân ĐNGV trẻ. Các nhóm giải pháp có quan hệ chặt chẽ, làm tiền đề, điều kiện cho nhau trong xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay.

Công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay vừa là vấn đề cơ bản lâu dài, vừa là vấn đề cấp bách trước mắt, là trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chỉ huy các cấp, trước hết là ở các khoa, bộ môn. Thời gian tới, các trường SQQĐ phải vận dụng linh hoạt, sáng tạo các quan điểm trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐNNG, có

như vậy mới khắc phục những hạn chế và yếu kém của ĐNGV trẻ và công tác xây dựng ĐNGV trẻ. Từng bước nâng cao chất lượng ĐNGV trẻ, là điều kiện, tiền đề để nâng cao chất lượng công tác GD&ĐT ở các trường SQQĐ nói riêng và của toàn quân nói chung nhằm “xây dựng QĐND, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ” [44; tr158]. Góp phần “phát triển giáo dục Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và HNQT, lấy chất lượng và hiệu quả đầu ra làm thước đo” [44, tr.137-138], đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

**DANH MỤC CÁC NGHIÊN CỨU ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Đỗ Văn Trung (2024), “Tur tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo và sự vận dụng trong xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 405.
2. Đỗ Văn Trung (2024), “Tur tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo và xây dựng đội ngũ nhà giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 65 (9-10/2024)
3. Đỗ Văn Trung (2024), “Xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ theo Tur tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số Đặc biệt quý IV năm 2024.
4. Đỗ Văn Trung (2024), “Vận dụng Tur tưởng Hồ Chí Minh về “người thầy giáo” vào xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay”, *Tạp chí Lý luận và Truyền thông*, số chuyên đề, số 2 (10/2024).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Anh (2023), (chủ biên), tư tưởng *Hồ Chí Minh về giáo dục và vận dụng vào đào tạo đại học hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Trần Thị Lan Anh (2014), *Chất lượng lao động của đội ngũ trí thức giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
3. Lương Gia Ban (2006), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo*, Nxb Lao động, Hà Nội.
4. Vũ Văn Ban (2015), *Nâng cao năng lực tư duy lý luận của giảng viên trẻ trong các học viện, trường sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*, Nxb quân đội nhân dân, Hà Nội.
5. Bounpone Keophengla (2017), “Các thành phần cơ bản trong khung năng lực nghề nghiệp của giảng viên sư phạm với yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào”, *Tạp chí Quản lý giáo dục*, tập 9, (12), tr. 39-43.
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2024), *Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29 -NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*, Hà Nội.
8. Lê Huy Bình (Chủ biên) (2014), *Đổi mới phương pháp giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh trong các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay*, Nxb quân đội nhân dân, Hà Nội.

9. Thái Huy Bảo (2003), *Phát triển đội ngũ giảng viên bộ môn phương pháp giảng dạy trong các trường, khoa Đại học sư phạm Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và đào tạo - Bộ Nội vụ (2014), *Quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên*, Thông tư liên tịch số 36/2014/TT-BGDĐT- BNV ngày 28/11/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), *Đổi mới giáo dục Việt Nam*, Hà Nội.
12. Bộ Giáo dục và đào tạo, Viện nghiên cứu Phát triển giáo dục (2002), *Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI, kinh nghiệm của các quốc gia*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Bộ Quốc phòng (2016), *Thông tư số 51/2016/TT-BQP, ngày 20/4/2016 của Bộ Quốc phòng ban hành Điều lệ Công tác nhà trường QĐND Việt Nam*, Hà Nội.
14. Bộ Quốc phòng (2017), *Thông tư số 51/2016/TT-BQP, ngày 24/7/2017 của Bộ Quốc phòng về quy định về định mức giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với nhà giáo trong quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.
15. Bộ Quốc phòng (2018), *Quyết định số 889/QĐ-BQP ngày 22/3/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động của hệ thống nhà trường Quân đội trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 giai đoạn 2018-2020 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
16. Bộ Quốc phòng (2018), *Chỉ thị số 89/CT-BQP ngày 04/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc tăng cường tổng kết thực tiễn, công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu gắn với công tác giáo dục, đào tạo của các nhà trường quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.

17. Bộ Quốc phòng (2019), *Quốc phòng Việt Nam 2019* (Sách trắng Quốc phòng), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
18. Bộ Quốc phòng (2020), *Kế hoạch số 1844/KH-BQP ngày 27/5/2020 của Bộ Quốc phòng thực hiện Đề án “Chương trình Quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2030” trong Quân đội*, Hà Nội.
19. Bộ Quốc phòng (2020), *Báo cáo số 3927/BC-BQP ngày 19/10/2020, Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong quân đội giai đoạn 2011-2020*, Hà Nội.
20. Bộ Quốc phòng (2021), *Thông tư số 07/2021/TT-BQP ngày 14/01/2021 của Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.
21. Bộ Quốc phòng (2023), *Đề án “Đổi mới quy trình, chương trình đào tạo cán bộ các cấp trong quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”*, Hà Nội.
22. Bộ Quốc phòng (2023), *Đề án “Tổ chức tuyển sinh đại học, cao đẳng quân sự hệ chính quy giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo”*, Hà Nội.
23. Bộ Quốc phòng (2023), *Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong quân đội giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo”*, Hà Nội.
24. Bộ Quốc phòng (2023), *Thông tư số 166/2023/TT-BQP ngày 29/12/2023 của Bộ Quốc phòng Ban hành Quy chế về Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.
25. Bộ Tổng Tham mưu quân đội nhân dân Việt Nam (2025), *Khung năng lực giảng dạy của giảng viên giảng dạy trình độ đại học tại các học viện, trường quân đội*, Hà Nội.

26. Lại Văn Chính (2004), *Nghiên cứu và dự đoán tiềm năng phát triển của giảng viên dựa trên các đặc tính nghiệp vụ và hồ sơ cá nhân làm cơ sở xây dựng chương trình phát triển Đội ngũ giảng viên*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
27. Nguyễn Hữu Công (2001), tư tưởng *Hồ Chí Minh về phát triển con người toàn diện*, Luận án tiến sĩ Triết học, Hà Nội.
28. Nguyễn Đình Công (2002), *Suy nghĩ về chức năng của người thầy theo lời Bác Hồ*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
29. Đỗ Minh Cương, Nguyễn Thị Giang (2001), *Phát triển nguồn nhân lực đại học Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Nguyễn Ngọc Cường (2022), *Chất lượng đội ngũ giảng viên ở các học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng, quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Hà Nội.
31. Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Phương Nga (2006), *Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí đánh giá hoạt động giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học của giảng viên trong Đại học quốc gia*, Đề tài trọng điểm cấp Đại học quốc gia, Hà Nội.
32. Cục Nhà trường (2020), *Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, phương hướng nhiệm vụ năm học 2020-2021*, Hà Nội.
33. Cục Nhà trường (2021), *Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022*, Hà Nội.
34. Cục Nhà trường (2022), *Báo cáo tổng kết năm học 2021-2022, phương hướng nhiệm vụ năm học 2022-2023*, Hà Nội.
35. Cục Nhà trường (2023), *Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023, phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024*, Hà Nội.
36. Cục Nhà trường (2024), *Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, phương hướng nhiệm vụ năm học 2024-2025*, Hà Nội.

37. Phùng Mạnh Cường (2023), “Đào tạo đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn quân sự theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, số 63, tr.42-43, 65.
38. Lê Trung Chinh (2015), *Phát triển đội ngũ giáo viên trung học phổ thông thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
39. Nguyễn Văn Chính (2019), “Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho giảng viên mới trong các nhà trường Quân đội”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, số 12, tr.32-34.
40. Nguyễn Quang Trung (2024), “Xây dựng đội ngũ giảng viên Trường Sĩ quan Lục quân 1 theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, số 2, tr.22-26
41. Nguyễn Thế Dân (2016), *Phát triển ĐNGV các trường đại học sư phạm kỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
42. Đinh Công Dũng (2019), *Xu hướng nghề nghiệp của giảng viên trẻ trong nhà trường Quân đội*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
46. Đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 1 (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Trường Sĩ quan Lục quân 1 lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025*, Hà Nội.
47. Đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 2 (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Trường Sĩ quan Lục quân 2 lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025*, Đồng Nai.

48. Đảng bộ Trường Sĩ quan Chính trị (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Trường Sĩ quan Chính trị lần thứ X, nhiệm kỳ 2020-2025*, Hà Nội.
49. Đảng bộ Trường Sĩ quan Thông tin (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Trường Sĩ quan Thông tin lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025*, Khánh Hòa.
50. Đảng ủy Quân sự Trung ương (1998), *Nghị quyết số 94/ĐUQSTW về xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội trong thời kỳ mới*, Hà Nội.
51. Bùi Minh Đức (2023), “Tăng cường bồi dưỡng động cơ phấn đấu cho đội ngũ sĩ quan trẻ ở đơn vị cơ sở trong Quân đội”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, số 56, tr.69-71.
52. Nguyễn Văn Đệ (2010), *Phát triển đội ngũ giảng viên các trường đại học ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Đại học giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
53. Võ Nguyên Giáp (2000), *tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Phạm Thanh Giang (2019), *Phát triển nguồn lực giảng viên khoa học xã hội và nhân văn chất lượng cao trong các học viện quân đội hiện nay*, NXB quân đội nhân dân, Hà Nội.
55. Ngô Văn Hà (2009), “Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò và nhiệm vụ của người thầy giáo”, *Tạp chí giáo dục*, Hà Nội, tr.12-15.
56. Ngô Văn Hà (2013), *tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy và việc xây dựng đội ngũ giảng viên đại học hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Ngô Văn Hà (2024), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và sự vận dụng trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 405, tr.23-29.
58. Phạm Minh Hạc (2002), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục”, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

59. Nguyễn Minh Hải (2019), *Xây dựng đội ngũ giảng viên các trường đại học ở Tây Nguyên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
60. Võ Văn Hải (2017), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và trong sự nghiệp cách mạng”, *Tạp chí Giáo dục lý luận Chính trị Quân sự*, (2), tr.8 - 12.
61. Lê Thị Hồng Hạnh (2020), “Một số vấn đề lý luận về nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đại học”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, (293), tr.61-64.
62. Lương Thanh Hân (2011), *Phát triển bản lĩnh chính trị và tri thức khoa học của giảng viên trẻ khoa học xã hội và nhân văn ở các nhà trường sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
63. Nguyễn Đức Hiền, (2013), “Phát triển nguồn nhân lực giảng viên của trường Đại học Kinh tế quốc dân hướng tới mục tiêu trở thành đại học nghiên cứu”, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, số tháng 11/ 2013, tr. 8-19.
64. Đào Duy Hiệp (2024), “Nâng cao chất lượng thực hành đạo đức của đội ngũ giảng viên ở các nhà trường quân đội giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (12), tr.18-24.
65. Lê Thị Thanh Hoa (2008), “Xây dựng đội ngũ giáo viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ An*, (137), tr.12-15.
66. Học viện Chính trị Quân sự (2012), *Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở Học viện Chính trị thời kỳ mới*, Nxb quân đội nhân dân, Hà Nội.
67. Cấn Xuân Hùng (2023), “Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, (56), tr.31-33.
68. Trần Văn Hùng (2016), “Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn của Học viện Chính trị hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục lý luận Chính trị Quân sự*,(3), tr.85 - 87.

69. Trần Thu Hương (2016), *Nâng cao năng lực tư duy lý luận của giảng viên trẻ trong các học viện, trường sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*, Nxb quân đội nhân dân, Hà Nội.
70. Nguyễn Thị Hiền, (2022), “Xây dựng đạo đức nhà giáo hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (51), tr.87-91.
71. Nguyễn Bá Hùng (2009), *Hệ thống biện pháp giáo dục phẩm chất nghề nghiệp sư phạm cho học viên đào tạo giáo viên khoa học xã hội và nhân văn ở Học viện Chính trị hiện nay*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
72. Ngô Văn Hưng (2023), “Một số giải pháp nâng cao năng lực sư phạm cho ĐNGV trẻ khoa học xã hội và nhân văn ở các nhà trường quân đội hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Chính trị Quân sự*, (05), tr.56-58.
73. Nguyễn Văn Hoà (2007), *Phát huy tính tích cực của đội ngũ giảng viên trong các trường sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam*, Luận án tiến sĩ triết học, Học viện Chính trị quân sự, Hà Nội.
74. Nguyễn Huy Hoan, Nguyễn Xuân Thông, Nguyễn Thị Minh Hương, Phạm Thị Lai, Nguyễn Thanh Nga (1995), *Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
75. Bùi Thanh Huyền (2024), “Nâng cao chất lượng công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện kỷ luật đối với cán bộ, giảng viên trẻ ở Khoa Tài chính/Học viện Hậu cần hiện nay”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, (74), tr.55 - 57.
76. Nguyễn Thị Thu Hương (2012), “Xây dựng đội ngũ giảng viên trong trường đại học - Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, (28), tr.25-28.
77. Bùi Mạnh Hùng (2005), “Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho nhà giáo quân đội”, *Tạp chí Nhà trường Quân đội*, (3), tr.17-20.

78. Nguyễn Tiên Hùng (2013), “Đổi mới căn bản và toàn diện quản lý giáo dục Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, (94), tr.13-16.
79. Nguyễn Quốc Hưng (2018), *Quản lý đào tạo giảng viên khoa học xã hội và nhân văn theo tiếp cận đảm bảo chất lượng ở các trường đại học trong quân đội*, Luận án Tiến sĩ quản lý giáo dục, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
80. Ken Bain (2008), *Phẩm chất của những nhà giáo ưu tú* (Nguyễn Văn Nhật dịch), Nxb Văn hóa Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh.
81. Lê Ngọc Khuyến (2023), “Bồi dưỡng phong cách làm việc dân chủ Hồ Chí Minh cho đội ngũ sĩ quan trẻ ở các học viện, trường SQQĐ hiện nay”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, (59), tr.42-44.
82. Phan Văn Kha, “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (99), tr.19-22.
83. Khonsavan Phimmason (2019), “Công tác tuyển dụng giảng viên ở các Học viện trong Quân đội nhân dân Lào”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, (14), tr.87-88.
84. Nguyễn Thị Lan (2015), “Xây dựng đội ngũ nhà giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Mặt trận*, (139).
85. Đặng Sĩ Lộc (Chủ biên) (2017), *Xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ khoa học xã hội nhân văn trong các nhà trường quân đội hiện nay*, Nxb quân đội nhân dân, Hà Nội.
86. Nguyễn Trần Long (2017), “Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trong các nhà trường Quân đội hiện nay”, *Tạp chí Quân huấn*, (588), tr.16-18.
87. Nguyễn Lâm (1990), *Hồ Chủ tịch - Nhà giáo dục vĩ đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

88. Kham Phounvong Nouanphet (2017), *Đánh giá giảng viên đại học nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Luận án Tiến sĩ khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội.
89. Phạm Văn Linh (Chủ biên) (2015), *Định hướng chiến lược, giải pháp đột phá nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Lênin (1974), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
91. M.V.Kibakin (2011), “*Nghiên cứu chất lượng cuộc sống của cán bộ giảng dạy của các cơ sở giáo dục quân sự trong quân đội Nga*”, Luận án Tiến sĩ, Học viện Quân sự Frunze, Liên bang Nga.
92. Đặng Huỳnh Mai (2006), “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng ĐNNG Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”, trong Lê Văn Yên, chủ biên, *tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*, Nxb Lao động, Hà Nội.
93. Nguyễn Hoa Mai (2018), “*Quan niệm quốc tế về vị thế nhà giáo và nâng cao vị thế nhà giáo ở Việt Nam*”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (12), tr.49-54.
94. Phạm Xuân Mát (2008), *Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa học xã hội nhân văn ở Học viện Chính trị Quân sự hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Học viện, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
95. Nguyễn Thiện Mỹ (2010), “*Xây dựng đội ngũ giảng viên các bộ môn khoa học quân sự ở Học viện Chính trị hiện nay*”, *Tạp chí Giáo dục lý luận Chính trị Quân sự*, (3), tr.65 - 67.
96. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
97. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
98. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

99. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
100. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
101. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
102. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
103. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
104. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
106. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
107. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
108. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
109. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
110. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
111. Nghị quyết số 769-NQ/QUTW ngày 21/12/2012 của Quân ủy Trung ương về xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội giai đoạn 2013 – 2020 và những năm tiếp theo, Hà Nội.
112. Nguyễn Văn Oanh, (2023), “Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội “tinh, gọn, mạnh” trong tình hình mới”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, (59), tr.16-19.
113. Lã Hồng Phương (2023), “Bồi dưỡng năng lực giảng dạy cho giảng viên ở các nhà trường Quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, (60), tr.46-48.
114. Lê Thanh Phong (2019), “Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên ở các học viện, trường sĩ quan quân đội đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo”, *Tạp chí Giáo dục Lý luận Chính trị quân sự*, (5), tr.86-89.
115. Lê Thanh Phong (2021), “Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các học viện, trường sĩ quan quân đội”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, (31), tr.64-66.

116. Quan Vân Phi (2009), *Nghiên cứu mô hình quản lý nguồn nhân lực giảng viên đại học*, Nxb Đại học Trung Nam, Trung Quốc.
117. Nguyễn Quang Phát (2001), *Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học của Học viện Chính trị quân sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Học viện, Học viện Chính trị quân sự Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
118. Phukhaokham ThiKeo (2021), *Phát huy nhân tố chủ quan của đội ngũ giảng viên trong đào tạo sĩ quan ở các học viện quân đội nhân dân Lào hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
119. Lý Việt Quang (Chủ biên) (2017), *tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
120. Trần Mạnh Quân (2025), “Nâng cao uy tín nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên trẻ ở các học viện, nhà trường quân đội hiện nay”, *Tạp chí thanh niên Việt*, (5), tr.15-20.
121. Quân ủy Trung ương (2019), *Nghị quyết số 109-NQ/QUTW ngày 11/02/2019 của Quân ủy Trung ương về xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội, nhất là cán bộ cấp chiến dịch, chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.
122. Quân ủy Trung ương (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI*, Hà Nội.
123. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW ngày 20/12/2022 về đổi mới công tác giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới*, Hà Nội.
124. Trần Thanh Sơn (2019), “Mấy vấn đề về công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên ở các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay”, *Tạp chí Quốc phòng Toàn dân*, (1), tr.97-99.
125. Nguyễn Văn Tài (2004), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và phát huy nhân tố con người”, *Tạp chí Triết học*, (2), tr.11 - 14.

126. Trần Hậu Tân (2017), *Nâng cao năng lực sư phạm của ĐNGV trẻ trong các nhà trường quân đội*, NXB quân đội nhân dân, Hà Nội.
127. Tạ Ngọc Tấn (Chủ biên) (2017), *Từ điển Hồ Chí Minh học*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
128. Đinh Quang Thành (2018), *Xây dựng đội ngũ giáo viên trong thời kỳ đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
129. Song Thành (Chủ biên) (2005), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
130. Trần Văn Thơi (2018), “Bồi dưỡng kỹ năng sư phạm cho giảng viên trẻ ở các học viện, trường sĩ quan quân đội”, *Tạp chí Giáo dục lý luận Chính trị Quân sự*, (1), tr.61 - 63.
131. Nguyễn Quang Trung (2015), *Phát huy vai trò đội ngũ giảng viên trong đổi mới giảng dạy các môn lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
132. Nguyễn Xuân Trường (2007), *Bồi dưỡng năng lực giảng dạy của đội ngũ giảng viên trẻ khoa học xã hội nhân văn ở Học viện Chính trị quân sự hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Học viện, Học viện Chính trị Quân sự Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
133. Trần Đình Tuấn (2012), *tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*, Nxb quân đội nhân dân, Hà Nội.
134. Nguyễn Danh Tuấn (2013), “Giảng viên - “chìa khóa” mở cánh cửa chất lượng đào tạo đại học, cao đẳng”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, số tháng 11, tr. 36-38.
135. Phạm Văn Thuận (2009), *Quản lý đội ngũ giảng viên trong đại học đa ngành, đa lĩnh vực ở Việt Nam theo quan điểm tự chủ và trách nhiệm xã hội*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Đại học quốc gia Hà Nội.

136. Nguyễn Đăng Tiến (2002), “Hồ Chủ tịch và vấn đề xây dựng đội ngũ giáo viên” trong Phan Ngọc Liên, Nguyễn An (2002), *Bách khoa thư Hồ Chí Minh sơ giản*, tập 1: Hồ Chí Minh với Giáo dục - Đào tạo, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
137. Vũ Thanh Tùng (2023), “Xây dựng đội ngũ nhà giáo Quân đội đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo trong tình hình mới”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, (55), tr. 59-61.
138. Lê Huy Tuynh (2024), “Nâng cao chất lượng đào tạo “nguồn nhân lực chất lượng cao” ở các nhà trường Quân đội hiện nay”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, (68), tr.66 - 68.
139. Thái Duy Tuyên (2013), *Triết học giáo dục Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
140. Phan Văn Tỵ (2017), “Đổi mới chương trình đào tạo giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở Học viện Chính trị theo hướng phát triển năng lực”, *Tạp chí Giáo dục lý luận Chính trị Quân sự*, (3), tr.62 - 64.
141. Hoàng Trang (2005), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục - những nội dung cơ bản”, *Tạp chí giáo dục*, (114), tr.27-30.
142. Vũ Văn Gàu, Nguyễn Anh Quốc (2005), tư tưởng *Hồ Chí Minh với sự nghiệp phát triển giáo dục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
143. Đặng Đức Thắng (2006), *Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên khoa học xã hội và nhân văn ở Học viện Chính trị quân sự*, Đề tài khoa học cấp Tổng cục Chính trị, Học viện Chính trị quân sự Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
144. Lê Duy Thắng (2024), “Phát triển năng lực số của đội ngũ giảng viên ở các nhà trường Quân đội đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số hiện nay”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, (71), tr.45 - 46; tr.67.
145. Nguyễn Văn Tháp (2009), *Xây dựng đội ngũ giảng viên khoa học xã hội nhân văn trong các trường đào tạo sĩ quan quân đội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

146. Song Thành (2008), *“Nói đi đôi với làm phải nêu gương về đạo đức” - một nguyên tắc cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
147. Vũ Xuân Tiên (2019), “Phát triển đội ngũ giảng viên các nhà trường Quân đội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”, *Tạp chí giáo dục*, (7), tr.132-135.
148. Mạch Quang Thắng (2014), *Hồ Chí Minh - con người của sự sống*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.426.
149. Tổng Cục Chính trị (2018), *Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo trong nhà trường Quân đội hiện nay*, Nxb quân đội nhân dân, Hà Nội.
150. Tổng Cục Chính trị (2018), *Xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ khoa học xã hội và nhân văn trong các nhà trường Quân đội hiện nay*, Nxb quân đội nhân dân, Hà Nội.
151. Viện Khoa học giáo dục Việt Nam (1990), *Tìm hiểu tư tưởng giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
152. Vũ Việt (2010), *Nghiên cứu kiện toàn, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong các nhà trường Quân đội*, Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
153. Nghiêm Đình Vỳ (2004), *Nhận thức và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục trong học tập, nghiên cứu một nhân tố có ý nghĩa quyết định để nâng cao chất lượng giáo dục*, Hà Nội.
154. Trần Mai Ước (2013), “Nghiên cứu khoa học của giảng viên - Yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đại học trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, (6), tr.35-38.
155. Mimin Emi Suhaemi, Nur Aedi (2015), “A management strategy for the improvement of private Universities lecturers professional competencies” (Chiến lược quản lý nâng cao năng lực chuyên môn của giảng viên các trường đại học tư thục), *International Education Studies*, Vol. 8, No.12, pp. 241-254.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN

Thưa đồng chí!

Để góp phần nghiên cứu các giải pháp xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về một số nội dung dưới đây. Để bảo đảm tính khách quan của các thông tin, đồng chí không cần phải nêu tên, đơn vị công tác.

(Nếu nhất trí với phương án nào thì đồng chí đánh dấu x vào ô trống bên cạnh)

1. Theo đồng chí, việc xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay có cần thiết không:

- Rất cần thiết ☐
- Cần thiết ☐
- Bình thường ☐
- Không cần thiết ☐

2. Theo đồng chí, ĐNGV trẻ có vai trò như thế nào đối với việc xây dựng nhà trường:

- Rất quan trọng ☐
- Quan trọng ☐
- Bình thường ☐
- Không quan trọng ☐

3. Theo đồng chí, phẩm chất nào dưới đây của người GVT có ảnh hưởng lớn nhất đến học viên:

- Phẩm chất chính trị ☐
- Phẩm chất đạo đức ☐
- Phẩm chất chuyên môn, nghiệp vụ ☐

4. Theo đồng chí, ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay đã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao ở các mức độ nào:

- Tốt ☐
- Khá ☐
- Trung bình ☐
- Yếu ☐

5. Theo đồng chí, ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay có những điểm mạnh nào:

- Được đào tạo cơ bản, có trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, năng động, sáng tạo, ham học hỏi, cầu tiến bộ ☐

- Được lựa chọn từ nhiều nguồn, đang đảm nhiệm nghiên cứu, giảng dạy ở nhiều nhóm chuyên ngành khác nhau. ☐

- Sẵn sàng hoạt động trong môi trường sư phạm quân sự có kỷ luật nghiêm minh ☐

- GVT tham gia NCKH ngày càng nhiều, chất lượng, kết quả ngày càng cao, là lực lượng nòng cốt tham gia giải thưởng tuổi trẻ sáng tạo các cấp. ☐

- Đa số GVT hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. ☐

- Ý kiến bổ sung thêm:.....

6. Theo đồng chí, ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay có những điểm yếu nào:

- Tuổi đời, tuổi nghề còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu. ☐

- Một số GVT chưa thực sự cố gắng tu dưỡng, rèn luyện vươn lên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ☐

- Một số GVT có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. ☐

- Một số GVT chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của người giảng viên ☐

- Ý kiến bổ sung thêm:..... ☐

7. Theo đồng chí, người GVT ở các trường SQQĐ cần phải có những phẩm chất nào dưới đây:

- Tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. ☐

- Thực sự mô phạm về đạo đức. ☐

- Có lương tâm nghề nghiệp, yêu nghề. ☐

- Có trình độ chuyên môn và năng lực giảng dạy, nghiên cứu. ☐

- Có cách làm việc khoa học. ☐

- Phương pháp giảng dạy hấp dẫn. ☐

- Có tinh thần khắc phục khó khăn, vươn lên tự học, tự rèn. ☐

- Sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. ☐

- Có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng chí, đồng đội. ☐

- Nêu cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. ☐

- Có sức khỏe tốt ☐

- Ý kiến bổ sung thêm:

8. Theo đồng chí, những yếu tố nào dưới đây tác động đến việc xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay:

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 ☐

- Sự khủng hoảng của hệ thống chủ nghĩa xã hội ☐
- Sự gia tăng chủ nghĩa cường quyền, can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của các quốc gia ☐
- Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ diễn biến phức tạp
- Sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương ☐
- Thành tựu đổi mới đất nước 38 năm qua ☐
- Yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn mới ☐
- Yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam ☐
- Yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng các trường sĩ quan quân đội ☐
- Sự chống phá của các thế lực thù địch ☐
- Những nhu cầu cơ bản của cuộc sống hàng ngày ☐
- Những tác động tiêu cực trong đời sống xã hội ☐
- Ý kiến bổ sung thêm:

9. Theo đồng chí, công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian qua có những ưu điểm nào dưới đây:

- Cấp ủy, cán bộ chủ trì các cấp, cơ quan chức năng đã nhận thức ngày càng sâu sắc hơn vị trí, vai trò của ĐNGV trẻ đối với việc xây dựng các trường sĩ quan quân đội vững mạnh toàn diện. ☐
- Lãnh đạo, chỉ huy và cơ quan chức năng các cấp đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong xây dựng ĐNGV trẻ. ☐
- Công tác quy hoạch, tạo nguồn, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển, sử dụng GVT ngày càng chủ động, tích cực, chặt chẽ và hợp lý hơn. ☐
- Chính sách đối với ĐNGV trẻ ngày càng đổi mới và tốt hơn. ☐
- Số lượng và chất lượng GVT ngày càng được nâng lên. ☐
- Cơ cấu ĐNGV trẻ ngày càng hợp lý. ☐
- Đa số GVT hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và chức trách, nhiệm vụ được giao. ☐

10. Theo đồng chí, công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian qua còn có những hạn chế nào dưới đây:

- Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, cán bộ chủ trì về công tác xây dựng ĐNGV trẻ có lúc, có nơi chưa đầy đủ, toàn diện. ☐
- Công tác quy hoạch, tạo nguồn, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển, sử dụng GVT có thời điểm chưa đồng bộ, chậm đổi mới. ☐

- Một số GVT chưa nhận thức sâu sắc, đầy đủ vị trí, vai trò của mình, chất lượng giảng dạy và NCKH hạn chế. ☐
- Một số GVT chưa chủ động, tích cực tự học tập, tự rèn luyện nâng cao phẩm chất năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. ☐
- Thực hiện chính sách đối với ĐNGV trẻ có lúc còn chưa đầy đủ, chưa đúng mức. ☐
- Số lượng, chất lượng và cơ cấu của ĐNGV trẻ ở một số khoa còn chưa hợp lý, bất cập.

11. Theo đồng chí, để xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các trường SQQĐ, cần thực hiện những giải pháp nào dưới đây:

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng về vị trí, vai trò của GVT và tầm quan trọng của công tác xây dựng ĐNGV trẻ. ☐
- Xây dựng và thường xuyên bổ sung tiêu chuẩn của GVT đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các trường SQQĐ. ☐
- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, tạo nguồn, phát triển và sử dụng ĐNGV trẻ. ☐
- Phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng trong xây dựng ĐNGV trẻ. ☐
- Đề cao vai trò tự học tập, tự rèn luyện của ĐNGV trẻ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các trường SQQĐ trong từng giai đoạn. ☐
- Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo động lực cho ĐNGV trẻ. ☐
- Ý kiến bổ sung thêm:.....

12. Xin đồng chí vui lòng cho biết, đồng chí trong độ tuổi nào dưới đây:

- Trên 40 tuổi ☐
- 40 tuổi trở xuống ☐

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2

Bảng 3.1.1. Những phẩm chất của người GVT ở các trường SQQĐ

Số phiếu điều tra	Những phẩm chất cần có của người GVT ở các trường SQQĐ theo tư tưởng Hồ Chí Minh							
	Phẩm chất chính trị		Phẩm chất đạo đức		Phẩm chất chuyên môn, nghề nghiệp		Nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ	
	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
400	308	77	316	79	368	92	348	87

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra xã hội học tại các Trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Thông tin (tháng 8/2024)

Bảng 3.1.2. ĐNGV của Trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Thông tin năm học 2023-2024

TT	Trường	Tổng số	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
1	SQLQ1	820	3	81 (9,88%)	513 (62,56%)	226 (27,56%)
2	SQLQ2	868	5	70 (8,06%)	582 (67,06%)	216 (24,88%)
3	SQCT	398	2	65 (16,33%)	217 (54,52%)	116 (29,15%)
4	SQTT	414 (Cao đẳng 01)	0	47 (11,19%)	167 (39,76%)	199 (47,38%)

Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, phương hướng nhiệm vụ năm học 2024-2025 của Cục Nhà trường (tháng 8/2024)

Bảng 3.1.3. Sự cần thiết phải xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Số phiếu điều tra	Sự cần thiết phải xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ							
	Rất cần thiết		Cần thiết		Bình thường		Không cần thiết	
	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
400	240	60	116	29	40	10	4	1

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra xã hội học tại các Trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Thông tin (tháng 8/2024)

Bảng 3.1.4. Tầm quan trọng của người GVT đối với việc xây dựng các trường SQQĐ, khoa vững mạnh

Số phiếu điều tra	Tầm quan trọng của ĐNGV trẻ							
	Rất quan trọng		Quan trọng		Bình thường		Không quan trọng	
	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
400	160	40	140	35	92	23	8	2

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra xã hội học tại các Trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Thông tin (tháng 8/2024)

Bảng 3.1.5. Ưu điểm của công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ

Số phiếu điều tra	Ưu điểm của công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian qua							
	Nhận thức ngày càng sâu sắc hơn vị trí, vai trò		Phát huy tốt vai trò của các lực lượng		Thực hiện tốt quy trình xây dựng		Có cơ cấu, số lượng, chất lượng; chính sách tốt	
	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
400	320	80	300	75	280	70	260	65

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra xã hội học tại các Trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Thông tin (tháng 8/2024)

Bảng 3.1.6. Mức độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của người giảng viên trẻ

Số phiếu điều tra	Mức độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao của ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay							
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
400	60	15	240	60	80	20	20	5

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra xã hội học tại các Trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Thông tin (tháng 8/2024)

Bảng 3.1.7. Những điểm mạnh của ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay

Số phiếu điều tra	Những điểm mạnh của đội ngũ GVT ở các trường SQQĐ hiện nay							
	Được đào tạo cơ bản		Được lựa chọn từ nhiều nguồn		Chấp hành nghiêm kỷ luật		Đa số hoàn thành tốt nhiệm vụ	
	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
400	328	82	364	91	340	85	280	70

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra xã hội học tại các Trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Thông tin (tháng 8/2024)

Bảng 3.1.8. Các phẩm chất của người GVT tại các trường SQQĐ

Số phiếu điều tra	Các phẩm chất của người GVT theo tư tưởng Hồ Chí Minh					
	Về chính trị		Về đạo đức		Về chuyên môn, nghiệp vụ	
	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
400	360	90	380	95	340	85

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra xã hội học tại các Trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Thông tin (tháng 8/2024)

Bảng 3.1.9. Hạn chế của công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian qua

Số phiếu điều tra	Hạn chế của công tác xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian qua							
	Nhận thức, trách nhiệm của một số lực lượng chưa đầy đủ		Một số giảng viên trẻ chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ		Cơ cấu, số lượng, chất lượng ở một số bộ phận chưa hợp lý		Chính sách đối với GVT còn chưa đầy đủ	
	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
400	80	20	280	70	240	60	300	75

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra xã hội học tại các Trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Thông tin (tháng 8/2024)

Bảng 3.1.10. Những hạn chế của ĐNGV trẻ ở các trường SQQĐ hiện nay

Số phiếu điều tra	Những hạn chế của đội ngũ GVT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ thời gian qua							
	Chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu		Một số giảng viên trẻ chưa thực sự cố gắng		Một số giảng viên trẻ có biểu hiện suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống		Một số giảng viên trẻ chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ	
	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
400	308	77	316	79	300	75	240	60

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra xã hội học tại các Trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Thông tin (tháng 8/2024)

Bảng 3.1.11. Những yếu tố tác động đến việc xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay

Số phiếu điều tra	Những yếu tố tác động đến việc xây dựng ĐNGV trẻ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường SQQĐ hiện nay							
	Bối cảnh quốc tế, trong nước		Yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc, xây dựng Quân đội		Yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng các trường SQQĐ		Sự chống phá của các thế lực thù địch	
	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
400	268	67	312	78	328	82	40	10

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra xã hội học tại các Trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Thông tin (tháng 8/2024)

PHỤ LỤC 3

Số liệu 1: Tổng hợp số lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên

STT	TÊN TRƯỜNG	SỐ LƯỢNG			ĐỘ TUỔI		GHI CHÚ
		CBQLGD	GV	Tổng	Từ 40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	
1	Trường sĩ quan Lục quân 1	730	804	1534	809	725	

(Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 1, tháng 8/2024)

Số liệu 2: Tổng hợp độ tuổi, giới tính của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	ĐỘ TUỔI				GIỚI TÍNH		GHI CHÚ
		35 - 40	30 - dưới 35	25 - dưới 30	Dưới 25	Nam	Nữ	
1	Trường sĩ quan Lục quân 1 390	205	115	62	8	362	28	

(Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 1, tháng 8/2024)

Số liệu 3: Tổng hợp học hàm, học vị ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN			GS, PGS, NGND, NGƯT				GHI CHÚ
		TS	THS	CN	GS	PGS	NGND	NGƯT	
1	Trường sĩ quan Lục quân 1 390	7	210	173					

(Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 1, tháng 8/2024)

Số liệu 4: Tổng hợp kết quả hoàn thành nhiệm vụ của ĐNGV trẻ (Từ năm 2020 - 2024)

STT	NĂM	PHÂN LOẠI CÁN BỘ					PHÂN LOẠI ĐẢNG VIÊN				GHI CHÚ
		XS	T	K	TB	Y	HTXSNV	HTTNV	HTNV	KHTNV	
1	2020	54	322	10	0		54	322	10	0	
2	2021	52	328	12	0		52	328	12	0	
3	2022	48	321	8	2		48	321	8	2	
4	2023	50	325	7	2		50	325	7	2	
5	2024	33	339	17	1		33	339	17	1	

(Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 1, tháng 8/2024)

Số liệu 5: Tổng hợp trường đào tạo của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	CÁC TRƯỜNG QĐ	CÁC TRƯỜNG NGOÀI QĐ	CÁC TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI	GHI CHÚ
1	Trường sĩ quan Lục quân 1 390	368	15	7	

(Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 1, tháng 8/2024)

Số liệu 6: Tổng hợp thành phần dân tộc của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	DÂN TỘC	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Trường sĩ quan Lục quân 1	03 (mường, Thái, Tày)	8	

(Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 1, tháng 8/2024)

Số liệu 7: Tổng hợp cấp bậc của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	CẤP BẬC								
		4//	3//	2//	1//	4/	3/	2/	1/	CCQP
1	Trường sĩ quan Lục quân 1 390			111	135	93	36	10	4	1

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 1 (tháng 8/2024)

Số liệu 8: Tổng hợp chức vụ của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	CHỨC VỤ					GHI CHÚ
		CNK	PCNK	CNBM	PCNBM	GV	
	Trường sĩ quan Lục quân 1 390			7	8	375	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 1 (tháng 8/2024)

Số liệu 9: Tổng hợp thời gian công tác của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	THỜI GIAN (Năm)					GHI CHÚ
		20 - 25	15 - dưới 20	10 - dưới 15	5 - dưới 10	Dưới 5 năm	
	Trường sĩ quan Lục quân 1 390	42	107	117	105	19	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 1 (tháng 8/2024)

PHỤ LỤC 4**Số liệu 1: Tổng hợp số lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên**

STT	TÊN TRƯỜNG	SỐ LƯỢNG			ĐỘ TUỔI		GHI CHÚ
		CBQLGD	GV	Tổng	Từ 40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	
1	Trường Sĩ quan Lục quân 2	509	870	1379	765	614	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 2 (tháng 8/2024)

Số liệu 2: Tổng hợp độ tuổi, giới tính của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	ĐỘ TUỔI				GIỚI TÍNH		GHI CHÚ
		35 - 40	30 - dưới 35	25 - dưới 30	Dưới 25	Nam	Nữ	
1	Trường Sĩ quan Lục quân 2	112	119	130	15	361	15	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 2 (tháng 8/2024)

Số liệu 3: Tổng hợp học hàm, học vị ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN			GS, PGS, NGND, NGƯT				GHI CHÚ
		TS	ThS	CN	GS	PGS	NGND	NGƯT	
1	Trường Sĩ quan Lục quân 2	04	217	155					

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 2 (tháng 8/2024)

Số liệu 4: Tổng hợp kết quả hoàn thành nhiệm vụ
của ĐNGV trẻ (Từ năm 2020 - 2024)

STT	NĂM	PHÂN LOẠI CÁN BỘ					PHÂN LOẠI ĐẢNG VIÊN				GHI CHÚ
		XS	T	K	TB	Y	HTXSNV	HTTNV	HTNV	KHTNV	
1	2020										
2	2021	21	355				21	355			
3	2022	19	357				19	357			
4	2023	25	351				25	351			
5	2024	30	346				30	346			

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 2 (tháng 8/2024)

Số liệu 5: Tổng hợp trường đào tạo của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	CÁC TRƯỜNG QĐ	CÁC TRƯỜNG NGOÀI QĐ	CÁC TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI	GHI CHÚ
1	Trường Sĩ quan Lục quân 2	361	15		

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 2 (tháng 8/2024)

Số liệu 6: Tổng hợp thành phần dân tộc của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	DÂN TỘC	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Trường Sĩ quan Lục quân 2	04 (Dao, Mường, Thái, Tày)	07	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 2 (tháng 8/2024)

Số liệu 7: Tổng hợp cấp bậc của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	CẤP BẬC								GHI CHÚ
		4//	3//	2//	1//	4/	3/	2/	1/	
	Trường Sĩ quan Lục quân 2			63	140	91	72	07	03	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 2 (tháng 8/2024)

Số liệu 8: Tổng hợp chức vụ của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	CHỨC VỤ					GHI CHÚ
		CNK	PCNK	CNBM	PCNBM	GV	
	Trường Sĩ quan Lục quân 2				01	375	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 2 (tháng 8/2024)

Số liệu 9: Tổng hợp thời gian công tác của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	THỜI GIAN (Năm)					GHI CHÚ
		20 - 25	15 - dưới 20	10 - dưới 15	5 - dưới 10	Dưới 5 năm	
	Trường Sĩ quan Lục quân 2	34	186	136	19	01	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 2 (tháng 8/2024)

PHỤ LỤC 5

Số liệu 1: Tổng hợp số lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên

STT	TÊN TRƯỜNG	SỐ LƯỢNG			ĐỘ TUỔI		GHI CHÚ
		CBQLGD	GV	Tổng	Từ 40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	
1	Trường Sĩ quan Chính trị	398	398	787			

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Chính trị (tháng 8/2024)

Số liệu 2: Tổng hợp độ tuổi, giới tính của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	ĐỘ TUỔI				GIỚI TÍNH		GHI CHÚ
		35 - 40	30 - dưới 35	25 - dưới 30	Dưới 25	Nam	Nữ	
1	Trường Sĩ quan Chính trị	91	40	43	6	161	19	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Chính trị (tháng 8/2024)

Số liệu 3: Tổng hợp học hàm, học vị ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN			GS, PGS, NGND, NGU'T				GHI CHÚ
		TS	THS	CN	GS	PGS	NGND	NGU'T	
1	Trường Sĩ quan Chính trị	14	81	85					

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Chính trị (tháng 8/2024)

Số liệu 4: Tổng hợp kết quả hoàn thành nhiệm vụ của ĐNGV trẻ (Từ năm 2020 - 2024)

STT		PHÂN LOẠI CÁN BỘ					PHÂN LOẠI ĐẢNG VIÊN				GHI CHÚ
		XS	T	K	TB	Y	HTXS NV	HTTNV	HTNV	KHTNV	
1	Năm 2021	22	145	4			22	145	4		
2	2022	19	156	5			19	156	5		
3	2023	23	150	7			23	150	7		
4	2024	24	156	0			24	156	0		

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Chính trị (tháng 8/2024)

Số liệu 5: Tổng hợp trường đào tạo của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	CÁC TRƯỜNG QĐ	CÁC TRƯỜNG NGOÀI QĐ	CÁC TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI	GHI CHÚ
1	Trường Sĩ quan Chính trị	161	19		

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Chính trị (tháng 8/2024)

Số liệu 6: Tổng hợp thành phần dân tộc của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	DÂN TỘC	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Trường Sĩ quan Chính trị	03 (mường, Thái, Tày)	05	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Chính trị (tháng 8/2024)

Số liệu 7: Tổng hợp cấp bậc của ĐNGV trẻ
(Tháng 8/2024)

STT	TÊN TRƯỜNG	CẤP BẬC								GHI CHÚ
		4//	3//	2//	1//	4/	3/	2/	1/	
	Trường Sĩ quan Chính trị			44	54	34	33	8	2	180

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Chính trị (tháng 8/2024)

Số liệu 8: Tổng hợp chức vụ của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	CHỨC VỤ					GHI CHÚ
		CNK	PCNK	CNBM	PCNBM	GV	
	Trường Sĩ quan Chính trị		2	9	5	164	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Chính trị (tháng 8/2024)

Số liệu 9: Tổng hợp thời gian công tác của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	THỜI GIAN (Năm)					GHI CHÚ
		20 - 25	15 - dưới 20	10 - dưới 15	5 - dưới 10	Dưới 5 năm	
	Trường sĩ quan Chính trị	39	53	45	31	12	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Chính trị (tháng 8/2024)

PHỤ LỤC 6

SỐ LIỆU 1: Tổng hợp số lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên

STT	TÊN TRƯỜNG	SỐ LƯỢNG			ĐỘ TUỔI		GHI CHÚ
		CBQLGD	GV	Tổng	Từ 40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	
1	Trường Sĩ quan Thông tin	191	228	419	243	176	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Thông tin (tháng 8/2024)

Số liệu 2: Tổng hợp độ tuổi, giới tính của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	ĐỘ TUỔI				GIỚI TÍNH		GHI CHÚ
		35-40	30-dưới 35	25-dưới 30	Dưới 25	Nam	Nữ	
1	Trường Sĩ quan Thông tin	74	26	23	3	119	07	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Thông tin (tháng 8/2024)

Số liệu 3: Tổng hợp học hàm, học vị ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN			GS, PGS, NGND, NGƯT				GHI CHÚ
		TS	THS	CN	GS	PGS	NGND	NGƯT	
1	Trường Sĩ quan Thông tin	13	61	52					

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Thông tin (tháng 8/2024)

Số liệu 4: Tổng hợp kết quả hoàn thành nhiệm vụ của ĐNGV trẻ (Từ năm 2020 - 2024)

STT	NĂM	PHÂN LOẠI CÁN BỘ					PHÂN LOẠI ĐẢNG VIÊN				GHI CHÚ
		XS	T	K	TB	Y	HTXS NV	HTTNV	HTNV	KHTNV	
1	2021	20	102	4			20	102	4		
2	2022	19	99	8			19	99	8		
3	2023	21	101	4			21	101	4		
4	2024	24	95	7			24	95	7		

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Thông tin (tháng 8/2024)

Số liệu 5: Tổng hợp cấp bậc ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	CẤP BẬC								GHI CHÚ
		4//	3//	2//	1//	4/	3/	2/	1/	
1	Trường Sĩ quan Thông tin		2	37	45	17	17	7	1	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Thông tin (tháng 8/2024)

Số liệu 6: Tổng hợp chức vụ ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	CHỨC VỤ					GHI CHÚ
		CNK	PCNK	CNBM	PCNBM	GV	
1	Trường sĩ quan Thông tin			9		118	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Thông tin (tháng 8/2024)

Số liệu 7: Tổng hợp thời gian công tác của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	CẤP BẬC					GHI CHÚ
		20-25	15- dưới 20	10- dưới 15	5 - dưới 10	Dưới 5 năm	
1	Trường Sĩ quan Thông tin		1	7	30	87	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Thông tin (tháng 8/2024)

Số liệu 8: Tổng hợp thành phần dân tộc của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	DÂN TỘC	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Trường Sĩ quan Thông tin	0	0	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Thông tin (tháng 8/2024)

Số liệu 9: Tổng hợp thời gian công tác của ĐNGV trẻ

STT	TÊN TRƯỜNG	THỜI GIAN (Năm)					GHI CHÚ
		20 - 25	15 - dưới 20	10 - dưới 15	5 - dưới 10	Dưới 5 năm	
	Trường sĩ quan Thông tin	54	65	61	36	27	

Nguồn: Báo cáo của Phòng Đào tạo Trường sĩ quan Thông tin (tháng 8/2024)

PHỤ LỤC 7

1. Kết quả tham gia Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội lần thứ 21 của các nhà trường quân đội

STT	Đơn vị	Tổng công trình tham dự	Tổng công trình đạt giải	Trong đó			KK	Ghi chú
				Nhất	Nhì	Ba		
01	HVQP	1	1	0	1	0	0	
02	HVLQ	2	2	0	1	1	0	
03	HVCT	16	16	2	3	4	7	
04	HVHC	28	13	0	1	7	5	
05	HVQY	9	8	1	2	2	3	
06	HVKTQS	15	10	0	1	4	5	
07	TSQLQ1	16	9	2	3	2	2	
08	TSQLQ2	7	3	0	1	0	2	
09	TSQCT	14	9	0	1	4	4	
10	HVPKKQ	4	1	0	0	0	1	
11	HVBP	8	4	1	1	1	1	
12	HVHQ	8	5	0	1	3	1	
13	TSQKQ	4	2	0	1	1	0	
14	TSQKTQS	9	5	0	1	1	3	
15	TSQTTG	3	1	0	0	0	1	
16	TSQTT	1	1	0	0	1	0	
17	TSQĐC	0	0	0	0	0	0	
18	TSQPH	0	0	0	0	0	0	
19	TSQCB	0	0	0	0	0	0	
20	TSQPB	0	0	0	0	0	0	
	<i>Tổng</i>	145	90	6	18	31	35	

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết cuộc thi Tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội lần thứ 21

của Ban Thanh niên Quân đội, tháng 3/2020)

2. Kết quả tham gia Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội lần thứ 22 của các nhà trường quân đội

STT	Đơn vị	Tổng công trình tham dự	Tổng công trình đạt giải	Trong đó			Ghi chú
				<i>Nhất</i>	<i>Nhì</i>	<i>Ba</i>	
01	HVQP	1	1	0	1	0	0
02	HVLQ	5	4	0	1	3	0
03	HVCT	19	13	0	1	9	3
04	HVHC	29	15	0	3	4	8
05	HVQY	21	12	2	1	3	6
06	HVKTQS	51	35	0	8	14	13
07	TSQLQ1	21	15	0	3	7	5
08	TSQLQ2	11	6	0	0	3	3
09	TSQCT	22	15	0	2	7	6
10	HVPPKKQ	10	5	0	1	3	1
11	HVBP	9	5	0	1	1	3
12	HVHQ	10	6	0	1	3	2
13	TSQKQ	5	3	0	0	2	1
14	TSQKTQS	2	1	0	0	0	1
15	TSQTTG	0	0	0	0	0	0
16	TSQTT	8	5	0	1	2	2
17	TSQĐC	1	1	0	0	0	1
18	TSQPH	0	0	0	0	0	0
19	TSQCB	0	0	0	0	0	0
20	TSQPB	1	1	0	0	0	1
	<i>Tổng</i>	226	143	2	24	61	56

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết cuộc thi Tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội lần thứ 22 của Ban Thanh niên Quân đội, tháng 3/2021)

3. Kết quả tham gia Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội lần thứ 23 của các nhà trường quân đội

STT	Đơn vị	Tổng công trình tham dự	Tổng công trình đạt giải	Trong đó				Ghi chú
				Nhất	Nhì	Ba	KK	
01	HVQP	1	1	0	1	0	0	
02	HVLQ	4	4	0	1	0	3	
03	HVCT	16	16	0	7	5	3	
04	HVHC	26	11	0	2	5	4	
05	HVQY	8	7	1	1	2	3	
06	HVKTS	41	25	3	5	5	12	
07	TSQLQ1	19	13	0	0	9	4	
08	TSQLQ2	12	5	0	0	2	3	
09	TSQCT	7	4	0	0	1	3	
10	HVPKKQ	8	3	0	1	1	2	
11	HVBP	4	2	0	0	1	1	
12	HVHQ	8	5	0	0	1	4	
13	TSQKQ	4	2	0	1	1	0	
14	TSQKTS	6	3	0	0	1	2	
15	TSQTTG	0	0	0	0	0	0	
16	TSQTT	8	8	0	2	6	0	
17	TSQĐC	0	0	0	0	0	0	
18	TSQPH	0	0	0	0	0	0	
19	TSQCB	0	0	0	0	0	0	
20	TSQPB	0	0	0	0	0	0	
	<i>Tổng</i>	172	109	4	21	40	44	

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết cuộc thi Tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội lần thứ 23
của Ban Thanh niên Quân đội, tháng 3/2022)

4. Kết quả tham gia Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội lần thứ 24 của các nhà trường quân đội

STT	Đơn vị	Tổng công trình tham dự	Tổng công trình đạt giải	Trong đó				Ghi chú
				<i>Nhất</i>	<i>Nhì</i>	<i>Ba</i>	<i>KK</i>	
01	HVQP	1	1	0	1	0	0	
02	HVLQ	5	4	0	1	3	0	
03	HVCT	19	13	0	1	9	3	
04	HVHC	29	15	0	3	4	8	
05	HVQY	21	12	2	1	3	6	
06	HVKTQS	51	35	0	8	14	13	
07	TSQLQ1	21	15	0	3	7	5	
08	TSQLQ2	11	6	0	0	3	3	
09	TSQCT	22	15	0	2	7	6	
10	HVPKKQ	10	5	0	1	3	1	
11	HVBP	9	5	0	1	1	3	
12	HVHQ	10	6	0	1	3	2	
13	TSQKQ	5	3	0	0	2	1	
14	TSQKTQS	2	1	0	0	0	1	
15	TSQTTG	0	0	0	0	0	0	
16	TSQTT	8	5	0	1	2	2	
17	TSQĐC	1	1	0	0	0	1	
18	TSQPH	0	0	0	0	0	0	
19	TSQCB	0	0	0	0	0	0	
20	TSQPB	1	1	0	0	0	1	
	<i>Tổng</i>	226	143	2	24	61	56	

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết cuộc thi Tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội lần thứ 24 của Ban Thanh niên Quân đội, tháng 3/2023)